

Hung Yên, ngày 16 tháng 5 năm 2018

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 15/GPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng.

Địa chỉ trụ sở chính: Xóm An, thôn Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án "Nhà máy sản xuất chi màu các loại và phụ kiện ngành may" do Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng làm Chủ đầu tư, trong khuôn viên lô đất có diện tích 15.000 m² tại lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, với các nội dung sau:

2.1. Nhà bảo vệ (Ký hiệu số 1): Gồm 02 nhà.

- Diện tích xây dựng mỗi nhà: 30m².
- Chiều cao công trình: 4,6m;
- Số tầng: 01 tầng.

2.2. Nhà để xe (Ký hiệu số 2):

- Diện tích xây dựng: 147m²;
- Chiều cao công trình: 2,8m;
- Số tầng: 01 tầng.

2.3. Nhà xưởng sản xuất hợp khối với nhà văn phòng (Ký hiệu số 3 và 4):

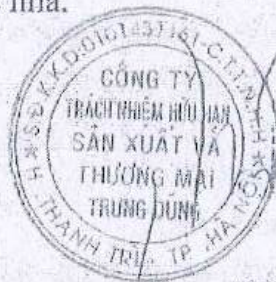
- Diện tích xây dựng: 4.088m² (Trong đó diện tích khu Văn phòng là 365 m²);
- Tổng diện tích sàn: 12.264m²;
- Chiều cao công trình: 15,95m (Trong đó: tầng 1 cao 5,35m);
- Số tầng: 03 tầng.

2.4. Nhà kho (Ký hiệu số 5):

- Diện tích xây dựng: 2.968m²;
- Tổng diện tích sàn: 8.904m²;
- Chiều cao công trình: 15,45m (Trong đó: tầng 1 cao 5,35m);
- Số tầng: 03 tầng.

2.5. Nhà nhuộm + Kho thuốc nhuộm + Nhà nồi hơi, kho than (Ký hiệu số 6, 7 và 8):

- Diện tích xây dựng: 1.505m²;



GIAM ĐỐC

Trần Khắc Cường



- Tổng diện tích sàn: 1.696m^2 (Trong đó sàn tầng 2 kho thuốc nhuộm là 191m^2);

- Chiều cao công trình: $7,65\text{m}$ (Trong đó tầng 1 kho thuốc nhuộm cao $3,95\text{m}$);

- Số tầng: Nhà nhuộm và nhà nồi hơi, kho than: 01 tầng; Kho thuốc nhuộm: 02 tầng.

2.6. Nhà chứa rác (Ký hiệu số 10):

- Diện tích xây dựng: 50m^2 .

- Chiều cao công trình: $3,55\text{m}$;

- Số tầng: 01 tầng.

2.7. Trạm bơm (Ký hiệu số 11):

- Diện tích xây dựng: $31,8\text{m}^2$.

- Chiều cao công trình: $4,2\text{m}$;

- Số tầng: 01 tầng.

2.8. Mái che (Ký hiệu số 13): Gồm có 02 mái

- Diện tích mỗi mái che: 36m^2 .

- Chiều cao thông thủy: $4,75\text{m}$;

* Mật độ xây dựng nhà máy trên lô đất đạt khoảng: 59%.

* Cốt nền xây dựng công trình tối thiểu: $+3,75\text{m}$ (Cao độ san nền khu vực lô đất dự án theo Quy hoạch chi tiết xây dựng KCN Dệt may Phố Nối - giai đoạn II được duyệt).

(Ký hiệu và vị trí các công trình được thể hiện tại bản vẽ Mặt bằng tổng thể ký hiệu MBTT-01 kèm theo tập bản vẽ thiết kế được Ban Quản lý các KCN đóng dấu kèm theo Giấy phép xây dựng này).

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Bản thỏa thuận số 75/BTT-TLĐ ngày 6/11/2017 về việc thuê lại đất giữa Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối với Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng.

4. Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng 18.3;

Địa chỉ: thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; Điện thoại: 043.38540401.

5. Trong quá trình triển khai xây dựng công trình, chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau:

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề;

- Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và nội dung Giấy phép xây dựng;

- Xuất trình Giấy phép xây dựng cho Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Dệt may Phố Nối; treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định;

- Bố trí diện tích đất trồng cây xanh đảm bảo tối thiểu 20% diện tích lô đất dự án theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch, xây dựng năm 2008 (QCXDVN 01:2008/BXD);

- Phải tuân thủ đúng trách nhiệm của Chủ đầu tư về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định tại Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. Trước ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải gửi báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục, công trình xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng tới Ban Quản lý các khu công nghiệp để được tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định;

- Khi có điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung: vị trí, diện tích xây dựng; quy mô, chiều cao, số tầng của công trình và các yếu tố khác ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực chính; điều chỉnh thiết kế bên trong công trình làm thay đổi công năng sử dụng làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng trước khi thực hiện điều chỉnh;

- Theo mặt quy hoạch tổng thể của dự án, chủ đầu tư có bố trí xử lý hội hòa chất (ký hiệu số 9), tuy nhiên chưa có bản vẽ thiết kế chi tiết, chưa đề nghị cấp GPXD cho hạng mục này. Để đảm bảo việc xây dựng công trình theo quy định, Ban Quản lý các KCN đề nghị chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị cấp GPXD đối với hạng mục này và gửi về Ban Quản lý các KCN để được xem xét, cấp GPXD trước khi thi công xây dựng.

6. Giấy phép này có hiệu lực khởi công trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. / *Phu*

Nơi nhận:

- Cty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng;
- Cty CP PTHT Dệt may Phố Nối (để giám sát);
- Lưu: VT, QH XD. Cg⁰⁴

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Vũ Quang Thắng

61-C.T.N.
TY
HÀNH
AT VÀ
MẠI
DUNG
TP. HÀ NỘI

Hung Yên, ngày 10 tháng 6 năm 2019

PHỤ LỤC
ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 07/ĐCGPXD

1. Cấp cho: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng.
Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Án, thôn Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

2. Nội dung điều chỉnh: Điều chỉnh mục 2.5 trong Giấy phép xây dựng số 15/GPXD ngày 16/5/2019 do Ban Quản lý các KCN cấp cho công trình thuộc dự án Nhà máy sản xuất chỉ màu các loại và phụ kiện ngành may trong khuôn viên lô đất có diện tích 15.000 m² tại lô L6, KCN Dệt may Phố Nối B, Xã Dị Sĩ, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, quy mô công trình Nhà nhuộm + Kho thuốc nhuộm + Nhà nồi hơi, kho than (Ký hiệu số 6,7 và 8) sau khi điều chỉnh cụ thể như sau:

- Diện tích xây dựng: 1.505m²;
- Tổng diện tích sàn: 3.395,8 m²;
- Chiều cao công trình: 17,35m;
- Số tầng: 04 tầng.



GIAM ĐỐC

3. Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Nam Hưng,
Địa chỉ: Số 36, Đường Hoàng Hoa Thám, Phường An Tảo, Thành phố Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên;

4. Các nội dung khác giữ nguyên theo Giấy phép xây dựng số 15/GPXD ngày 16/5/2019. Phụ lục điều chỉnh giấy phép xây dựng này và là bộ phận không tách rời với Giấy phép xây dựng số 15/GPXD ngày 16/5/2019 đã được Ban Quản lý các KCN tỉnh cấp.

Nơi nhận:

- Cty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng;
- Cty CP PTHƯ Dệt may Phố Nối (để giám sát);
- Lưu: VT, QHXD. Cg⁰¹

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Vũ Quang Thắng

Hưng Yên, ngày 10 tháng 4 năm 2025

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 29/GPXD

1. Cấp cho: Công ty Cổ phần Sản xuất và đầu tư Trung Dũng.

- Mã số doanh nghiệp: 0101431161;

- Địa chỉ: Xóm Ân, thôn Triều Khúc, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

2. Được phép xây dựng công trình Nhà xe + kho + xưởng và Nhà lò hơi thuộc dự án Nhà máy sản xuất chỉ màu và phụ kiện ngành may, tại Lô L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Thành Đông- Hải Dương.

Địa chỉ: Số nhà 19/12, Hai Bà Trưng, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương. Điện thoại: 0986.411.885;

- Đơn vị thẩm tra thiết kế: Công ty Cổ phần FBT Việt Nam.

Địa chỉ: Số 44/30 Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 0912.203.456;

- Loại, cấp công trình chính thuộc dự án: Công trình công nghiệp nhẹ, cấp II.

- Gồm 02 công trình, với các nội dung sau:

2.1. Nhà xe + kho + xưởng (ký hiệu số 5A):

- Diện tích xây dựng: 2.531,3 m²;

- Tổng diện tích sàn: 7.593,9 m²;

- Chiều cao công trình: 16,7 m;

- Số tầng: 03 tầng.

2.2. Nhà lò hơi (ký hiệu số 5B):

- Diện tích xây dựng: 436,7 m²;

- Chiều cao công trình: 18,45 m²;

- Số tầng: 01 tầng.

* Cốt nền xây dựng công trình tối thiểu: +3.75m (Cao độ san nền khu vực lô đất dự án theo Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối - Giai đoạn II được duyệt)

* Mật độ xây dựng: 58,93%.

(Vị trí định vị các công trình theo bản vẽ Quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh (lần 1) dự án Nhà máy sản xuất chỉ màu và phụ kiện ngành may được Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh phê duyệt kèm theo Quyết định số 197/QĐ-BQL ngày 22/11/2024. Chi tiết các công trình theo hồ sơ thiết kế xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt kèm theo).

3. Giấy tờ về đất đai: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 484435 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/8/2020.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì Chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Cty CP Sản xuất và đầu tư Trung Dũng;
- Cty CP Phát triển HT Dệt may Phố Nối (để p/h giám sát);
- Lưu: VT, QH XD & TNMT^{Văn05}

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Lâm Đức Thuận

CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Thông báo khởi công xây dựng công trình đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên.

4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 98 của Luật Xây dựng năm 2014 (Vị trí, diện tích xây dựng; quy mô, chiều cao công trình và các yếu tố khác ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực chính, làm thay đổi công năng sử dụng làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường) thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép.

6. Các yêu cầu khác:

- Phải xây dựng công trình theo đúng vị trí định vị và bố trí diện tích đất trồng cây xanh bảo tỷ lệ tối thiểu 20% trên tổng diện tích lô đất sử dụng của dự án theo QCVN 01:2021/BXD và theo Quy hoạch tổng mặt bằng điều chỉnh (lần 1) dự án Nhà máy sản xuất chỉ màu và phụ kiện ngành may đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 197/QĐ-BQL ngày 22/11/2024.

- Quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ; đảm bảo an toàn đối với các khu vực, vị trí có tường xây kích thước lớn (dày 220mm, cao trên 4,5m) theo quy định Chủ đầu tư, tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm tra chịu trách nhiệm về kết quả tính toán kết cấu, kết luận về an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.

- Tuân thủ quy định về trách nhiệm quản lý chất lượng công trình theo quy định tại Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng. Trước ngày dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng, Chủ đầu tư phải gửi báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình theo mẫu Phụ lục VI, Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 đến Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hưng Yên để được tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định./.



UB tỉnh Hưng Yên
VT: A/0 TH/Thu. Gốc
Giấy: 0002/2018
10:48:38

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 448 /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 07 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy
sản xuất chỉ màu và phụ kiện ngành may của Công ty TNHH sản xuất và
thương mại Trung Dũng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nhà máy sản xuất chỉ màu và phụ kiện ngành may của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 59/BC-STNMT ngày 05/02/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Nhà máy sản xuất chỉ màu và phụ kiện ngành may của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục tiêu, quy mô và địa điểm thực hiện dự án:

- Mục tiêu: Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất chỉ màu các loại và dây chun dệt kim, dệt thoi.

- Quy mô: Sản xuất chỉ màu các loại: 1.200 tấn sản phẩm/năm; sản xuất dây chun dệt kim, dệt thoi: 1.200 tấn sản phẩm/năm.

- Sản phẩm đầu ra: Chỉ màu các loại, dây chun.

- Địa điểm: Tại khu đất có diện tích khoảng 15.000 m² thuộc Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án và trách nhiệm của chủ dự án trong quá trình thi công xây dựng và vận hành:

- Thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh đảm bảo đạt quy định về nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, xử lý sơ bộ trước khi thải ra môi trường; xây dựng hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải.

- Xử lý bụi, khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Khí thải đối với bụi và các chất vô cơ giá trị giới hạn B; QCVN 20:2009/BTNMT - Khí thải đối với một số chất hữu cơ; xử lý tiếng ồn, độ rung đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT; phải có biện pháp xử lý mùi đảm bảo không phát thải khí thải có mùi khó chịu vào môi trường.

- Phải vận hành các công trình xử lý chất thải thường xuyên liên tục, đúng theo quy trình kỹ thuật và phải được thể hiện trong nhật ký vận hành, đảm bảo nước thải, khí thải sau thiết bị xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường cho phép.

- Thu gom, phân loại, lưu giữ và xử lý toàn bộ các chất thải rắn công nghiệp, rác thải sinh hoạt, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

- Lập kế hoạch và đảm bảo phương tiện, nhân lực để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu và khắc phục các rủi ro và sự cố môi trường; chịu trách nhiệm đền bù những thiệt hại môi trường do dự án gây ra.

- Nghiêm túc thực hiện chương trình giám sát chất lượng môi trường như đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu trữ số liệu giám sát và định kỳ báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh.

- Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án đi vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Công an tỉnh; Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mỹ Hào; Giám đốc Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT; CV; TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thế Cử

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2698 /GPMT-UBND

Hung Yên, ngày 22 tháng 11 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng số 105/TD-VB ngày 16/11/2022 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 481/BC-STNMT ngày 18 tháng 11 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cho Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng, địa chỉ: Lô L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất chỉ màu và phụ kiện ngành may” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất chỉ màu và phụ kiện ngành may.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 8173628453 chứng nhận lần đầu ngày 21/11/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 08/6/2020 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 0101431161 đăng ký lần đầu ngày 24/11/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04/10/2019 của Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, mã số địa điểm kinh doanh: 00001, đăng ký lần đầu ngày 03/10/2019 của Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên.

1.4. Mã số thuế: 0101431161.

1.5. Loại hình sản xuất: Sản xuất chỉ màu các loại và dây chun dệt kim, dệt thoi.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được triển khai tại khu đất có diện tích 15.000 m² tại Lô L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

- Loại hình dự án thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô xây dựng: Nhà xưởng sản xuất + nhà văn phòng (4.088 m²); nhà kho (2.968 m²); nhà nhuộm + nhà nổi hơi, kho than (1.505 m²); các hạng mục công trình phụ trợ và công trình xử lý chất thải (gồm hệ thống xử lý nước thải sản xuất; hệ thống xử lý bụi, khí thải; khu lưu giữ tạm thời chất thải rắn).

- Công suất sản xuất: Sản xuất chỉ màu: 1.200 tấn sản phẩm/năm (tương đương 5.016.000 m²/năm); sản xuất dây chun dệt kim, dệt thoi: 1.200 tấn sản phẩm/năm (tương đương 5.016.000 m²/năm).

2. Nội dung cấp giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về thu gom, xử lý nước thải quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thời hạn của Giấy phép: 07 năm kể từ ngày cấp giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *ra*

Nơi nhận: *nghe*

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh (đăng tải công khai);
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (trả kết quả);
- Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2¹.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Nam
Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2698/GPMT-UBND ngày 22/11/2022 của
UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Có 02 nguồn:

- Nguồn số 1: Khí thải sau hệ thống xử lý hơi thuốc nhuộm từ quá trình xả áp nồi nhuộm và từ các bể xử lý nước thải.

- Nguồn số 2: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Khí thải sau hệ thống xử lý hơi thuốc nhuộm từ quá trình xả áp nồi nhuộm và từ các bể xử lý nước thải

- Vị trí xả khí thải: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý hơi thuốc nhuộm từ quá trình xả áp nồi nhuộm và từ các bể xử lý nước thải thuộc địa bàn phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m): 2313608; Y(m): 560351.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 7.000 m³/giờ.

+ Phương thức xả khí thải: Cường bức.

+ Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, K_p=0,9, K_v=0,8), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm ³	36
2	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	5,4
3	Hơi H ₂ SO ₄ hoặc SO ₃ , tính theo SO ₃	mg/Nm ³	36
4	Fomaldehyt	mg/Nm ³	20
5	Naphtalen	mg/Nm ³	150

2.2. Khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi

- Vị trí xả khí thải: Ống khói sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi thuộc địa bàn phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên. Tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°): X(m): 2361756; Y(m): 560180.

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 15.600 m³/giờ.

+ Phương thức xả khí thải: Cường bức.

+ Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p=0,9$, $K_v=0,8$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	144
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	720
3	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	612
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	360

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ quá trình xả áp nồi nhuộm và từ các bể xử lý nước thải được lắp đặt chụp hút, đường ống thu gom về hệ thống xử lý hơi thuốc nhuộm.

- Nguồn số 2: Bụi, khí thải từ lò hơi số 1 và bụi khí thải từ lò hơi số 2 (dự phòng, dự kiến lắp đặt vào quý III-IV/2023) được thu gom chung về 01 hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý hơi thuốc nhuộm từ quá trình xả áp nồi nhuộm và từ các bể xử lý nước thải

- Quy trình công nghệ: Hơi thuốc nhuộm từ quá trình xả áp nồi nhuộm và từ các bể xử lý nước thải → tháp xử lý hơi thuốc nhuộm → tháp tách nước → tháp hấp phụ → khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p=0,9$, $K_v=0,8$), QCVN 20:2009/BTNMT thải ra môi trường qua ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 7.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch NaOH, than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi

- Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải lò hơi → quạt hút → thiết bị lọc bụi cyclone → bể giải nhiệt → bể xử lý khí thải (dung dịch NaOH) → khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p=0,9$, $K_v=0,8$) thải ra môi trường qua ống khói.

- Công suất thiết kế: 15.600 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Hệ thống xử lý hơi thuốc nhuộm từ quá trình xả áp nồi nhuộm và từ các bể xử lý nước thải

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 12/2022 đến tháng 02/2023.

- Vị trí lấy mẫu: Ống thoát khí sau hệ thống xử lý hơi thuốc nhuộm từ quá trình xả áp nồi nhuộm và từ các bể xử lý nước thải.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Giám sát các thông số ô nhiễm bao gồm: Lưu lượng; amoniac và các hợp chất amoni; hydro sunphua, H_2S ; hơi H_2SO_4 hoặc SO_3 , tính theo SO_3 ; fomaldehyt; naphtalen.

+ Quy chuẩn chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p=0,9$, $K_v=0,8$), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 12/2022 đến tháng 02/2023.

- Vị trí lấy mẫu: Ống khói sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+ Giám sát các thông số ô nhiễm bao gồm: Lưu lượng; bụi tổng; cacbon oxit, CO; nitơ oxit, NO_x (tính theo NO_2); lưu huỳnh đioxit, SO_2 .

+ Quy chuẩn chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $K_p=0,9$, $K_v=0,8$).

- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. *va*

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2698/GPMT-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

Phát sinh từ hoạt động của dây chuyền sản xuất của nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tại xưởng sản xuất.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; định kỳ bảo dưỡng thiết bị, máy móc; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Định kỳ kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc; bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng cao su, vòng phớt; thường xuyên kiểm tra cân bằng và hiệu chỉnh khi cần thiết.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị để hạn chế tiếng ồn, độ rung. *w*

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2698/GPMT-UBND ngày 22/11/2022 của UBND tỉnh Hưng Yên)

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

- Nước thải sinh hoạt từ 04 bể tự hoại có tổng thể tích $27,6 \text{ m}^3$ và nước thải nhà ăn qua 04 bồn tách dầu mỡ bằng inox được thu gom bằng hệ thống đường ống PVC D110 với tổng chiều dài 199 m dẫn về hố ga thu gom nước thải của dự án.

- Nước thải sản xuất: Nước thải vệ sinh sản được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $450 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ bằng đường ống PVC dài 112,94 m; nước thải từ công đoạn nhuộm, máy vắt được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $450 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ bằng đường ống inox D160 dài 101,88m; nước thải từ 02 hệ thống xử lý bụi, khí thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $450 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ bằng đường ống mềm D110 dài 81,88 m. Nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $450 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ dẫn về hố ga thu gom nước thải của dự án bằng đường ống inox D160 dài 193,88 m.

Nước thải hố ga thu gom nước thải của dự án được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, vĩ tuyến 3°): X=2313908; Y=560245.

- Ngoài ra, nước làm mát được thu gom, tuần hoàn tái sử dụng không thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt**

- Quy trình công nghệ xử lý: (Nước thải sinh hoạt $\rightarrow$ bể tự hoại với tổng thể tích $27,6 \text{ m}^3$) + (nước thải nhà ăn $\rightarrow$ hệ thống 04 bồn tách dầu mỡ dung tích 150-300 lít) $\rightarrow$ hố ga thu gom nước thải của dự án và đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm vi sinh.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất

Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $450 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$:

- Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải $\rightarrow$ hố thu $\rightarrow$ bể điều hoà $\rightarrow$ tháp giải nhiệt $\rightarrow$ bể điều chỉnh pH $\rightarrow$ bể keo tụ, tạo bông $\rightarrow$ bể lắng 1 hoá lý $\rightarrow$ bể trung hoà $\rightarrow$ bể hiếu khí $\rightarrow$ bể lắng 2 $\rightarrow$ bể trung gian $\rightarrow$ bồn lọc áp lực $\rightarrow$ bể khử trùng $\rightarrow$ nước thải sau xử lý đạt nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối.

- Công suất thiết kế: $450 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất sử dụng: NaOH, H_2SO_4 , PAC, khử màu, polymer, javen.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

- Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ tháng 12/2022 đến tháng 02/2023.
- Vị trí lấy mẫu: Nước thải đầu vào tại bể điều hoà và nước thải sau xử lý tại hồ gom nước thải của dự án đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối.
- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:
 - + Giám sát các thông số ô nhiễm bao gồm: Lưu lượng, TSS, sunfua, coliform, BOD₅, xyanua, pH, nhiệt độ, tổng nitơ, clo dư, clorua, COD, độ màu, dầu mỡ khoáng.
 - + Tiêu chuẩn chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn đầu nối nước thải của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối.
- Tần suất lấy mẫu: Theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất phát sinh của dự án đảm bảo đạt nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối.

3.2. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về đầu nối nước thải và các điều kiện về vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

3.4. Bố trí hệ thống thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thoát nước thải; nước mưa chảy tràn phải được thu gom, lắng cặn qua hố ga trước khi đưa vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa của KCN. Thường xuyên kiểm tra, nạo vét định kỳ hố ga thu nước mưa và rãnh thoát nước mưa, nước thải, phòng ngừa tắc nghẽn cục bộ, vệ sinh khuôn viên để hạn chế rác thải cuốn theo nước mưa ra bên ngoài. 

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2498/GPMT-UBND ngày 22/11/2022 của
UBND tỉnh Hưng Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Mã chất thải nguy hại	Số lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	6
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm TPNH	Rắn	18 01 02	164
3	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	2
4	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	61
5	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	41
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	125
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại, vật liệu lọc dầu, than hoạt tính)	Rắn	18 02 01	867
8	Bùn thải có thành phần nguy hại từ hệ thống xử lý nước thải (ngành dệt nhuộm)	Bùn	10 02 03	330
9	Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hóa-lý (hệ thống xử lý khí thải)	Bùn	12 02 02	110
Tổng cộng				1.706

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Thành phần	Đơn vị	Khối lượng
1	Rác thải rắn sản xuất thông thường: lõi chỉ, bìa carton, kim loại, thủy tinh, chai nhựa, bao nylon, giấy	Kg/năm	17.652
2	Tro than củi	Kg/năm	129.600
	Tổng	Kg/năm	147.252

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh
40 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa dung tích 60 lít, 120 lít.
- Khu vực lưu chứa: Diện tích 24,5 m²; kết cấu tường xây gạch, lợp mái tôn, nền lát xi măng chống thấm nước, bố trí rãnh thu gom và hố ga phòng ngừa sự cố tràn đổ chất thải dạng lỏng; dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa dung tích 120 lít.
- Khu vực lưu chứa: Diện tích 24,5 m²; kết cấu tường xây gạch, lợp mái tôn, nền lát xi măng chống thấm nước.

Ngoài ra, bố trí khu lưu giữ tro than củi tại khu vực lò hơi có diện tích 44 m²; kết cấu nền đổ bê tông, tường xây gạch đến chiều cao 1,1m, quây tôn sóng xanh đến chiều cao 5m, mái có độ dốc 12%.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa HDPE dung tích 15 lít, 120 lít.
- Khu vực lưu chứa: Chứa cùng với khu lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 24,5 m²; kết cấu tường xây gạch, lợp mái tôn, nền lát xi măng chống thấm nước.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng cháy, chữa cháy;

- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, để đúng vào các thùng chứa đã được dán tên, mã chất thải. Kho chứa rác thải có cửa ra vào để kiểm soát; dán biển tên, biển cảnh báo tại khu vực kho chứa rác thải. Định kỳ thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, tránh tình trạng để rác thải đầy kho, tràn ra ngoài. /.

Số: 83 / TD-PCCC**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy,

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 67/CV ngày 30/01/2018 của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng.

Người đại diện là ông: **Triệu Khắc Trung** Chức danh: **Giám đốc**

**PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH - CÔNG AN TỈNH HUNG YÊN
CHỨNG NHẬN:**

Công trình: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MÀU VÀ PHỤ KIỆN NGÀNH MAY**
Địa điểm xây dựng: **Lô L6 KCN dệt may Phố Nối, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên**
Chủ đầu tư: **Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng**
Đơn vị tư vấn thiết kế xây dựng: **Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 183**
Đơn vị thiết kế PCCC: **Công ty TNHH MTV PCCC Ngôi Sao**

GIÁM ĐỐC
Triệu Khắc Trung

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Quy mô (Nhà xưởng 03 tầng, diện tích 3.723 m²; Nhà kho 03 tầng, diện tích 2.968 m²; Nhà văn phòng 03 tầng, diện tích 365 m²; Khu nhuộm (Nhà nhuộm 01 tầng, diện tích 1.200 m²; Kho thuốc nhuộm 02 tầng (01 tầng lửng), diện tích 190 m²; Nhà nồi hơi + kho than 01 tầng, diện tích 115 m²); và các nhà phụ trợ khác); hạng sản xuất, bậc chịu lửa, tính chất nguy hiểm cháy, nổ;
- Giao thông, khoảng cách an toàn PCCC, thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy bằng nước (hạng nước chữa cháy trong nhà, ngoài nhà, Sprinkler);
- Hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn, hút khói, lắp áp buồng thang;
- Trang bị bình chữa cháy xách tay... theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2/1.

Nơi nhận:

- C66 - Bộ Công an;
- Chủ đầu tư;
- Lưu PC66.

Hưng Yên, ngày 28 tháng 02 năm 2018



Thiếu tá **Trần Công Quyền**

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THAM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Mặt bằng quy hoạch tổng thể.	MBTT	
2	Các bản vẽ kiến trúc, kết cấu.	KT-KC	
3	Các bản vẽ giao thông, khoảng cách an toàn PCCC, thoát nạn.	KT	
4	Các bản vẽ hệ thống báo cháy tự động: + Trung tâm báo cháy 25 kênh; + 23 Đầu báo cháy khói; + 1.123 Đầu báo cháy nhiệt; + 41 Tổ hợp nút ấn báo cháy, chuông, đèn.	E00-FA09	
5	Các bản vẽ hệ thống cấp nước chữa cháy thể hiện: - 01 Bể nước dự trữ có khối tích $V = 875 \text{ m}^3$; - 01 Bơm chữa cháy chính động cơ điện có thông số lưu lượng $Q \geq 153 \text{ l/s}$; cột áp $H \geq 80 \text{ mcn}$; 01 Bơm chữa cháy động cơ Diesel dự phòng có thông số lưu lượng $Q \geq 153 \text{ l/s}$; cột áp $H \geq 80 \text{ mcn}$; 01 Bơm bù có thông số lưu lượng $Q \geq 1,38 \text{ l/s}$; cột áp $H \geq 100 \text{ mcn}$ - 04 Trụ nước chữa cháy ngoài nhà; - 54 Hạng nước chữa cháy vách tường kèm theo van khóa, lăng, vòi đồng bộ; - 2.762 Đầu phun Sprinkler loại đầu phun quay xuống.	M 03 ÷ 16	
6	Các bản vẽ thể hiện vị trí, số lượng bình chữa cháy xách tay thể hiện: - 134 Bình bột chữa cháy loại MFZL4; - 67 Bình khí CO2 chữa cháy MT3; - 27 Bình chữa cháy xe đẩy MT35.	M 03 ÷ M9	
7	Các bản vẽ hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn: + 78 Đèn chiếu sáng sự cố; + 46 Đèn chỉ dẫn thoát nạn.	FA 09 ÷ 19	
8	+ Hệ thống hút khói, tăng áp buồng thang	E00-FA14	



Số: 109/NT-PCCC

Hưng Yên, ngày 09 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng.

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 83/TD-PCCC ngày 18/4/2018 và Văn bản thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 33/TD-PCCC ngày 29/5/2019 của Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (viết tắt là PCCC và CNCH) Công an tỉnh Hưng Yên;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC số 29/CV-NTPCCC đề ngày 16/4/2022 và số 02/2022/BC-TD đề ngày 06/7/2022 của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng (kèm theo hồ sơ, tài liệu có liên quan);

Người đại diện theo pháp luật là ông Triệu Khắc Trung; Chức vụ: Giám đốc.

Căn cứ Biên bản kiểm tra kết quả nghiệm thu về PCCC và CNCH ngày 07/6/2022 và ngày 05/8/2022 do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên cùng các bên liên quan lập.

Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC của công trình Nhà máy sản xuất chỉ màu và phụ kiện ngành may với các nội dung sau:

Địa điểm xây dựng: KCN Dệt may Phố Nối, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng.

Đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH Thương mại và xây lắp cơ điện lạnh Hải Dương.

Đơn vị thi công: Công ty TNHH tư vấn xây dựng và phát triển Nhà Việt (thi công xây dựng); Công ty TNHH kỹ thuật công nghiệp Phúc Long (thi công hệ thống hút khói, cửa chống cháy); Công ty TNHH thiết bị phòng cháy chữa cháy Đức Minh (thi công PCCC).

Quy mô công trình

Nhà xưởng cao 03 tầng, có diện tích 3.723 m²/tầng; Nhà văn phòng cao 03 tầng có diện tích 365 m²/tầng; Nhà nhuộm có diện tích 1.200 m², sân lũng thao tác nhuộm có diện tích 935 m², khu vực phòng kỹ thuật cao 03 tầng, diện tích khoảng

120 m², khu vực nhà nổi hơi có diện tích 115 m² và các hạng mục phụ trợ khác. Hạng mục còn lại của dự án gồm: Nhà kho cao 03 tầng, có diện tích 2.968 m²/tầng, chủ đầu tư chưa thi công xây dựng.

Các hệ thống, giải pháp PCCC: Hệ thống báo cháy tự động trang bị cho toàn bộ các hạng mục công trình, tủ trung tâm báo cháy tự động theo vùng 20 kênh đặt tại phòng bảo vệ có người thường trực 24/24 giờ. Hệ thống chữa cháy bằng nước bao gồm hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà, hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà và hệ thống chữa cháy tự động sprinkler, được cấp nước từ trạm bơm chữa cháy độc lập đặt ngoài nhà (gồm: 01 Máy bơm động cơ điện (phần bơm Parma/Trung Quốc, phần động cơ Tubos/Việt Nam) có thông số kỹ thuật: công suất P = 160 kW, Cột áp H = 87-70 m.c.n, lưu lượng Q = 450-585 m³/h; 01 Máy bơm động cơ diezen (phần bơm Weifang/Trung Quốc, phần động cơ Tubos/Việt Nam) có thông số kỹ thuật: công suất P = 175 kW, Cột áp H = 87-70 m.c.n, lưu lượng Q = 450-585 m³/h; 01 Máy bơm bù áp động cơ điện Ewara/Trung Quốc có thông số kỹ thuật: công suất P = 3 kW; Cột áp H = 80 – 10 m.c.n; lưu lượng Q = 2-14 m³/h, kết nối từ 01 bể nước chữa cháy có khối tích khoảng 720 m³). Hệ thống hút khói sự cố trang bị cho nhà xưởng gồm 06 Quạt hút khói có thông số Q = 38.000 m³/h, H = 500 Pa. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn bố trí trên các cửa ra vào, đường thoát nạn để chiếu sáng, chỉ dẫn lối đi và dễ quan sát. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu cho toàn bộ hạng mục công trình.

Nội dung được nghiệm thu về PCCC:

- Đường giao thông phục vụ công tác chữa cháy;
- Khoảng cách an toàn PCCC;
- Quy mô; Bậc chịu lửa; Bố trí công năng của công trình liên quan đến PCCC;
- Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
- Giải pháp thoát nạn; Hệ thống hút khói; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy bằng nước (trong nhà, ngoài nhà và chữa cháy tự động sprinkler);
- Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu;
- Giải pháp cấp điện cho hệ thống PCCC.

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng;

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về PCCC đối với hạng mục công trình trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ, đồng thời liên hệ với Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên để được hướng dẫn, lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC.

- Chủ đầu tư, đơn vị quản lý vận hành phải đảm bảo sử dụng theo đúng công năng và diện tích đã được thẩm duyệt. Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình ảnh hưởng đến một trong các yêu cầu an toàn PCCC quy định tại Điều 11 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ thì phải lập hồ sơ thiết kế về PCCC, gửi đến Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH Công an tỉnh Hưng Yên để được thẩm duyệt thiết kế và nghiệm thu về PCCC theo quy định.

Văn bản này là một trong những căn cứ để Chủ đầu tư đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- C07 – Bộ Công an;
- Đ/c Nguyễn Trường Lâm - PGĐCAT; (Đề báo cáo)
- Đ/c Trưởng phòng;
- Đội Công tác phòng cháy (để theo dõi);
- Lưu: TMth.



Trung tá Cao Thế Hùng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 237/2024/HĐ - XLNT

Hợp đồng xử lý nước thải (sau đây gọi là "**Hợp đồng**") được ký kết ngày 31 tháng 12 năm 2024, bởi và giữa các bên có tên dưới đây (sau đây gọi chung là "**Các Bên**", và gọi riêng là "**Bên**");

1. CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG DỆT MAY PHỐ NỘI (sau đây gọi tắt là "Bên A")

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0900234755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên đổi lần thứ 8 ngày 02 tháng 5 năm 2024.
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Dệt may Phố Nội, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: 0221.3972520
- Fax: 0221.3972540
- Tài khoản số: 12280909
- Mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - chi nhánh Hưng Yên
- Người đại diện: Ông **Phan Tiến Dũng** - Tổng giám đốc theo giấy ủy quyền số 145/UQ-PTHT ngày 24/4/2024.

2. Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Trung Dũng (sau đây gọi tắt là "Bên B")

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0101431161 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (Phòng ĐK Kinh Doanh) cấp đổi lần 4 ngày 19 tháng 4 năm 2024.
- Địa chỉ: Xóm Ấn - Thôn Triều Khúc - Xã Tân Triều - Huyện Thanh Trì - TP Hà Nội
- Điện thoại: 0933004444
- Fax: 043 5523632
- Tài khoản số: 57821739
- Mở tại ngân hàng: ACB – PGD Thanh Trì Hà nội
- Người đại diện theo pháp luật: Ông **Triệu Khắc Trung**
- Chức vụ: Giám đốc

Trên cơ sở thỏa thuận các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng, các bên thống nhất như sau:

Điều 1: Đối tượng của Hợp đồng

Theo yêu cầu của Bên B, Bên A nhận cung cấp dịch vụ xử lý nước thải do Bên B thải ra trong quá trình hoạt động sản xuất thông qua Nhà máy xử lý nước thải tập trung tại Khu

Công Nghiệp trước khi nước thải của Bên B được xả vào nguồn tiếp nhận ngoài Khu Công Nghiệp.

Điều 2: Chất lượng nước thải

Bên A xử lý nước thải cho Bên B đạt Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp (QCDP 02: 2019/HY) với hệ số $K_f=K_q=0,9$; $K_{hy}=0,85$.

Điều 3: Thời hạn Hợp đồng: Hợp đồng có thời hạn kể từ ngày ký đến 31/12/2025.

Điều 4: Đơn giá.

4.1 Đơn giá năm 2025: **26.500 đồng/lm³ nước thải.**

(*Bảng chữ: Hai mươi sáu nghìn, năm trăm đồng chẵn trên một mét khối nước thải.*)

Đơn giá xử lý nước thải chưa bao gồm các loại thuế, phí BVMT đối với nước thải mà bên B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Đối với trường hợp Bên B có từ một thông số nước thải vượt định mức tối đa theo quy định tại Phụ lục số 01 đính kèm Hợp đồng này thì Đơn giá này sẽ được tính tăng thêm phụ phí theo Điều 4.3 Hợp đồng này.

4.2 Đơn giá sẽ được điều chỉnh cho từng năm, mỗi lần điều chỉnh theo chỉ số lạm phát của Việt Nam nhưng không được vượt quá 15% đơn giá của giai đoạn trước đó. Khi Bên A điều chỉnh lại Đơn giá sẽ thông báo chính thức cho bên B bằng văn bản trước ít nhất 30 ngày kể từ thời điểm áp dụng để hai bên thực hiện và Các bên sẽ ký phụ lục hợp đồng hoặc Hợp đồng để điều chỉnh.

Trong trường hợp có yếu tố khách quan dẫn tới cần điều chỉnh Đơn giá trong thời hạn của Hợp đồng này thì Bên A sẽ thông báo trước bên B như quy định tại Điều này để Các bên thương thảo và thống nhất trước khi thực hiện.

4.3 Phụ phí tính thêm áp dụng cho trường hợp Bên B có kết quả phân tích nước thải vượt Định mức tối đa từ một thông số trở lên theo Phụ lục số 01 Hợp đồng này (gọi tắt là Phụ phí tính thêm).

a. Phụ phí tính thêm được tính bằng Tổng số % phí tính thêm nhân với Đơn giá quy định tại Điều 4.1 Hợp đồng này.

b. Tổng số % phí tính thêm được quy định như sau: Khi bên B có kết quả phân tích nước thải vượt Định mức tối đa quy định tại Phụ lục số 01 thì thông số nước thải đầu tiên được chọn để tính Tổng số % phí tính thêm vượt Định mức tối đa là thông số nước thải có số phần trăm (%) cao nhất theo quy định Phụ lục số 01. Sau đó, cứ mỗi thông số nước thải tiếp theo vượt từ 1,2 lần Định mức tối đa của Phụ lục số 01 thì sẽ cộng thêm 01 % (một phần trăm).

c. Đơn giá xử lý nước thải của Bên B khi tính thêm Phụ phí tính thêm (gọi tắt là Đơn giá có phụ phí) bao gồm: Đơn giá quy định tại Điều 4.1 Hợp đồng này cộng với Phụ phí tính thêm và được tính theo công thức sau:

Đơn giá có phụ phí (P) = Đơn giá (p) + Phụ phí tính thêm (T)

Trong đó: Phụ phí tính thêm (T) = Đơn giá (p) x Tổng tỷ lệ vượt Định mức tối đa (v) của tháng.

Đơn giá có phụ phí sẽ áp dụng cho tổng khối lượng xả thải (theo biên bản chốt khối lượng hàng tháng giữa hai bên) của Bên B trong tháng có phát sinh thông

số nước thải vượt Định mức tối đa theo quy định của Phụ lục số 01.

- d. Việc lấy mẫu nước thải của Bên B để xác định các thông số vượt nêu tại Điều này sẽ do đơn vị thí nghiệm có năng lực được cơ quan Nhà nước công nhận và được Bên A chỉ định (Trung tâm quan trắc thông tin tài nguyên và môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hưng Yên hoặc Đơn vị tương đương). Vị trí lấy mẫu: tại cửa xả nước thải của bên B xả vào hệ thống thu gom nước thải của bên A. Tần suất lấy mẫu tối đa không quá 03 lần/tháng. Thời điểm lấy mẫu sẽ do Bên A thông báo theo kế hoạch hoặc có thể lấy mẫu đột xuất theo yêu cầu của bên A.

Điều 5: Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của mỗi tháng được tính theo quy định của pháp luật, hiện tại phí được tính theo Nghị định 53/2020/NĐ – CP (áp dụng đối với QCVN 40: 2011/BTNMT cột A), cụ thể:

Phí bảo vệ môi trường (F) = Phí biến đổi (C) + Phí cố định (f)

Trong đó: $C = \text{Tổng lượng nước thải} * (51,67 * 2000 + 34,43 * 2400 + 2 * 10^6 * 0,0405) * 10^{-5}$
 $= \text{Tổng lượng nước thải} * 267 \text{ đồng}$

$f = 334.000 \text{ đồng/ tổng số doanh nghiệp.}$

Trường hợp quy định của Nhà nước và/ hoặc Chính phủ về cách tính phí BVMT có sự thay đổi thì phí BVMT được áp dụng theo quy định tại từng thời điểm do Nhà nước và/ hoặc Chính phủ ban hành.

Hàng tháng trên cơ sở chốt tổng lượng nước thải, bên A sẽ gửi thông báo đề bên B thanh toán phí bảo vệ môi trường. Bên A sẽ xuất phiếu thu hoặc hóa đơn cho khoản tiền phí BVMT mà Bên B đã thanh toán.

Điều 6: Hình thức thanh toán

6.1 Hình thức thanh toán:

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bên B nhận được hoá đơn tài chính cùng bảng kê chỉ số nước thải, tiền phí BVMT của Bên A, bên B thanh toán 100% bằng chuyển khoản (hoặc tiền mặt) vào tài khoản của bên A nêu trong hợp đồng này. (Mọi khoản phí liên quan đến việc chuyển tiền do bên B chịu).

Nếu quá 90 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn tài chính của Bên A mà Bên B vẫn chưa thanh toán thì Bên A có quyền dừng tiếp nhận nước thải của Bên B. Khi Bên B thanh toán đầy đủ tiền xử lý nước thải, phí BVMT, các khoản phạt chậm thanh toán và phí đóng/mở cửa xả thải theo thông báo nộp tiền của Bên A thì Bên A mới tiếp nhận xử lý nước thải của Bên B.

6.2 Phạt chậm thanh toán:

- a. Trong trường hợp Bên B chậm thanh toán cho Bên A theo tiến độ thanh toán được quy định tại Hợp đồng này, Bên B sẽ bị áp dụng mức phạt như sau: Chậm từ 01 tháng trở lên áp dụng 150% lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á châu - Chi nhánh Hưng Yên tương ứng với số tiền thực chậm và thời gian thực chậm.
- b. Khi Các bên chấm dứt Hợp đồng theo quy định tại Điều 11 Hợp đồng này thì Bên B phải có nghĩa vụ thanh toán đúng hạn các khoản chưa thanh toán cho

bên A. Trường hợp Bên B chậm thanh toán các khoản thanh toán này thì phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định tại Điểm a Điều 6.2 Hợp đồng này.

Điều 7: Cách tính khối lượng nước thải.

7.1 Trường hợp chưa có đồng hồ đo: lượng nước thải của Bên B được tính bằng 90% lượng nước sạch Bên B sử dụng làm cơ sở để thanh toán và đóng phí BVMT.

Khi bên B lắp đặt đồng hồ phải được Bên A chấp thuận phương án đấu nối trước khi thực hiện.

7.2 Trường hợp đã có đồng hồ đo:

a. Lượng nước thải Bên B thải ra được tính theo chỉ số đo đếm của đồng hồ khi bên B lắp đồng hồ đo nước thải. Căn cứ vào chỉ số đo đếm của đồng hồ đo nước thải vào ngày cuối hàng tháng bên A sẽ cùng cán bộ bên B lập biên bản chốt số để làm cơ sở thanh toán và đóng phí BVMT đối với nước thải.

Nếu lượng nước thải trong một tháng theo đồng hồ không đạt mức tương đương tối thiểu 90% lượng nước sạch Bên B đã sử dụng thì lượng nước thải của Bên B được tính theo 90% lượng nước sạch sử dụng mà không tính theo chỉ số đồng hồ đo.

Nếu lượng nước thải phát sinh theo đồng hồ vượt quá 90% lượng nước sạch thì tính theo chỉ số đồng hồ đo.

b. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào mà đồng hồ đo lưu lượng xử lý nước thải không hoạt động, lượng nước thải trong những ngày đó được tính bằng 90% lượng nước sạch sử dụng trong thời gian đó.

Điều 8: Quyền và Trách nhiệm của Bên A:

8.1 Đảm bảo đúng chất lượng, kỹ thuật trong quá trình xử lý. Bên A sẽ chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước thải đã qua xử lý của Bên A.

8.2 Định kỳ 03 tháng/lần sẽ cung cấp cho Bên B bảng đánh giá các chỉ tiêu chất lượng nước thải sau xử lý do đơn vị có chức năng xác nhận.

8.3 Nộp tiền phí BVMT đối với nước thải theo quy định tại Hợp đồng này.

8.4 Bên A có quyền tổ chức kiểm tra đột xuất việc xả nước thải của Bên B vào hệ thống thoát nước thải, nước mưa của Khu Công Nghiệp: Kiểm tra đồng hồ đo lưu lượng nước sạch và nước thải, tự tổ chức lấy mẫu, xét nghiệm mà không cần báo trước cho Bên B.

8.5 Ngưng tiếp nhận nước thải, ngưng cấp nước sạch nếu Bên B vi phạm hợp đồng mà hai Bên không thương lượng giải quyết được.

8.6 Kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính hoặc thu hồi Giấy phép kinh doanh đối với hành vi vi phạm các quy định về xử lý và xả nước thải của Bên B.

8.7 Trường hợp tạm ngừng dịch vụ xử lý nước thải để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước thải, xử lý nước thải, hoặc khi có sự cố xảy ra cho hệ thống xử lý nước thải của Khu Công Nghiệp, Bên A phải có văn bản thông báo cho Bên B biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ và cố gắng khắc phục trong thời gian sớm nhất.

8.8 Bên A chịu chi phí phân tích nước thải đối với:

- a. Các mẫu nước thải đầu ra của bên B thấp hơn hoặc bằng Định mức tối đa theo quy định tại Phụ lục số 01 Hợp đồng này do Đơn vị thí nghiệm nêu tại Điều 4.3 khoản d Hợp đồng này thực hiện;
- b. Các mẫu nước thải đầu ra của Bên B mà Bên A tự lấy mẫu và tự phân tích.

Điều 9: Quyền và Trách nhiệm của Bên B

- 9.1 Thực hiện biện pháp xử lý nước thải sơ bộ trước khi xả vào hệ thống nước thải của Bên A. Bên B đảm bảo nước thải đầu ra của bên B trước khi thải vào hệ thống bên A phải thấp hơn hoặc bằng định mức tối đa của các thông số theo Phụ lục 01 đính kèm Hợp đồng này, không có kim loại và chất thải rắn: rác, túi nilon, đất cát...
- 9.2 Phải tạo điều kiện để cán bộ nhân viên của Bên A quan trắc, lấy mẫu và đo lượng nước thải đầu ra của doanh nghiệp. Bên B có trách nhiệm cử cán bộ phụ trách ký xác nhận vào Biên bản lấy mẫu hoặc Phiếu phân tích nồng độ nước thải đầu ra của Bên B do bên A thực hiện hoặc do Đơn vị có chức năng mà bên A chỉ định thực hiện. Trường hợp, Bên B không cử người ký xác nhận, hoặc cử người nhưng không ký xác nhận thì mặc nhiên bên B đồng ý và chịu trách nhiệm đối với kết quả thí nghiệm cho các mẫu thí nghiệm này.
- 9.3 Bên B phải đảm bảo cho cán bộ nhân viên của bên A kiểm tra đột xuất việc xả nước thải, nước mưa và đồng hồ đo của Bên B. Trường hợp vì bất cứ lý do gì mà Bên A không thực hiện được việc kiểm tra thì bên A sẽ dừng dịch vụ xử lý nước thải, nước cấp cho bên B.
- 9.4 Đấu nối hệ thống thoát nước thải của Bên B vào hệ thống thoát nước thải của Khu Công Nghiệp theo đúng các quy định đấu nối, phải tách rời hoàn toàn 2 hệ thống nước mưa và nước thải, bảo đảm toàn bộ nước thải của bên B đều được thu gom và đấu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của Khu Công Nghiệp.
- 9.5 Không được cho đơn vị khác đấu nối chung hệ thống thoát nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom nước thải của KCN. Trong trường hợp Bên B cho doanh nghiệp khác thuê nhà xưởng hoặc trường hợp thuê lại nhà xưởng trong phạm vi Lô đất của Bên B thì doanh nghiệp đó phải ký Hợp đồng xử lý nước thải với Bên A và thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN theo quy định bởi Bên A.
- 9.6 Bên B phải tự trang bị đồng hồ đo lưu lượng nước thải; đồng hồ này phải được cơ quan có chức năng kiểm định chất lượng trước khi lắp đặt, vị trí lắp đặt phải đúng với quy định của Khu Công Nghiệp; trong quá trình sử dụng Bên B có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra và bảo trì định kỳ theo quy định bảo đảm đồng hồ vận hành chính xác và liên tục. Trong trường hợp đồng hồ vận hành không chính xác hoặc không vận hành do hư hỏng Bên B phải thông báo kịp thời cho Bên A và có trách nhiệm khắc phục trong thời gian sớm nhất.
- 9.7 Bên B tạo điều kiện để cán bộ của Bên A kiểm tra đồng hồ đo nước thải (tối đa 3 lần/tuần).
- 9.8 Thông báo kịp thời cho Bên A khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công Nghiệp.

LB

- 9.9 Định kỳ 02 lần/năm, vào khoảng các ngày từ 20/6 đến 30/6 và từ 20/12 đến 31/12 hàng năm, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho bên A về kế hoạch sản xuất, lượng nước thải dự kiến phát sinh của giai đoạn tiếp theo để bên A có kế hoạch sản xuất hợp lý tránh ảnh hưởng đến các doanh nghiệp trong KCN. Trường hợp, không thông báo thì mặc nhiên được hiểu nhu cầu của bên B không thay đổi so với thông báo mà Bên B đã đăng ký trước đó, và bên A không chịu trách nhiệm xử lý đối với phần khối lượng phát sinh lớn hơn giá trị này.
- 9.10 Nếu bên B có thay đổi về kế hoạch sản xuất vượt hơn 20% so với thiết kế ban đầu hoặc so với thông báo định kỳ hàng năm theo quy định tại mục 9.9 mà không báo trước cho bên A trước 03 tháng thì bên A sẽ không chịu trách nhiệm với lượng nước thải phát sinh này.
- 9.11 Bên B phải chịu chi phí phân tích nước thải đối với các mẫu nước thải đầu ra của bên B vượt Định mức tối đa theo quy định tại Phụ lục số 01 Hợp đồng này do Đơn vị thí nghiệm nêu tại Điều 4.3 khoản d Hợp đồng này thực hiện.
- 9.12 Thông báo kết quả quan trắc định kỳ môi trường nước thải cho bên A theo quy định của pháp luật.
- 9.13 Nếu Bên B có kế hoạch nhuộm đơn hàng có màu đỏ, tím, hồng thì Bên B phải thông báo trước ít nhất 01 ngày làm việc cho Bên A để bên A có kế hoạch xử lý.

Điều 10: Dừng tiếp nhận xử lý nước thải.

- 10.1 Bên A dừng tiếp nhận xử lý nước thải kèm theo dừng cung cấp nước sạch (nếu có) và thông báo trước cho bên B trong các trường hợp sau :
- a. Bên B vi phạm một trong các điều khoản tại Hợp đồng này.
 - b. Bên B xả thải vượt ngưỡng 20% từ một thông số trở lên quy định tại Phụ lục 01 Hợp đồng này.
 - c. Bên B vi phạm các nghĩa vụ thanh toán đối với Bên A được quy định trong các Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng khác mà hai bên đã ký kết.
 - d. Tổ chức, cá nhân đã thuê lại đất từ bên A để xây dựng nhà xưởng cho bên B thuê (sau đây gọi tắt là Đơn vị cho thuê nhà xưởng) vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với bên A được quy định trong các Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng giữa Bên A và Đơn vị cho thuê nhà xưởng.
 - e. Theo yêu cầu của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền
 - f. Các trường hợp khác theo quy định Hợp đồng này.
- 10.2 Bên A dừng ngay việc tiếp nhận dịch vụ xử lý nước thải mà không cần thông báo trước cho bên B kèm theo việc dừng cung cấp nước sạch (nếu có) trong các trường hợp sau:
- a. Khi Bên B để nước thải hoặc xả nước thải có chất thải rắn (túi ni lông, rác, nắp can, vải, chỉ, đá giặt mài...) dầu, nhớt, hóa chất độc hại vào hệ thống thu gom nước thải hoặc nước mưa của bên A.
 - b. Bên A phát hiện Bên B xả thải trực tiếp ra môi trường mà không qua hệ thống xử lý nước thải của Bên A.
 - c. Khi Bên B để xảy ra sự cố liên quan bên trong nhà máy của Bên B và có nguy cơ ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải của Bên A.
 - d. Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 10.3 Bên B phải chịu mọi trách nhiệm phát sinh và phải trả các chi phí về việc đóng,

mở cửa xả nước thải, đóng mở van cấp nước cấp (nếu có) khi Bên A dùng xử lý nước thải, nước cấp (nếu có) trong các trường hợp nêu tại Điều 10.1 và Điều 10.2 Hợp đồng này. Chi phí cho mỗi lần đóng và mở cửa xả thải, van cấp nước (nếu có) bằng chi phí xử lý 100 m³ nước thải (chưa VAT) tại thời điểm mở cửa xả thải. Bên B có trách nhiệm thanh toán trước cho bên A hoặc nhà thầu của Bên A trước khi bên A mở cửa xả thải.

- 10.4 Khi lý do dừng tiếp nhận xử lý nước thải không còn và Bên B đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong thời hạn được quy định bởi Bên A thì Bên A tiếp tục xử lý nước thải cho Bên B.

Điều 11: Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong những trường hợp sau đây:

- 11.1 Theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Các bên;
- 11.2 Hợp đồng thuê lại đất giữa Các bên chấm dứt trước thời hạn hoặc hết hạn mà không có sự thỏa thuận nào khác giữa các Bên;
- 11.3 Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và/ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B hết hạn hoặc bị thu hồi trước thời hạn;
- 11.4 Bên B vi phạm các quy định tại Hợp đồng này mà đã bị Bên A dừng xử lý nước thải nhưng vẫn không khắc phục hoặc tiếp tục vi phạm.
- 11.5 Theo quy định khác của Hợp đồng này hoặc quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 12: Giải quyết tranh chấp:

- 12.1 Một tranh chấp được xem như nảy sinh giữa Các Bên khi một Bên nhận được thông báo về sự kiện tranh chấp từ phía Bên còn lại. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về sự kiện tranh chấp, Các Bên sẽ nỗ lực giải quyết tranh chấp này trên nguyên tắc đôi bên cùng có lợi.
- 12.2 Bất kỳ tranh chấp nào không giải quyết được bằng nỗ lực hòa giải trong thời hạn 30 ngày như được nêu ở trên sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại Hưng Yên.

Điều 13: Trường hợp Bất khả kháng

Không bên nào phải chịu trách nhiệm về sự chậm trễ hay không thực hiện nghĩa vụ trong Hợp đồng này do trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, cháy nổ, dịch bệnh, giới hạn của chính phủ hay tòa án, bãi công, bạo động, chiến tranh, thiên tai hay những nguyên nhân tương tự ngoài sự kiểm soát của các bên và không thể cứu chữa được trong một khoảng thời gian nhất định bằng những nỗ lực nhất định. Nếu một bên dựa vào trường hợp bất khả kháng để không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình như trong Hợp đồng này, bên đó phải cung cấp một bản tường trình cho bên kia biết về sự kiện bất khả kháng. Trong thời gian diễn ra trường hợp bất khả kháng, các bên vẫn tiếp tục thực hiện những nghĩa vụ có thể thực hiện được trong Hợp đồng này.

Điều 14: Điều khoản chung

- 14.1 Hợp đồng này sẽ được thực thi và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ vấn đề nào chưa được thỏa thuận và đưa vào Hợp đồng này sẽ được áp dụng và

giải quyết theo các quy định tương ứng của Pháp luật Việt Nam.

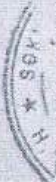
- 14.2 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các điều khoản của Hợp đồng. Mọi sự thay đổi điều chỉnh phải được sự đồng ý của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.
- 14.3 Các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng này sẽ được điều chỉnh bổ sung bằng phụ lục Hợp đồng.
- 14.4 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế hoàn toàn mọi Hợp đồng, thỏa thuận đã ký trước đây giữa hai bên liên quan đến Đối tượng của Hợp đồng này. Hợp đồng được lập thành 06 bản giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản để cùng theo dõi và thực hiện.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Tiến Dũng



GIÁM ĐỐC
Triệu Khắc Trung



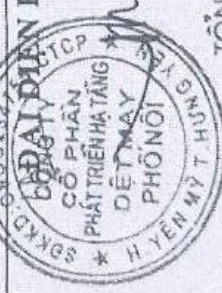
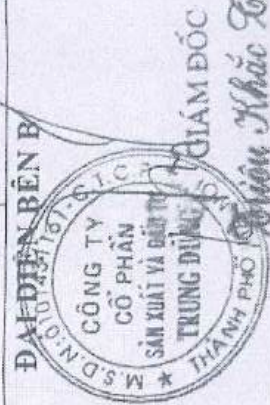
Phụ lục số 01

của Hợp đồng số 237/202 /HD-XLNT ngày 31 tháng 12 năm 2024

STT	Thông số	Đơn vị	Định mức tối đa	Giá trị quan trắc của các thông số nước thải so với Định mức tối đa			
				Từ 1,2 lần đến dưới 1,5 lần	Từ 1,5 lần đến dưới 3 lần	Từ 3 lần đến dưới 5 lần	Từ 5 lần trở lên
				% phí tính thêm vào đơn giá xử lý nước thải hàng tháng của thông số vượt Định mức tối đa			
1	Tss	mg/l	300	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
2	Sunfua	mg/l	1	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
3	Coliform	MPN/100 ml	6.000	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
4	BOD ₅	mg/l	250	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
5	Xyanua	mg/l	0,1	1,0%	2,0%	5,0%	10,0%
6	pH		5-9	3,0%	6,0%	12,0%	20,0%
7	Nhiệt độ	°C	40	3,0%	6,0%	12,0%	20,0%
8	Tổng Nitơ	mg/l	60	3,0%	6,0%	12,0%	20,0%
9	Clo dư	mg/l	0,81	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%
10	Clorua	mg/l	400	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%
11	COD	mg/l	800	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%
12	Độ màu	Pt-Co	750	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%
13	Dầu mỡ khoáng	mg/l	4	5,0%	10,0%	20,0%	20,0%

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A



TỔNG GIÁM ĐỐC

Phan Giản Dũng

Thịệu Khắc Trung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ

CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP – NGUY HẠI

Số: 100 /2023/HĐCN/URENCO11

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;

- Căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2023, chúng tôi gồm:

Bên A : CÔNG TY TNHH SX&TM TRUNG DŨNG

Địa chỉ : Xóm An, thôn Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Điện thoại : 0243.854.3795/ 0839.236.633

Người đại diện: Ông Triệu Khắc Trung

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế : 0101431161

**Bên B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 –
URENCO 11**

Địa chỉ : Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : 0221.2 477 178

Fax: 0221.3 981 489

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Tiến

Chức vụ: Phó giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số: 68/GUQ-URENCO 11 Ngày 11/11/2022 của giám đốc công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-Urenco 11).

Mã số thuế : 0900291087

Tài khoản số : 19129984688699 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Chi nhánh Hưng Yên.

(Bên A và Bên B được gọi riêng là “Bên” và gọi chung là “các Bên” hoặc “hai Bên”)

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng này với những điều khoản cụ thể như sau:

Điều 1. Chứng loại chất thải và đơn giá xử lý

- 1.1. Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A theo danh mục được liệt kê trong Phụ lục đính kèm và là một phần không tách rời của Hợp đồng này.
- 1.2. Khối lượng của từng loại chất được xác nhận theo nhật ký vận chuyển thực tế theo từng đợt thu gom tại địa điểm thu gom của Bên A. Bên B chịu trách nhiệm bốc xếp, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.
- 1.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có phát sinh chất thải khác thì hai Bên sẽ lập bổ sung thêm phụ lục Hợp đồng cho từng loại chất thải phát sinh.
- 1.4. Đơn giá xử lý của từng loại chất được thể hiện trong Phụ lục hợp đồng đính kèm và có thể thay đổi theo giá cả thị trường. Khi có đề xuất thay đổi Bên B phải gửi công văn cho Bên A trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày để hai bên bàn bạc, thống nhất. Mọi sự thay đổi về giá theo thỏa thuận, hai Bên sẽ thống nhất trong các phụ lục Hợp đồng.

Điều 2. Đặc tính, địa điểm, thời gian giao nhận và phương tiện vận chuyển

- 2.1. Đặc tính chất thải: Bao gồm các loại chất thải nguy hại và không nguy hại với đặc tính và trạng thái chi tiết theo phụ lục đính kèm.
- 2.2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho chứa chất thải Bên A – Nhà máy sản xuất chỉ màu và phụ liệu ngành may (Địa chỉ: Lô 6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối B, Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam).
- 2.3. Địa điểm xử lý chất thải: Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và công nghiệp 11 - Urenco 11 (xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên).
- 2.4. Thời gian giao nhận: Bên A thông báo thời gian giao nhận chất thải cho Bên B trước ít nhất 01 ngày để bên B có thời gian chuẩn bị phương án thu gom, phương tiện vận chuyển.
- 2.5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng, đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh, để vận chuyển chất thải theo quy định của Bên A và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thanh toán và thời hạn thanh toán

Bên A Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên B dựa trên hóa đơn tài chính và biên bản nghiệm thu khối lượng ký giữa hai Bên. Việc thanh toán được thực hiện sau 20 (hai mươi) ngày kể từ khi hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng chất thải và bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ của bên B.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi Bên

4.1. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên A

- a. Bên A hoàn tất các thủ tục cần thiết khác một cách nhanh chóng, tạo thuận lợi cho Bên B vào và thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi nhà máy Bên A.

- b. Chịu trách nhiệm hoàn toàn đối với các loại chất thải không giao cho Bên B thu gom, vận chuyển và xử lý.
- c. Chất thải công nghiệp nguy hại phải được kiểm soát từ nguồn theo quy định tại. Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải tại nguồn và lưu theo đúng quy định, đảm bảo thành phần chất thải công nghiệp nguy hại như đã thông báo với Bên B. Chịu trách nhiệm lập chứng từ chất thải nguy hại cho mỗi lần bàn giao. Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo cho bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh đơn giá phù hợp.
- d. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Bên B theo các điều khoản đã thoả thuận trong hợp đồng.
- e. Bên A được phép kiểm tra bất cứ quá trình thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại của Bên A mà Bên B tiến hành xử lý.
- f. Bên A được quyền yêu cầu Bên B bồi thường trong trường hợp Bên B gây ra thiệt hại theo quy định tại Hợp đồng này và pháp luật liên quan.

4.2. Trách nhiệm và quyền hạn của Bên B

- a. Phải tuân thủ những chính sách, quy định nội bộ của Bên A, như chính sách môi trường, các quy định liên quan khác và chỉ dẫn của người phụ trách Bên A trong suốt quá trình làm việc ở nhà máy của Bên A.
- b. Cung cấp cho Bên A bản phô tô công chứng về toàn bộ hồ sơ năng lực đủ điều kiện hành nghề thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.
- c. Có trách nhiệm đảm bảo vệ sinh khu vực làm việc và môi trường của Bên A. Không để chất thải bị rò rỉ, phát tán ra môi trường. Nếu để chất thải rò rỉ, phát tán ra môi trường, Bên B phải chịu trách nhiệm, chi phí xử lý.
- d. Bên B có trách nhiệm đảm bảo khối lượng chất thải nguy hại được thu gom, nhận chuyển giao từ Bên A không vượt quá công suất xử lý và khối lượng được cấp phép trong giấy phép môi trường của Bên B.
- e. Trong thời gian có hiệu lực của Hợp đồng này, Bên B phải luôn đảm bảo có và duy trì các loại giấy phép do cơ quan nhà nước cấp liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại và thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật hiện hành. Nếu Bên B bị thu hồi giấy phép hoặc bị đình chỉ việc sử dụng giấy phép hoặc tạm dừng việc cấp phép mới hoặc đổi mới phát sinh trong trường hợp theo quy định mới của pháp luật đặt ra thì Bên A có quyền đơn phương dừng hợp đồng mà không cần sự đồng ý của Bên B.
- f. Bên B cam kết tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của hóa đơn, và các chứng từ khác phát hành cho Bên A. Bên B cam kết bồi thường mọi thiệt hại trực tiếp và gián tiếp cho Bên A và bên thứ ba (nếu có) do việc sử dụng hóa đơn, chứng từ không tuân thủ quy định của pháp luật do Bên B gây ra.

Điều 5. Thực thi hợp đồng

- 5.1 Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên. Trong trường hợp phát sinh công việc không nằm trong nội dung của hợp đồng thì hai Bên cùng thỏa thuận bàn bạc thống nhất và lập thành phụ lục bổ sung cho hợp đồng này.
- 5.2 Hợp đồng sẽ không còn hiệu lực trong các trường hợp sau:
- Hết hạn hợp đồng.
 - Khi có bất kỳ thay đổi nào của pháp luật Việt Nam hoặc có quyết định của các cấp có thẩm quyền cho rằng hợp đồng này không có giá trị thực hiện.
 - Bên A hoặc Bên B ngừng sản xuất hoặc phá sản.
 - Bên A hoặc Bên B có liên quan đến bất kỳ một vụ việc vi phạm pháp luật nào.
 - Bên B bán cơ sở kinh doanh cho bên thứ 3, Bên B đổi chủ sở hữu hoặc chuyển quyền hợp đồng cho bên thứ 3 mà chưa được sự cho phép của Bên A bằng văn bản.
- 5.3 Ngoài các trường hợp chấm dứt hợp đồng trong khoản 5.2 điều này; trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu Bên nào muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải báo trước một (01) tháng bằng văn bản cho Bên kia.

Điều 6. Giải quyết tranh chấp

- 6.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- 6.2 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh về các điều khoản của hợp đồng, đầu tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 ngày. Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra phân xử tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

Điều 7. Những điều khoản khác

- 7.1 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2023 đến ngày 28 tháng 02 năm 2024. Một tháng trước khi hết hạn hợp đồng mà hai bên không có thông báo gì khác bằng văn bản thì Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm 01 năm. Các lần gia hạn tiếp theo cũng như vậy.
- 7.2 Trong trường hợp một hoặc nhiều Điều, khoản, điểm trong hợp đồng này bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tuyên là vô hiệu, không có giá trị pháp lý hoặc không thể thi hành theo quy định hiện hành của pháp luật thì các Điều, khoản, điểm khác của hợp đồng này vẫn có hiệu lực thi hành đối với hai Bên.
- 7.3 Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên.

Hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và công nghiệp 11 - Urenco 11 và Công ty TNHH SX&TM TRUNG DŨNG được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau (mỗi Bên giữ 02 bản).



GÁM ĐỐC
Trần Khắc Long



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 01

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp- nguy hại Số:/2023/HĐCN/URENCO11 ký ngày 01 tháng 03 năm 2023. Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

Hôm nay, ngày 01 tháng 03 năm 2023, chúng tôi gồm:

Bên A : CÔNG TY TNHH SX&TM TRUNG DŨNG

Địa chỉ : Xóm An, thôn Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP Hà Nội

Điện thoại : 0243.854.3795/ 0839.236.633

Người đại diện: Ông Triệu Khắc Trung

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế : 0101431161

Bên B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 – URENCO 11

Địa chỉ : Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : 0221.2 477 178

Fax: 0221.3 981 489

Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Tiến

Chức vụ: Phó giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số: 68/GUQ-URENCO 11 Ngày 11/11/2022 của giám đốc công ty cổ phần môi trường đô thị và công nghiệp 11-Urenco 11).

Mã số thuế : 0900291087

Tài khoản số : 19129984688699 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Chi nhánh Hưng Yên.

Hai bên thống nhất ký kết một phụ lục hợp đồng theo các điều khoản sau:

1. Bên A đồng ý chuyển giao và Bên B đồng ý thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải theo Danh mục chất thải và đơn giá như sau:

STT	Loại chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Phương pháp xử lý
1	Dầu tổng hợp thải	Kg	17 07 03	4.500	Theo quy định
2	Bóng đèn huỳnh quang	Kg	16 01 06	4.500	Theo quy định
3	Giẻ lau, găng tay dính thành phần nguy hại	Kg	18 02 01	5.000	Theo quy định
4	Bao bì cứng bằng nhựa thải chứa thành phần nguy hại	Kg	18 01 03	3.500	Theo quy định
5	Bao bì cứng bằng kim loại thải chứa thành phần nguy hại	Kg	18 01 02	3.500	Theo quy định
6	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	Kg	10 02 03	5.000	Theo quy định
7	Ấc quy thải	Kg	19 06 01	9.000	Theo quy định
8	Hộp mực in thải	Kg	08 02 04	8.000	Theo quy định

Người lập: Mai Trường Giang
Hợp đồng URENCO11- Trung Dũng

Người kiểm tra: Nguyễn Trường Giang
Ngày lập: 01/03/2023

STT	Loại chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Phương pháp xử lý
9	Phẩm màu và chất nhuộm thải có các TPNH	Kg	10 02 02	3.500	Theo quy định
10	Bao bì mềm	Kg	18 01 01	5.000	Theo quy định
11	Rác thải công nghiệp không nguy hại	Kg		2.500	Theo quy định
12	Rác thải sinh hoạt	M ³		500.000	Theo quy định

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm VAT

- Đối với rác thải sinh hoạt: Bên A sẽ phải trả thêm chi phí vận chuyển cho bên B mỗi chuyến thu gom là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) nếu khối lượng chất thải thu gom mỗi chuyến nhỏ hơn (<) 02M³.

- Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC
Trần Khắc Lương

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đình Liên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 02

Phụ lục hợp đồng này là một phần không thể tách rời của hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp - nguy hại số: 100/2023/HĐCN/URENCO11 ký ngày 01 tháng 03 năm 2023. Các điều kiện của hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

Hôm nay, ngày 01 tháng 04 năm 2023, chúng tôi gồm:

Bên A : CÔNG TY TNHH SX&TM TRUNG DŨNG

Địa chỉ : Xóm Án, thôn Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 0243.854.3795/0839.236.633

Người đại diện: Ông **Triệu Khắc Trung**

Chức vụ: Giám đốc

Mã số thuế : 0101431161

Và

Bên B : CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP 11 – URENCO11

Địa chỉ : Xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : 0221.477.178

Fax: 0221.3 981.489

Người đại diện: Ông **Nguyễn Đình Tiến**

Chức vụ: Phó giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số: 68/GUQ-URENCO 11 ngày 11/11/2022)

Mã số thuế: 0900291087

Tài khoản số: 19129984688699 tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên.

Hai bên thỏa thuận ký kết một phụ lục hợp đồng theo các điều khoản sau:

Danh mục chất thải và đơn giá như sau:

STT	Loại chất thải	Đơn vị	Mã CTNH	Đơn giá (VNĐ)	Phương pháp xử lý
1	Bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý hóa – lý (Hệ thống xử lý khí thải)	Kg	12 02 02	5.000	Theo quy định
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Kg	17 02 03	4.500	Theo quy định

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm VAT.

Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2023 và được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị như nhau về mặt pháp lý. Mỗi bên giữ 02 bản.





TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN N.3319/13.04.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG - HƯNG YÊN
Địa chỉ : Lô 6, Dị sử, KCN Phố Nối B, Mỹ Hào, Hưng Yên
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Trung Dũng - Hưng Yên tại Lô 6, Dị sử, KCN Phố Nối B, Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 05/04/2023 Thời gian thử nghiệm : 05/04/2023 - 13/04/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Dệt may Phố Nối
				NT	Giới hạn cho phép
1	Lưu lượng	CEC.QTMT.N-09	m^3/h	8,7	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	5 ÷ 9
3	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	$^{\circ}C$	31	40
4	Độ màu ^(a)	TCVN 6185:2015	Pt/Co	38	750
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	36	300
6	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	32	250
7	Nhu cầu oxi hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	54	800
8	Tổng Nito ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	9	10
9	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	32	1.000
10	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1
11	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,21	0,5
12	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	1,8	10
13	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100 mL	4,5x10 ³	6.000

- Vị trí lấy mẫu:

- NT: Mẫu nước thải tại điểm đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN.

Tọa độ: X = 2313887, Y = 560280

- Tiêu chuẩn KCN Dệt may Phố Nối: Tiêu chuẩn nước thải Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối

- Giới hạn cho phép: Tiêu chuẩn nước thải Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

Lê Thị Hạnh

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3. ^(b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng

4 "-": Không quy định

5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ – Q. Đống Đa – Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.cec.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQTN_K.3318/13.04.2023

Khách hàng : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG – HƯNG YÊN
Địa chỉ : Lô 6, Dị sử, KCN Phố Nối B, Mỹ Hào, Hưng Yên
Địa điểm quan trắc : Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Trung Dũng – Hưng Yên tại Lô 6, Dị sử, KCN Phố Nối B, Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 05/04/2023 Thời gian thử nghiệm : 05/04/2023 - 13/04/2023

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT	Cột B
1	Nhiệt độ	CEC.QTMT.KT-05	°C	86	-
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	5,807	-
3	SO ₂	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	7,86	500
4	CO	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	39,9	1.000
5	NO _x (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	108,29	850
6	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	52	200

- Vị trí lấy mẫu:

- KT: Mẫu khí thải sau xử lý khí thải lò hơi.

Tọa độ: X = 2313802, Y = 560206

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA PTN

Lê Thị Hạnh

PHÓ GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
3. (b) Chỉ tiêu, phương pháp thực hiện nội bộ không phục vụ cho các đoàn đánh giá, kiểm tra của cơ quan chức năng
4 " - ": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp
Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vmcerts 306



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05127/2023/PKQ/23.3364

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Nhà máy sản xuất chỉ màu và phụ kiện ngành may - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trung Dũng
Địa chỉ: Lô L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
Loại mẫu: Nước thải
Ngày quan trắc: 17/10/2023
Thời gian thử nghiệm: 17/10/2023 - 31/10/2023

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 13-MT:2015/ BTNMT
				231017.NT.001	231017.NT.002	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,4	6,9	5,5 ÷ 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	34,5	32,3	40
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	29,2	27,6	50
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	62,4	57,6	200
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	28	35	100
6	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638:2000	3,31	<3	-
7	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015 (C)	26	18	200
8	Cyanua (CN ⁻)	mg/L	TCVN 6181:1996	<0,002	<0,002	0,1
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	0,8	0,6	-
10	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	TCVN 6194:1996	46,1	43,7	-
11	Clo dư	mg/L	TCVN 6225-3:2011	0,6	0,4	2
12	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	TCVN 6637:2000	0,46	0,38	-
13	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3.200	2.700	-
14	Lưu lượng nước thải	m ³ /h	PPNB 02	-	8,3	-

Ghi chú:

- QCVN 13-MT:2015/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm;
- (-): Không quy định;
- 231017.NT.001 - NT1: Nước thải đầu vào tại bể điều hòa (2313883.2; 560255.0);
- 231017.NT.002 - NT2: Nước thải sau xử lý tại hố gom nước thải của dự án đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung (2313750.5; 560194.2).

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Th.S Phạm Thị Hoa



VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG

TS. Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Các chỉ tiêu đánh dấu (03) được thực hiện bởi phòng thí nghiệm.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05130/2023/PKQ/23.3364

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: Nhà máy sản xuất chỉ màu và phụ kiện ngành may - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trung Dũng
Địa chỉ: Lô L6, Khu công nghiệp Dệt may Phố Nối, phường Dị Sĩ, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.
Loại mẫu: Khí thải
Ngày quan trắc: 17/10/2023
Thời gian thử nghiệm: 17/10/2023 - 31/10/2023

II. KẾT QUẢ

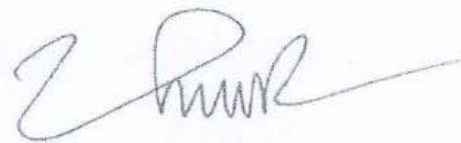
TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT
				231017. KT.001	231017. KT.002	
1	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2004	<0,6	-	50
2	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 02	4.631	16.568	-
3	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 05	-	51,4	200
4	Hydro sunfua (H ₂ S)	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010	<0,56	-	7,5
5	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 08	<2	-	50
6	Lưu huỳnh đioxit (SO ₂)	mg/Nm ³	PPNB 06	-	156,3	500
7	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	PPNB 06	-	22,5	850
8	Cacbon monoxit (CO)	mg/Nm ³	PPNB 06	-	150,4	1.000
9	Fomaldehyt ^(*)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,3)	-	20 ¹
10	Naphtalen ^(*)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,36	-	-

Ghi chú:

- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- (1) QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- (-): Không quy định;
- 231017.KT.001 - KT1: Khí thải sau hệ thống hơi thuốc nhuộm từ quá trình xả áp nồi nhuộm và từ các bể xử lý nước thải (Tọa độ: X: 2313608; Y: 560351) (23130608; 560351);
- 231017.KT.002 - KT2: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi (Tọa độ: X: 2361756; Y: 560180) (2361756; 560180).

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH


Th.S Phạm Thị Hoa



VIỆN TRƯỞNG

TS Bùi Đức Trung

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh, Phường Liễu Giai, Quận Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đại phát sóng phát thanh Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.cec.org.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 1330

Số: KQ_N.2632/13.05.2024

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG CEA
Địa chỉ : Số 9, đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Trung Dũng - Lô 6, KCN Dệt may Phố Nối, xã Dị
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 02/05/2024 Thời gian thử nghiệm : 02/05/2024 - 13/05/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn
				NT2	KCN Phố Nối B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	5 + 9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	°C	26,1	40
3	Độ màu ^(a)	TCVN 6185:2015	Pl/Co	22	750
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	35	300
5	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	37	250
6	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	80	800
7	Tổng Nitơ ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	14	60
8	Clorua	TCVN 6225-1:2011	mg/L	KPH (MDL=0,3)	0,1
9	Xyloban (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,005)	0,1
10	Sulfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,13	1
11	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	2,3	4
12	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100 mL	2,4x10 ³	6.000

- Vị trí lấy mẫu:

- NT2: Nước thải sau xử lý tại hồ gom nước thải của dự án đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung.

Tọa độ: X= 2313750, Y= 560194

- Tiêu chuẩn KCN Phố Nối B: Tiêu chuẩn nước thải chung KCN Phố Nối B

-^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Hà Nội, ngày 13 tháng 05 năm 2024
TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Liễn Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.cec.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.2648/16.05.2024

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG CEA
Địa chỉ : Số 9, đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Trung Dũng - Lô 6, KCN Dệt may Phố Nối, xã
Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 06/05/2024 Thời gian thử nghiệm : 06/05/2024 - 16/05/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT02	Cột B
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	7.384	-
2	SO ₂	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	13,1	500
3	CO	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	261,06	1.000
4	NO _x (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	199,44	850
5	Bụi tổng	US EPA Method 5	mg/Nm ³	54	200

- Vị trí lấy mẫu:

- KT02: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi khí thải lò hơi.

Tọa độ: X= 2313756, Y= 560183

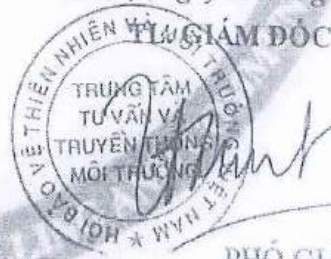
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2024



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG

PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Dải phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: hswwww.cec.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.4483/19.07.2024

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG CEA
Địa chỉ : Số 9, đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Trung Dũng - Lô 6, KCN Dệt may Phố Nối, xã Dị
Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 02/07/2024 Thời gian thử nghiệm : 02/07/2024 - 19/07/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT	Cột B
1	H ₂ SO ₄	EPA Method 8	mg/Nm ³	KPH (MDL=2)	50
2	NH ₃	JIS K 0099:2004	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,5)	50
3	H ₂ S	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,8)	7,5
4	Naphtalen	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)	150 ⁽¹⁾
5	Formaldehyde*	US EPA Method 18	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)	20 ⁽¹⁾

- Vị trí lấy mẫu:

- KT: Khí thải sau hệ thống hơi thuốc nhuộm từ quá trình xả áp nồi nhuộm và từ các bể xử lý nước thải.

Tọa độ: X=2313749, Y=560191

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

- ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Chi nhánh Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường tại TP. Hồ Chí Minh - Vimcert 321);

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2024



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đại phát sống phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.6907/04.11.2024

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG CEA
Địa chỉ : Số 9, đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Trung Dũng - Lô 6, KCN Dệt may Phố Nối, xã Dị
Mã đơn hàng : Sừ, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Loại mẫu : 24.3187
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 21/10/2024 Thời gian thử nghiệm : 21/10/2024 - 04/11/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT1	Cột B
1	Lưu huỳnh dioxit (SO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	KPH (MDL=2,62)	500
2	Cacbon monooxit (CO)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	42,78	1.000
3	Nitơ oxit (NO _x), (tính theo NO ₂)	CEC.QTMT.KT-06	mg/Nm ³	90,55	850
4	Bụi tổng (PM)	US EPA Method 5	mg/Nm ³	62	200

- Vị trí lấy mẫu:

- KT1: Khí thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

Tọa độ: X= 2313760, Y= 560190

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi

Chu Thị Chi



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần báo hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đại phát sống phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.6908/04.11.2024

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG CEA
Địa chỉ : Số 9, đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Trung Dũng - Lô 6, KCN Dệt may Phố Nối, xã Dị
Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên
Mã đơn hàng : 24.3187
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 21/10/2024 Thời gian thử nghiệm : 21/10/2024 - 04/11/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				KT2	Cột B
1	NH ₃	JIS K 0099:2020	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,6)	50
2	H ₂ S	JIS K 0108:2010	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,4)	7,5
3	Naphthalene	PD CEN/ TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)	150 ⁽¹⁾
4	Formaldehyt*	US EPA Method 18	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,3)	20 ⁽¹⁾

- Vị trí lấy mẫu:

- KT2: Khí thải sau hệ thống hơi thuốc nhuộm từ quá trình xả áp nổi nhuộm.

Tọa độ: X= 2313754, Y= 560194

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007; Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

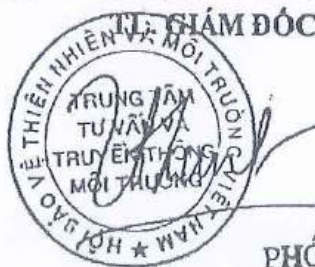
- ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

- * Chỉ tiêu thực hiện bởi (Chi nhánh Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi trường tại TP. Hồ Chí Minh - Vimcert 321);

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Liên Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPII: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh, MĐ, Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đái phát sống phát thanh MĐ, P. Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.vimcerts.vn>



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

VILAS 1330

Số: KQ_N.6910/04.11.2024

Khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG CEA
Địa chỉ : Số 9, đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần Sản xuất và Đầu tư Trung Dũng - Lô 6, KCN Dệt may Phố Nối, xã Dị
Mã đơn hàng : 24.3187
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 21/10/2024 Thời gian thử nghiệm : 21/10/2024 - 04/11/2024

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	Tiêu chuẩn KCN Phố Nối A
				NT2	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,1	5,5 + 9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2023	°C	31	-
3	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	Pt/Co	28	-
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	31	100
5	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2021	mg/L	35	50
6	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2023	mg/L	70	150
7	Tổng Nitơ ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	12	20
8	Clo dư	TCVN 6225-2:2021	mg/L	0,2	1
9	Clorua (Cl) ^(a)	TCVN 6194:1996	mg/L	92	-
10	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	KPH (MDL=0,002)	0,07
11	Sunfua (S ²⁻)	TCVN 6637:2000	mg/L	0,11	0,2
12	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/L	3,8	5
13	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/ 100 mL	2,6x10 ³	3.000

- Vị trí lấy mẫu:

- NT2: Nước thải sau xử lý tại hồ gom nước thải của dự án đầu nối vào hệ thống XLNT tập trung.

Tọa độ: X= 2313889; Y= 560259

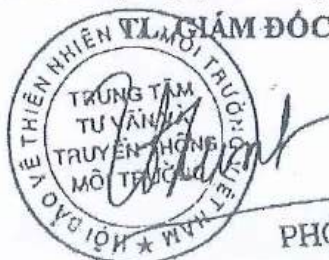
- Tiêu chuẩn KCN Phố Nối A: Tiêu chuẩn nước thải chung KCN Phố Nối A

- (a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

Hà Nội, ngày 04 tháng 11 năm 2024

XÁC NHẬN CỦA PTN

Chu Thị Chi



PHÓ GIÁM ĐỐC

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

2. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.

3 "-": Không quy định

4. KPH: Kết quả nhỏ hơn MDL của phương pháp

Lần ban hành: 03

Ngày sửa đổi: 30/08/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 24 tháng 02 năm 2021

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

(Số 02)

Công trình: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng

Hạng mục: Hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Địa điểm xây dựng: Lô L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

1. Đối tượng nghiệm thu: Nghiệm thu thiết kế hệ thống

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

2.1. Bên A (Nhà thầu chính): CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG.

1. Ông: Triệu Khắc Trung

Chức vụ: Giám đốc

2. Ông/bà:

Chức vụ:

2.2. Bên B (Nhà thầu phụ): CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MT GROUP

1. Bà: Phạm Thị Thu

Chức vụ: Phó giám đốc

(Theo giấy ủy quyền số 0112/2020/UQCT ngày 01/12/2020 của Giám đốc Công ty)

2. Ông: Nguyễn Quốc Chiến

Chức vụ: Chỉ huy trưởng công trình

3. Thời gian kiểm tra

Bắt đầu: 08h ngày 24 tháng 02 năm 2021.

Kết thúc: 10h ngày 24 tháng 02 năm 2021.

Tại: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng

Đánh giá công việc đã thực hiện:

3.1. Phương thức nghiệm thu:

Kiểm tra thực tế so với Hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công.

3.2. Danh mục thiết bị tham gia nghiệm thu: Bản vẽ hoàn công hệ thống.

3.3. Đánh giá:

Bên A lắp đặt đúng theo thiết kế của bên B.

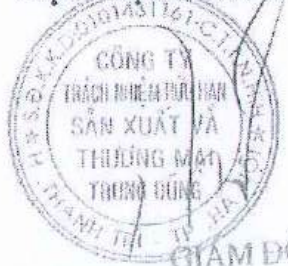
Bên B thiết kế hệ thống hoạt động ổn định theo yêu cầu của bên A.

4. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu thiết kế hệ thống và đưa hệ thống vào sử dụng

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi bên giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Triệu Khắc Trung

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

Hưng Yên, ngày 07 tháng 09 năm 2022

BIÊN BẢN NGHIỆM THU
HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO SỬ DỤNG
BIÊN BẢN SỐ: ...03....

Hạng mục : Tư vấn công nghệ cải tạo hệ thống xử lý nước thải, khí thải cho Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Trung Dũng.

Địa điểm : Lô L6, Khu công nghiệp dệt may Phố Nối, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hào, Hưng Yên.

1. Đối tượng nghiệm thu:

Tư vấn cải tạo hệ thống xử lý nước thải, khí thải

2. Thành phần trực tiếp tham gia nghiệm thu:

a. Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG

Ông/Bà: Triệu Khắc Trung

Chức vụ: Giám Đốc

Ông/Bà:

Chức vụ:

b. Nhà thầu thi công: CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

Ông/Bà: Phạm Thị Thu

Chức vụ: Giám đốc

Ông/Bà: Nông Đức Anh

Chức vụ: Kỹ thuật

3. Thời gian nghiệm thu

Bắt đầu: ngày 07. tháng 09 năm 2022

Kết thúc: ngày 07. tháng 09 năm 2022

Tại hiện trường các bên đã kiểm tra công tác lắp đặt máy móc thiết bị, công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

4. Căn cứ nghiệm thu

a. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hồ sơ bản vẽ thi công được chủ đầu tư phê duyệt.

- Hợp đồng kinh tế số 2304/2022/HĐDV/TD-LA, Ngày 23 tháng 04 năm 2022, giữa Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trung Dũng và Công ty cổ phần kỹ thuật môi trường Linh Anh.

b. Đánh giá về chất lượng hạng mục được nghiệm thu:

- Đạt yêu cầu kỹ thuật theo hồ sơ thiết kế được duyệt và hợp đồng.

- Công tác thi tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.



Các ý kiến khác

5. Kết luận

- Đồng ý nghiệm thu hoàn thành hạng mục đưa vào sử dụng: ☐
- Không đồng ý nghiệm thu: ☐

6. Các thành phần tham gia trực tiếp kí tên:



GIÁM ĐỐC
Lê Văn Khoa

NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thu



Số: 1171/TB-BQL

Hung Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2022

THÔNG BÁO

Kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng

Kính gửi: Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng.

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 86/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên quy định phân cấp và phân công nhiệm vụ quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ hồ sơ thiết kế công trình dự án “Nhà máy sản xuất chỉ màu các loại và phụ kiện ngành may” của Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng (Công ty) làm chủ đầu tư tại Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối-giai đoạn 2, đã được Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên cấp Giấy phép xây dựng số 15/GPXD ngày 16/5/2018, và Phụ lục điều chỉnh giấy phép số 07/ĐCGPXD ngày 10/6/2019;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình số 01/BC2022 ngày 25/8/2022; Biên bản kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình ngày 09/9/2022; Văn bản chấp thuận nghiệm thu về PCCC số 109/NT-PCCC ngày 09/8/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Hưng Yên; Báo cáo kết quả khắc phục tồn tại số 01/BC2022 ngày 19/9/2022 và Biên bản nghiệm thu tổng thể hoàn thành bàn giao công trình xây dựng đưa vào sử dụng đã ký giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu xây dựng ngày 16/9/2022;

Ban Quản lý các KCN tỉnh Hưng Yên chấp thuận kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư để đưa vào sử dụng đối với công trình như sau:

1. Thông tin về công trình:

- Tên công trình: Nhà bảo vệ (Ký hiệu số 1), gồm 02 nhà; Nhà để xe (Ký hiệu số 2), Nhà xưởng sản xuất hợp khối với nhà văn phòng (Ký hiệu số 3 và 4), Nhà nhuộm + Kho thuốc nhuộm + Nhà nồi hơi, kho than (Ký hiệu số 6, 7 và 8), Nhà chứa rác (Ký hiệu số 10), Trạm bơm (Ký hiệu số 11), Mái che (Ký hiệu số 13) gồm có 02 mái. Tại thời điểm kiểm tra Chủ đầu tư chưa thi công hạng mục Nhà kho (Ký hiệu số 5).

Các công trình đã thi công xây dựng có quy mô kích thước và vị trí định vị phù hợp với nội dung GPXD số 15/GPXD ngày 16/5/2018, Phụ lục GPXD số 07/ĐCGPXD ngày 10/6/2019 và tổng mặt bằng dự án được phê duyệt.

- Địa điểm xây dựng: Lô L6, KCN Dệt may Phố Nối- giai đoạn 2.

- Loại và cấp công trình: Công trình công nghiệp nhẹ; cấp II.

2. Yêu cầu đối với Chủ đầu tư:

- Lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình theo quy định tại Điều 26, Nghị định 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, đảm bảo quy định;

- Tự chịu trách nhiệm về quản lý chất lượng, bảo trì công trình; Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng thiết kế được duyệt.

- Trước khi khởi công xây dựng công trình Nhà kho (Ký hiệu số 5), chủ đầu tư phải thực hiện các thủ tục hành chính về thẩm định thiết kế, đề nghị cấp GPXD mới theo quy định.

Ban Quản lý các KCN thông báo để Công ty TNHH sản xuất và thương mại Trung Dũng biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QHXD⁰³

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

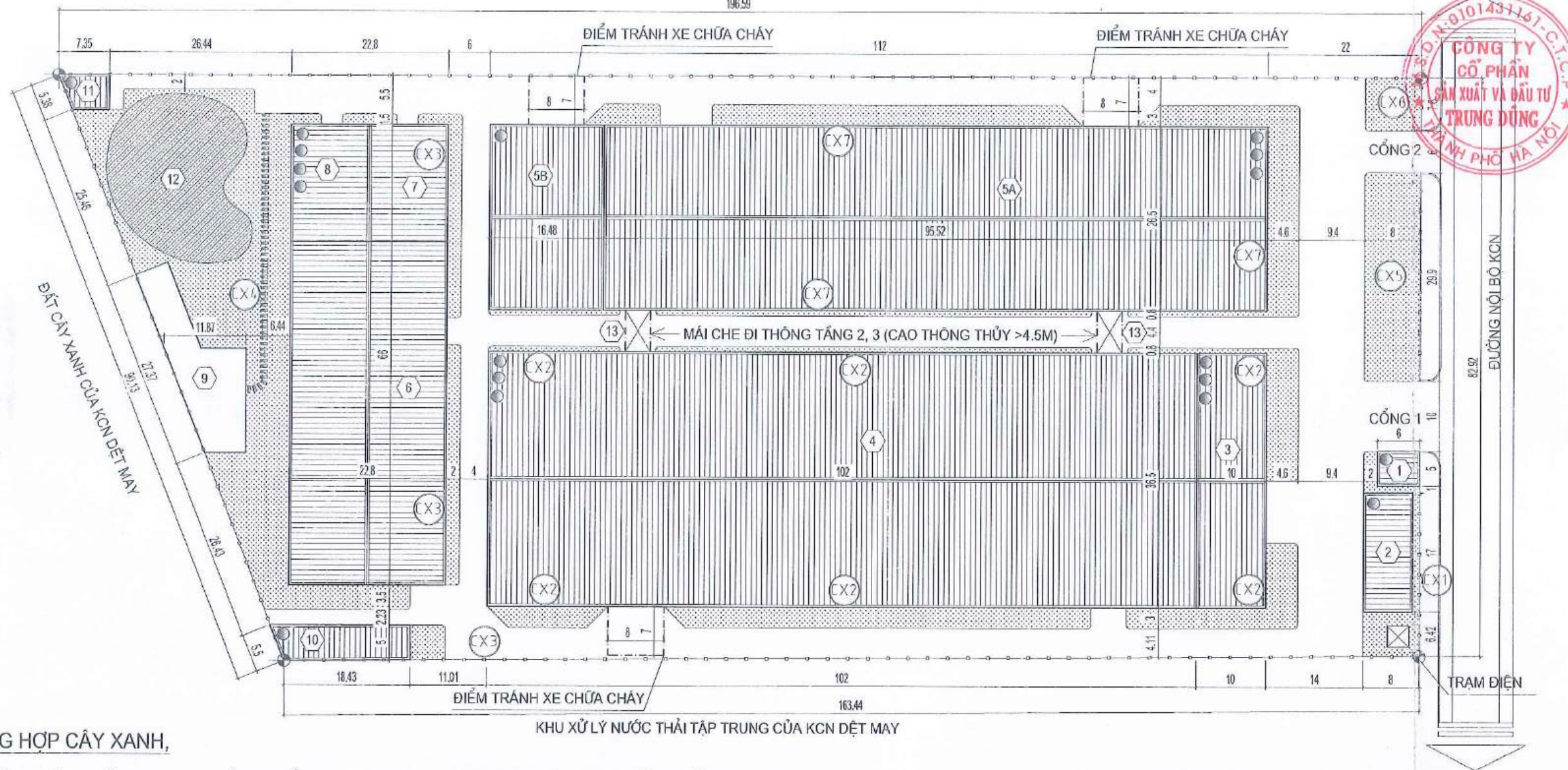


Phó Quang Thắng Khu công
nghiệp
Thời gian ký: 28/09/2022 17:06:48

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ ĐIỀU CHỈNH

CÔNG TY AN THÀNH PHÁT

196.59



BẢNG TỔNG HỢP CÂY XANH,

MẶT NƯỚC ĐIỀU CHỈNH

Ký hiệu	Diện tích (m2)
CX1	78
CX2	578
CX3	192
CX4	910
CX5	240
CX6	60
12 (hồ nước)	396
CX7	550
Tổng	3004

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG ĐIỀU CHỈNH

STT	Tên công trình	Diện tích xd (m2)	Số tầng	Diện tích sân (m2)	Ghi chú
I	Công trình xây dựng	8.124,3		23.253,7	
I.1	Công trình không thay đổi quy hoạch	5.593,0		15.659,8	
3 và 4	Nhà xưởng sản xuất hợp khối với nhà văn phòng	4.088,0	3	12.264,0	
6, 7, 8	Nhà nhuộm + kho thuốc nhuộm + nhà nồi hơi, kho than	1.505,0	4	3.395,8	
I.2	Công trình có thay đổi quy hoạch	2.531,3		7.593,9	
5A	Nhà xe + kho + xưởng	2.531,3	3	7.593,9	Điều chỉnh công năng, diện tích
II	Công trình phụ trợ và HTKT	715,7		715,7	
II.1	Công trình không thay đổi quy hoạch	32,0		32,0	
11	Trạm bơm	32,0	1	32,0	
12	Hồ chứa nước pecc	-	-	-	
13	Mái che	-	-	-	
II.2	Công trình có thay đổi quy hoạch, xây mới	683,7		683,7	
1	Nhà bảo vệ	30,0	1	30,0	Điều chỉnh số lượng từ 2 thành 1
2	Nhà xe	119,0	1	119,0	Điều chỉnh vị trí, diện tích
9	Khu xử lý hơi hóa chất	-	-	-	Điều chỉnh diện tích, từ tốc ngầm thành nổi
10	Nhà rác	98,0	1	98,0	Điều chỉnh diện tích
5B	Nhà lò hơi	436,7	1	436,7	Xây mới

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT ĐIỀU CHỈNH

STT	Loại đất	Diện tích (m2)			Tỷ lệ (%)		
		Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Tăng/giảm	Trước điều chỉnh	Sau điều chỉnh	Tăng/giảm
I	Diện tích xây dựng công trình	8.561,0	8.124,3	-436,7	57,07	54,16	-2,91
II	Diện tích công trình phụ trợ và HTKT	289,0	715,7	+426,7	1,93	4,77	+2,84
III	Diện tích cây xanh, mặt nước	1.621,0	3.004,0	+1.383,0	10,81	20,03	+9,22
IV	Diện tích sân đường nội bộ	4.529,0	3.156,0	-1.373,0	30,19	21,04	-9,15
Tổng		15.000			100		

BẢNG KÝ HIỆU

	- RANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ ÁN
	- CÁC CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
	- ĐẤT CÂY XANH
	- HỒ NƯỚC
	- SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ

GHI CHÚ: ĐƠN VỊ TRONG BẢN VẼ LÀ MÉT (M)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH HUNG YÊN

KÊM: CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ TRUNG DŨNG

ĐC: SỐM ẢI, THỊNH TRIỆU KHUẾ, XÃ TÂN TRIỆU, H. THANH TRÀ, TP. HÀ NỘI
TEL: ***** FAX: *****

DỰ ÁN:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MÀU VÀ PHỤ KIỆN NGÀNH MAY

ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ 16, KCN DỆT MAY PHỐ NỐI, P. DỊ SỬ, TX. MỸ HẠO, T. HUNG YÊN

ĐƠN VỊ LẬP QUY HOẠCH:
CÔNG TY CP XÂY DỰNG QUANG MINH HI



ĐC: 290 TRƯỜNG CHINH, PHƯỜNG TÂN HÒA, Q. TÂY HỒ, TP. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC:

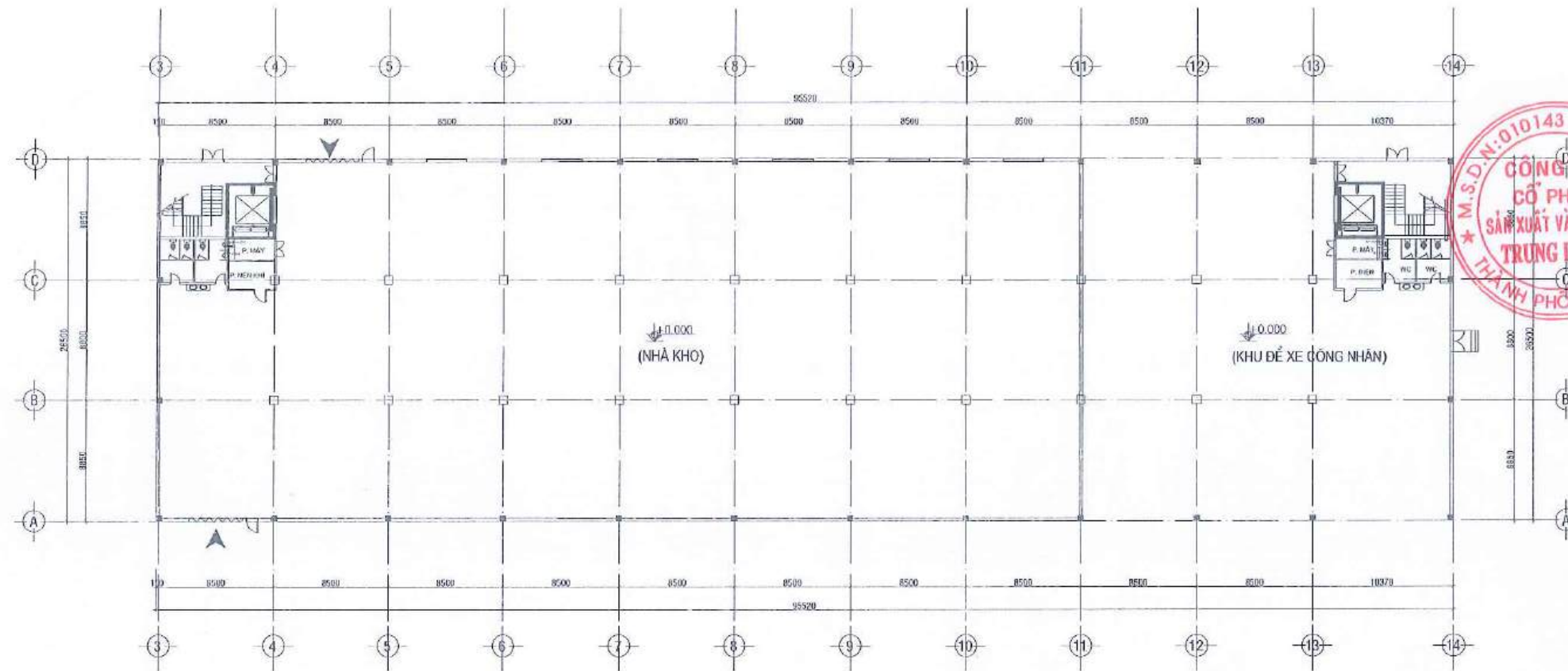
ĐẶNG VĂN TUYÊN

CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ:

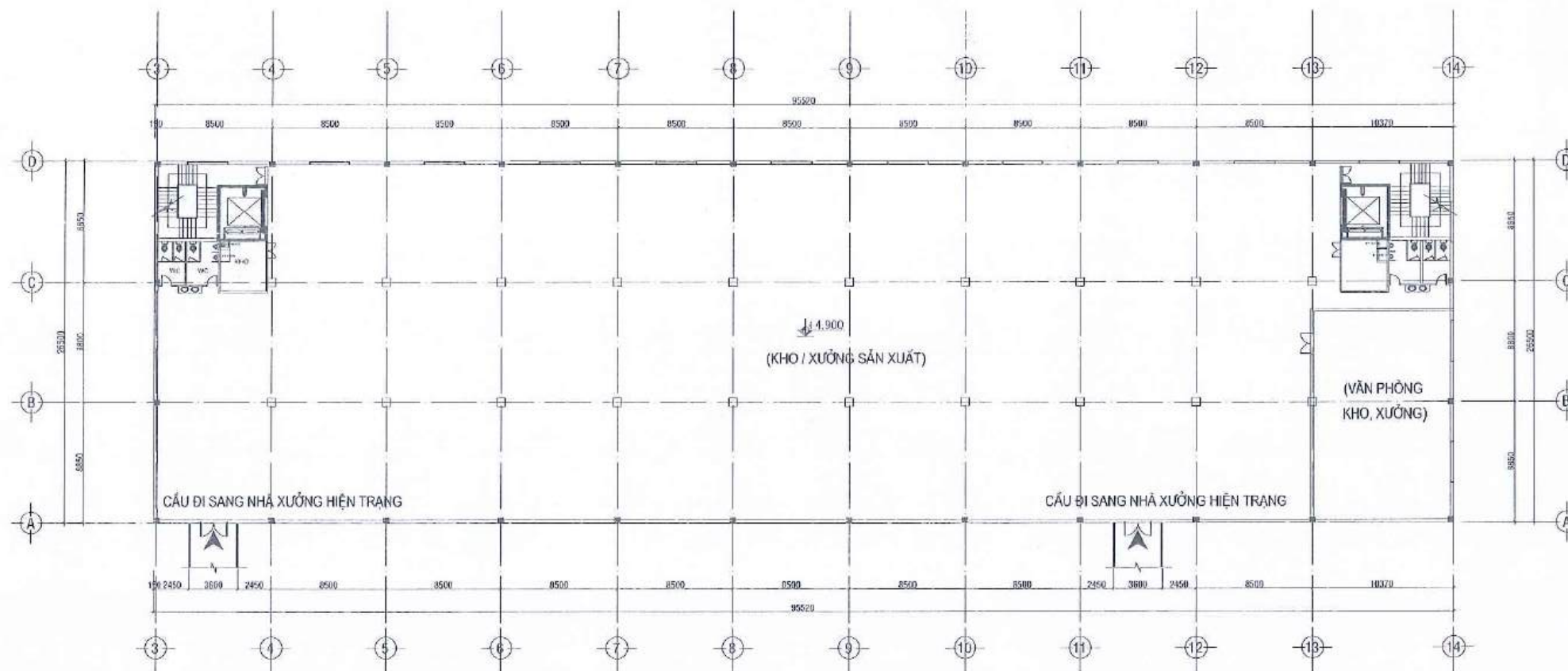
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ ĐIỀU CHỈNH

BẢN VẼ SỐ: QH2
HOÀN THÀNH: 2024

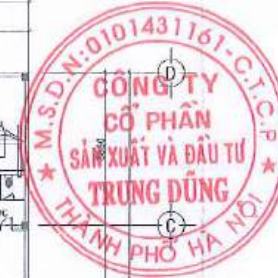
PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC
NHÀ XE + KHO + XƯỞNG (5A)



MẶT BẰNG TẦNG 1



MẶT BẰNG TẦNG 2



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ
TRUNG DŨNG

ĐC: 10/4/15, THƯỜNG KIỆM, MƯỜNG TÂN, T. P. HÀ NỘI
TEL: ***** FAX: *****

DỰ ÁN:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MÀU VÀ
PHỤ KIỆN NGÀNH MAY

ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ L6, KCN DỆT MAY PHỐ NỘI,
P. DỊ SỬ, TX. MỸ HẢO, T. HƯNG YÊN

ĐƠN VỊ LẬP QUY HOẠCH:
CÔNG TY CP XÂY DỰNG QUANG MINH HI



ĐC: 29 PHƯỜNG CHUẨN, MƯỜNG TÂN, T. P. HÀ NỘI, T. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC:

[Signature]

ĐẶNG VĂN TUYẾN

CHỦ TRƯ THIẾT KẾ:

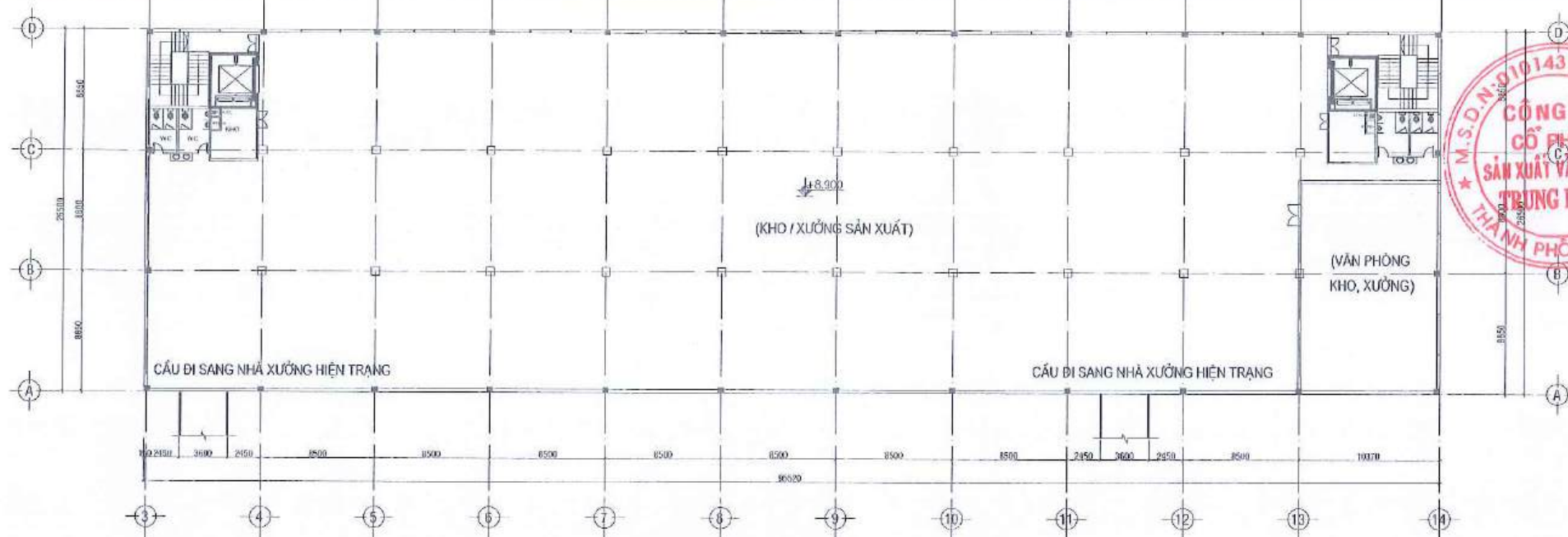
[Signature]
NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

TÊN BẢN VẼ:
PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC

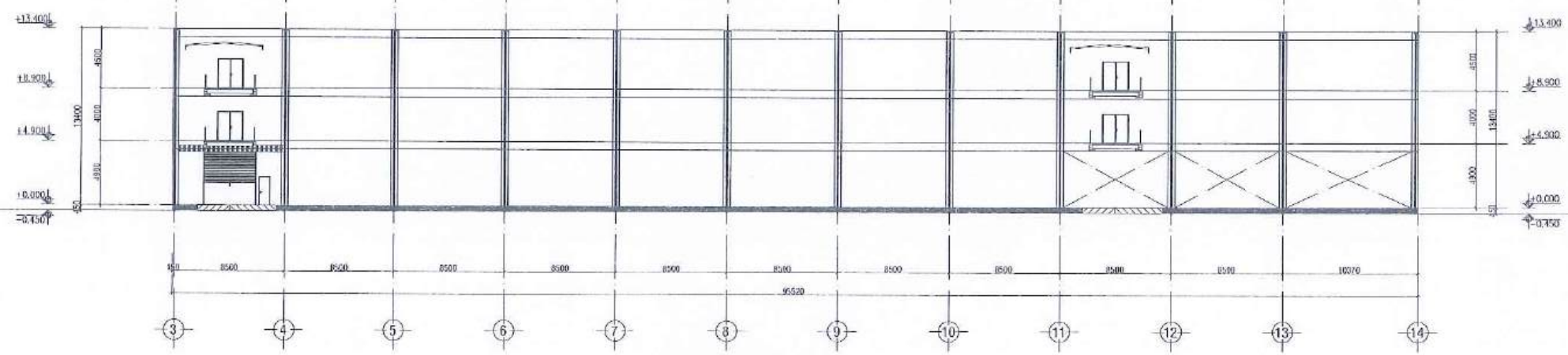
NHÀ XE + KHO + XƯỞNG (5A)

BẢN VẼ SỐ: QH4

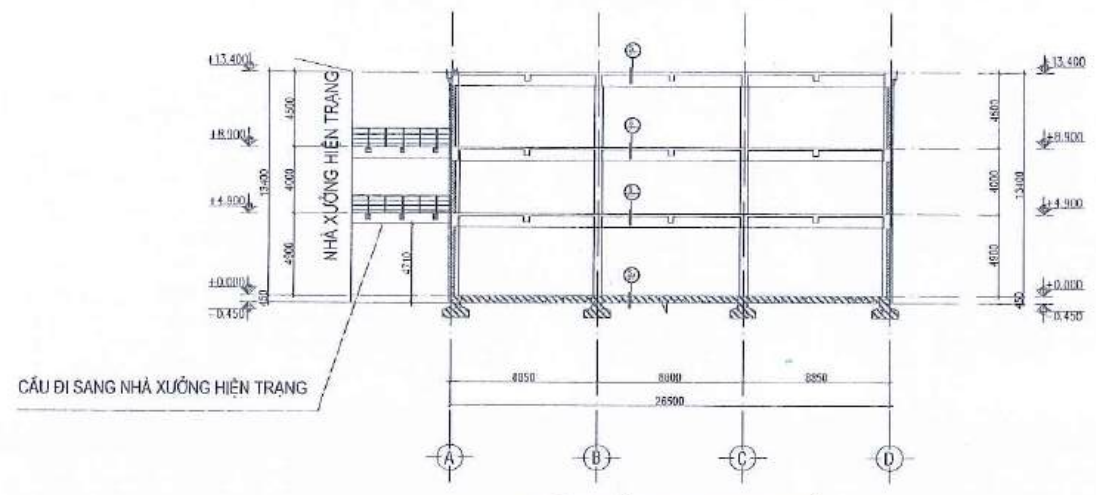
HOÀN THÀNH: 2024



MẶT BẰNG TẦNG 3



MẶT ĐỨNG TRỤC 3-14



MẶT CẮT NGANG NHÀ

PHƯƠNG AN KIẾN TRÚC
NHÀ XE + KHO + XƯỞNG (5A)



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH HUNG YÊN

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ
TRUNG DŨNG

ĐC: NHÀ AN, THỊ TRẤN XƯƠNG XÁ, TÂN TRƯỞNG, H. THANH TRÍ, TP. HÀ NỘI
TEL : ***** FAX : *****

DỰ ÁN:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MÀU VÀ
PHỤ KIỆN NGÀNH MAY

ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ L6, KCN DỆT MAY PHỐ NỘI,
P. DỊ SỬ TX. MỸ HẢO, T. HUNG YÊN

ĐƠN VỊ LẬP QUY HOẠCH:
CÔNG TY CP XÂY DỰNG QUANG MINH HD



ĐC: 26 PHƯỜNG CHỖ KHUÊ, THƯỜNG LÂN, H. BẮC MẠNG, T. HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC:

Đặng Văn Tuyền

ĐẶNG VĂN TUYẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

Nguyễn Việt Cường

NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

TÊN BẢN VẼ:

PHƯƠNG AN KIẾN TRÚC

NHÀ XE + KHO + XƯỞNG (5A)

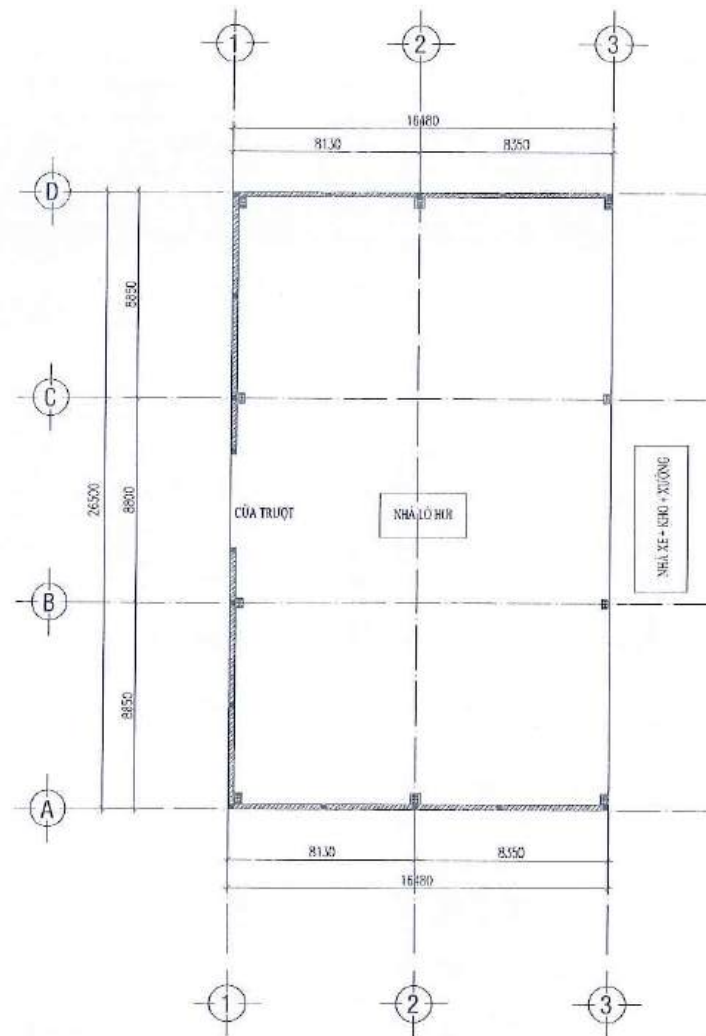
BẢN VẼ SỐ:

QH5

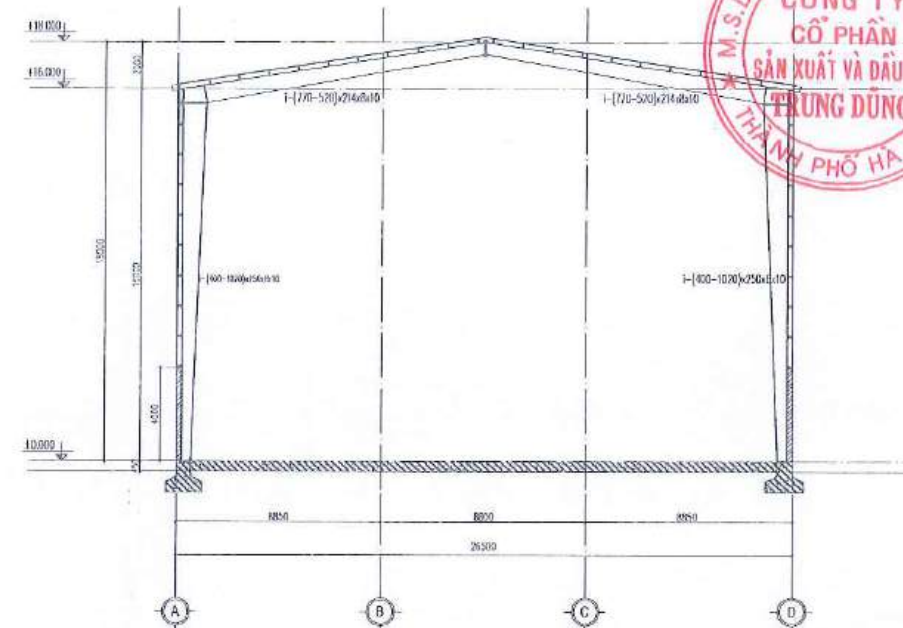
HOÀN THÀNH:

2024

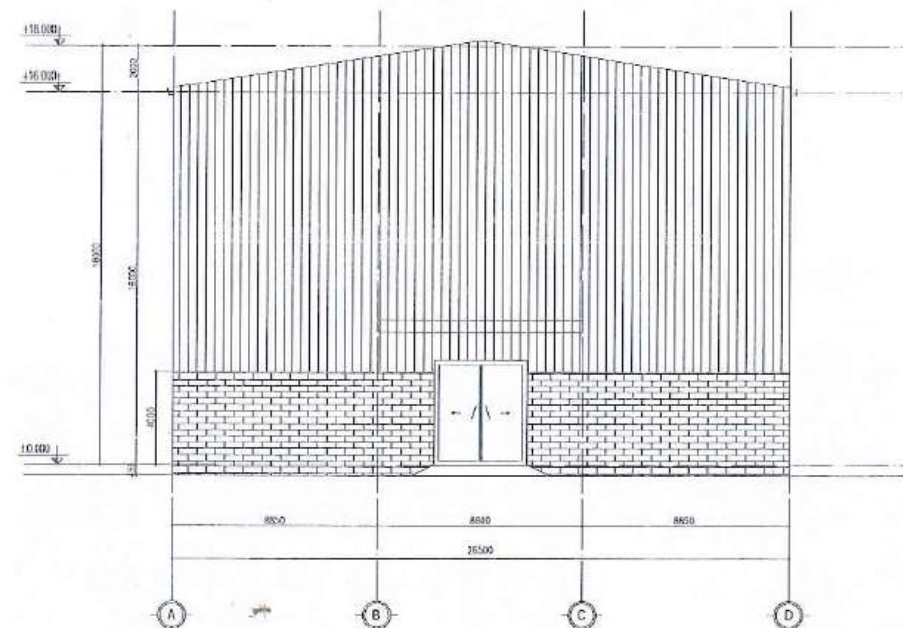
PHƯƠNG ÁN KIẾN TRÚC NHÀ LÒ HƠI (5B)



MẶT BẰNG NHÀ LÒ HƠI



MẶT CẮT NGANG CÔNG TRÌNH



MẶT ĐŨNG CHÍNH



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
BAN QUẢN LÝ CÁC KCN TỈNH HƯNG YÊN

KÝ (Q)..... NGÀY.....
CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CP SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ
TRUNG ĐÚNG

ĐC: MÔ IẤN THƯỜNG KIỆT, XÃ LÃNH THƯỜNG KIỆT, THỊ TRẤN BẮC SƠN, TỈNH HƯNG YÊN
TEL: ***** FAX: *****

DỰÁN:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MÀU VÀ
PHỤ KIỆN NGÀNH MAY

ĐỊA ĐIỂM XD: LÔ LA, KCN ĐỆM MAY PHỐ NỘI,
P. DỊ SÚC, TX. MỸ HẠO, T. HƯNG YÊN

ĐƠN VỊ LẬP QUY HOẠCH:
CÔNG TY CP XÂY DỰNG QUANG MINH HD



ĐC: ĐƯỜNG CHÁNH KIẾN, THƯỜNG KIỆT, THỊ TRẤN BẮC SƠN, TỈNH HƯNG YÊN

GIÁM ĐỐC:

[Signature]

DẶNG VĂN TUYẾN

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ:

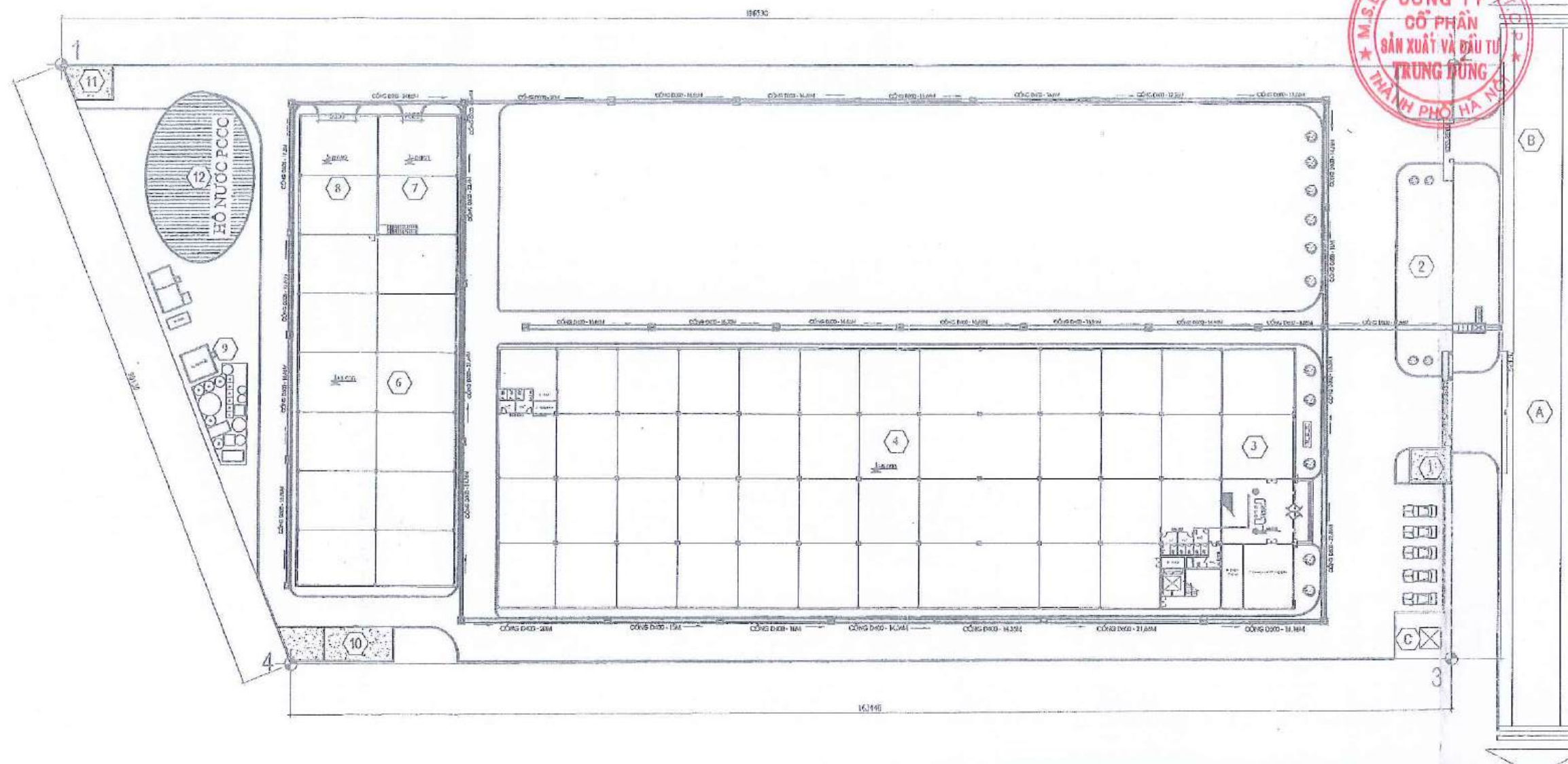
[Signature]
NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

TÊN BẢN VẼ:

PHƯƠNG ÁN KT NHÀ LÒ HƠI (5B)

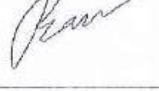
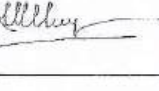
BẢN VẼ SỐ: QH3

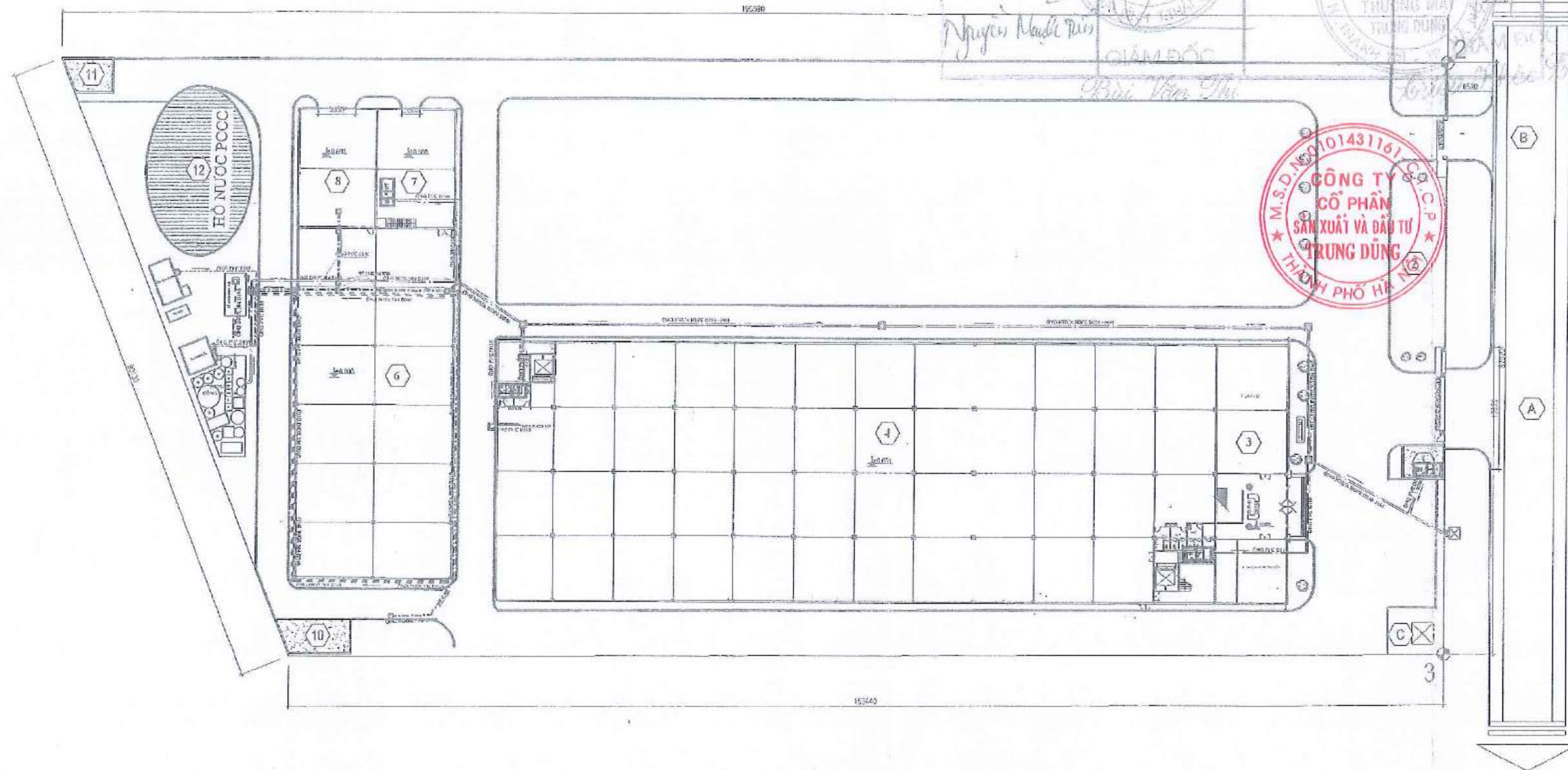
HOÀN THÀNH: 2024



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ VIỆT			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày... tháng... năm 2020			
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Nguyễn Mạnh Đức	NHÀ VIỆT	NHÀ VIỆT	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ ĐẦU TƯ TRUNG DŨNG
GIÁM ĐỐC	CHỦ ĐẦU TƯ		
Bùi Văn Thi	Trần Văn Hùng		

HỒ SƠ THIẾT KẾ	
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG	
TÊN DỰ ÁN: NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MÀU VÀ PHỤ KIỆN NGÀNH MAY	
MÃ ĐỒ: HỒ KẾ - 1000 TÊN	
TÊN CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MÀU VÀ PHỤ KIỆN NGÀNH MAY	
HẠNG MỤC:	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:  CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ VIỆT	
ĐỊCH VẤN PHÒNG: QUYẾT ĐỊNH - VỊ SƠN - KẾ XƯƠNG - TĐ ĐT: 0912942202 - VIB: NHAVIETCONSVN EMAIL: NHAVIETKSGMAIL.COM	
GIÁM ĐỐC: HÀ VĂN HUY	
KTS. BÙI VĂN THỊ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ: 	
KTS. NGUYỄN HOÀNG NAM	
CHỦ TRÌ: 	
Ks. PHẠM ĐÌNH BAN	
THIẾT KẾ: 	
Ks. PHẠM ĐÌNH BAN	
KIỂM DÀN VẼ: 	
Ks. HÀ VĂN HUY	
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA	
KÝ HIỆU BẢN VẼ: BVHC	NGÀY III: .../.../20...



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

GHI CHÚ: ===== ĐƯỜNG THU GOM NƯỚC THẢI SẢN XUẤT. ===== ĐƯỜNG THU GOM NƯỚC RỬA SÀN. ===== ĐƯỜNG THOÁT NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ VIỆT			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày... tháng... năm 2020			
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Nguyễn Mạnh Đức	Tư vấn xây dựng và phát triển nhà Việt	Công ty TNHH Tư vấn xây dựng và phát triển nhà Việt	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Trung Dung
GIÁM ĐỐC		Bùi Văn Thi	

HỒ SƠ THIẾT KẾ

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DUNG

TÊN DỰ ÁN:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT
CHỈ MÀU VÀ PHỤ KIỆN NGÀNH MAY
ĐỊA ĐIỂM: PHỐ HẢI PHÒNG

TÊN CÔNG TRÌNH:
NHÀ MÁY SẢN XUẤT
CHỈ MÀU VÀ PHỤ KIỆN NGÀNH MAY

HẠNG MỤC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN
NHÀ VIỆT

ĐỊC VẤN THƯỜNG: CUYỄN TIẾN - VŨ SƠN - KIẾN XƯƠNG - TĐ
ĐT: 0912542302 - WEB: NHAVIETCONG.VN
EMAIL: NHAVIETBOGMAIL.COM

GIÁM ĐỐC:

Nguyễn Mạnh Đức

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:

KTS. NGUYỄN HOÀNG NAM

CHỦ TRÌ:

KS. PHẠM ĐÌNH BÀN

THIẾT KẾ:

KS. PHẠM ĐÌNH BÀN

Kiểm bản vẽ:

KS. HÀ VĂN HUY

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

KÝ HIỆU BẢN VẼ:

BVHC

TỶ LỆ

NGÀY HẸ

.../.../20...



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG



HẠNG MỤC: THIẾT KẾ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

TÊN BẢN VẼ : HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐỐT THAN
HIỆU CHÍNH :
NGÀY TRÌNH :
DỰ ÁN : NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MÀU VÀ PHỤ KIỆN NGÀNH MAY
ĐỊA ĐIỂM : KCN DỆT MAY PHỐ NỐI, XÃ DỊ SỬ, HUYỆN MỸ HÀO, TỈNH HUNG YÊN
BÊN A(CHỦ ĐẦU TƯ) : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG
BÊN B(NHÀ THẦU) : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MT GROUP



GIÁM ĐỐC
Trần Khắc Luận



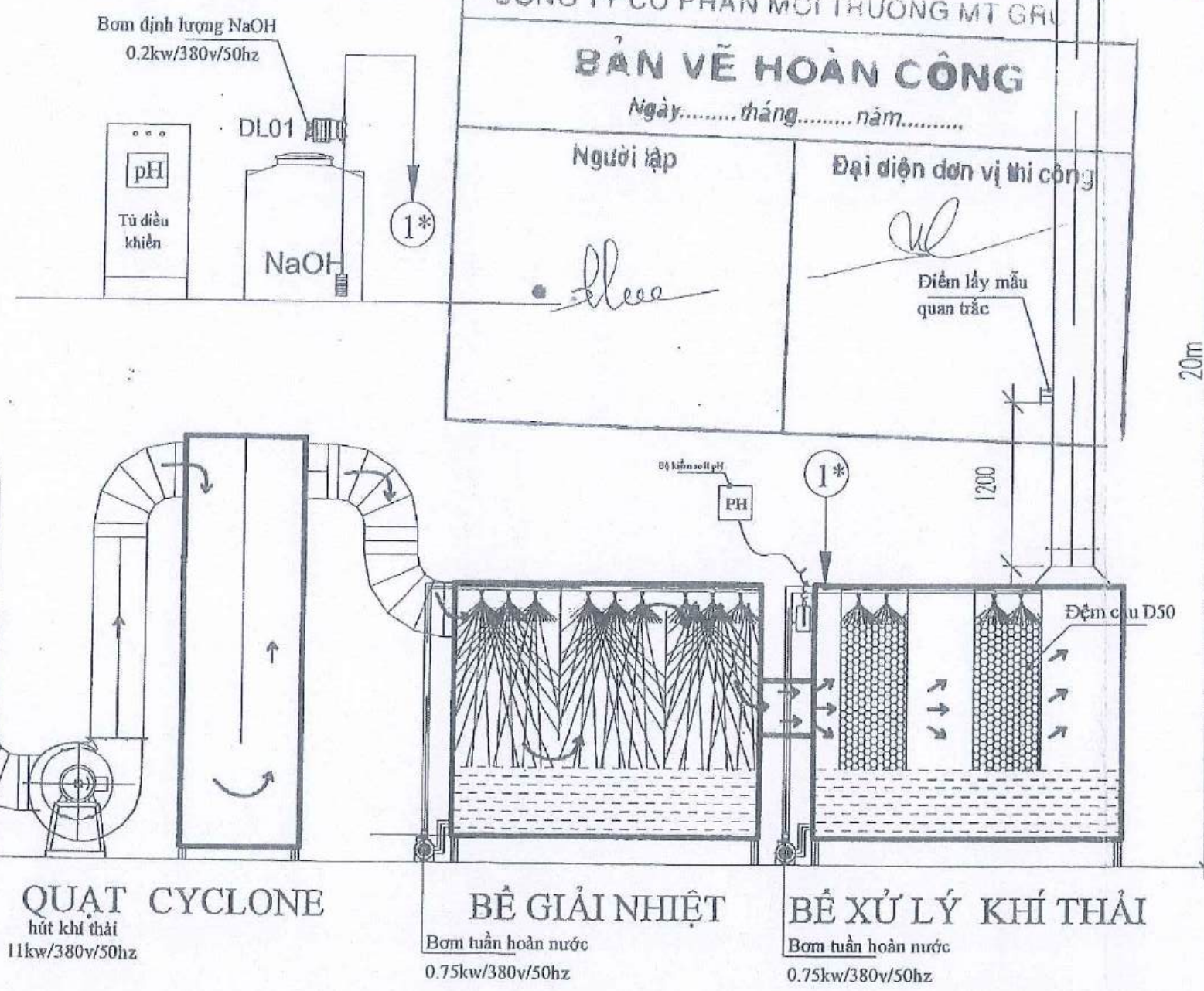
PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thu

HUNG YÊN, THÁNG/2021



SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐỐT THAN

ống dẫn khí sau xử lý ra ngoài



HỒ SƠ KỸ THUẬT	
HỢP ĐỒNG KINH TẾ SỐ:	
KÝ KẾT NGÀY, THÁNG, NĂM 2021	
NGÀY:	SỬA ĐỔI:
A	—/—/2021



TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NÓI HƠI

CHỦ THIẾT KẾ - PRIMARY ARCHITECT

KS. NGUYỄN QUỐC CHIẾN

THIẾT KẾ - VẼ - DESIGN & CAD BY

KS. VŨ VIỆT THÀNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHECKED BY:

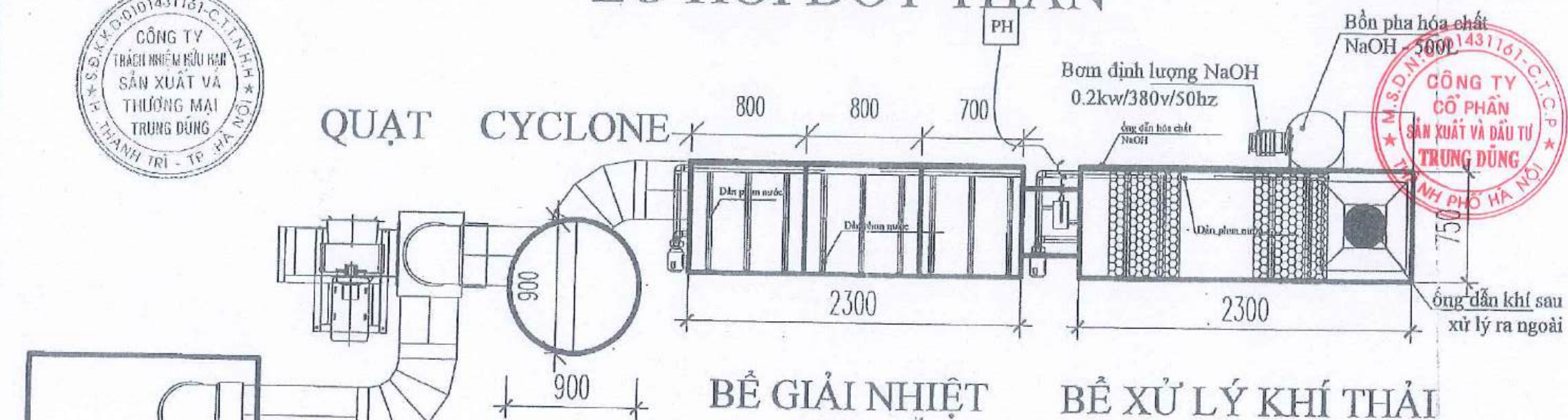
KS. NGUYỄN NGUYỄN QUỐC CHIẾN

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

TỶ LỆ - SCALE	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO
DƯỚI DẪN - PARTIAL	
HOÀN BẢNH	.../2021



QUAT CYCLONE



NỖI HƠI

Thần Xyclone
bằng inox 304

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MT GROUP

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập

Đại diện đơn vị thi công

MẶT CẮT CYCLONE TÁCH BỤI

	07/02/21
--	----------

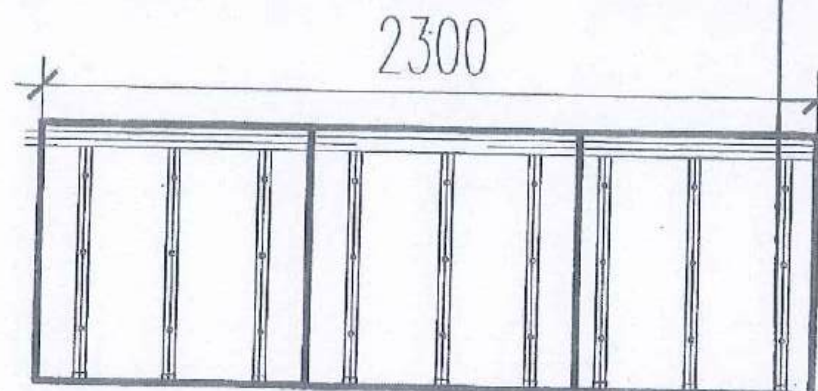


BỂ GIẢI NHIỆT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG MỸ GROUP

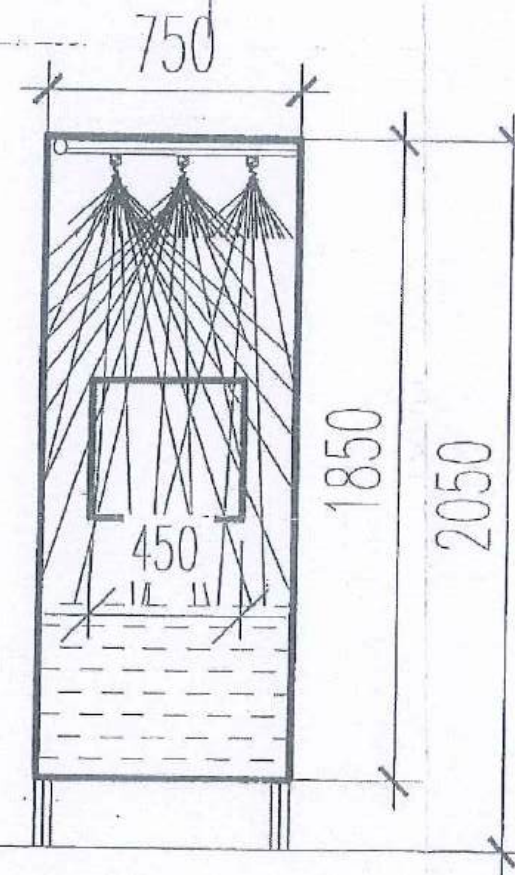
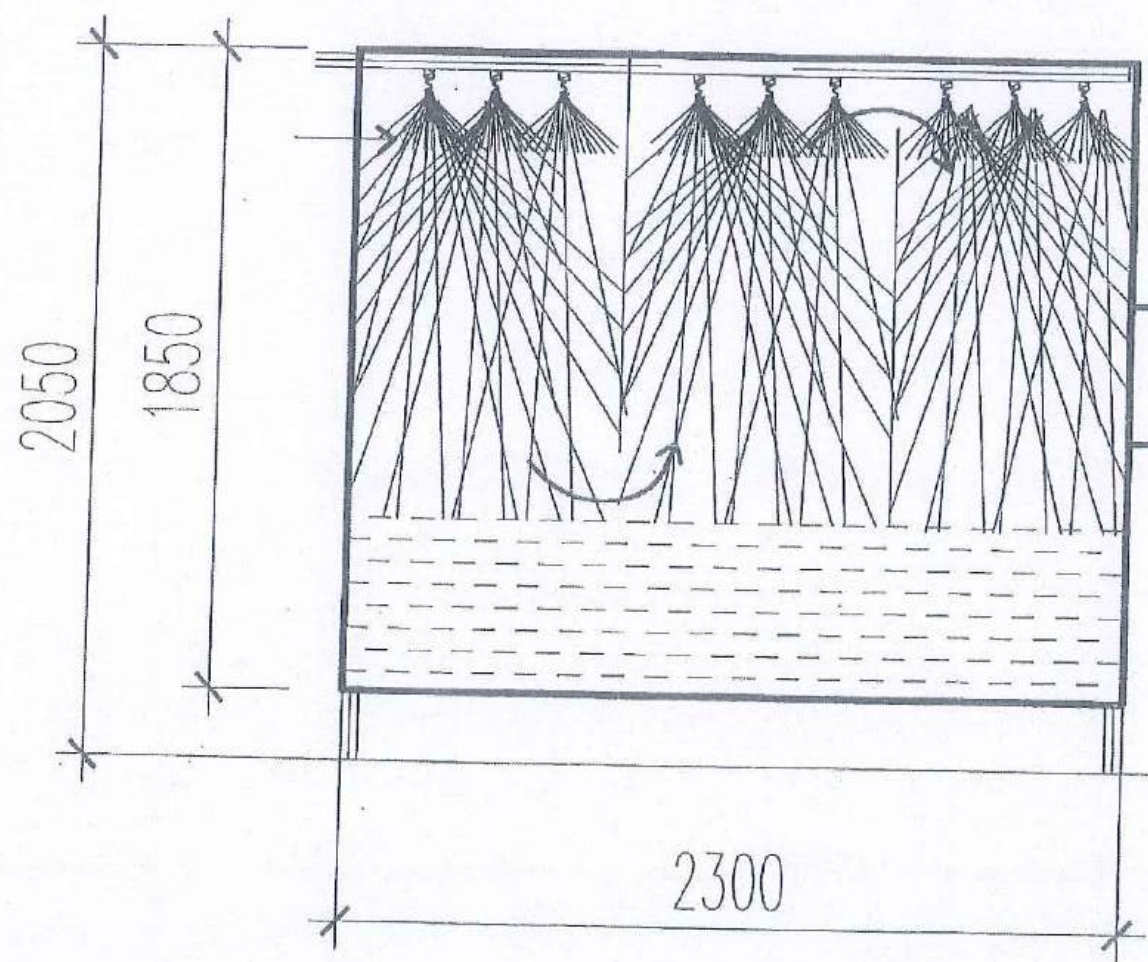
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....



Người lập

Đại diện đơn vị thi công



HỒ SƠ DẪN XUẤT KỸ THUẬT
HỢP ĐỒNG NHẬN TẾ SỐ:
KÝ KẾT NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2021

NGÀY:.....SỬA ĐỔI

A...../...../2021

...../...../2021



TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NÓNG

CHỦ THIẾT KẾ - PRIMARY ARCHITECT

KS. NGUYỄN QUỐC CHIẾN

THIẾT KẾ - VẼ - DESIGN & CAD BY

KS. VŨ VIỆT THÀNH

QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHECKED BY:

KS. NGUYỄN NGUYỄN QUỐC CHIẾN

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME

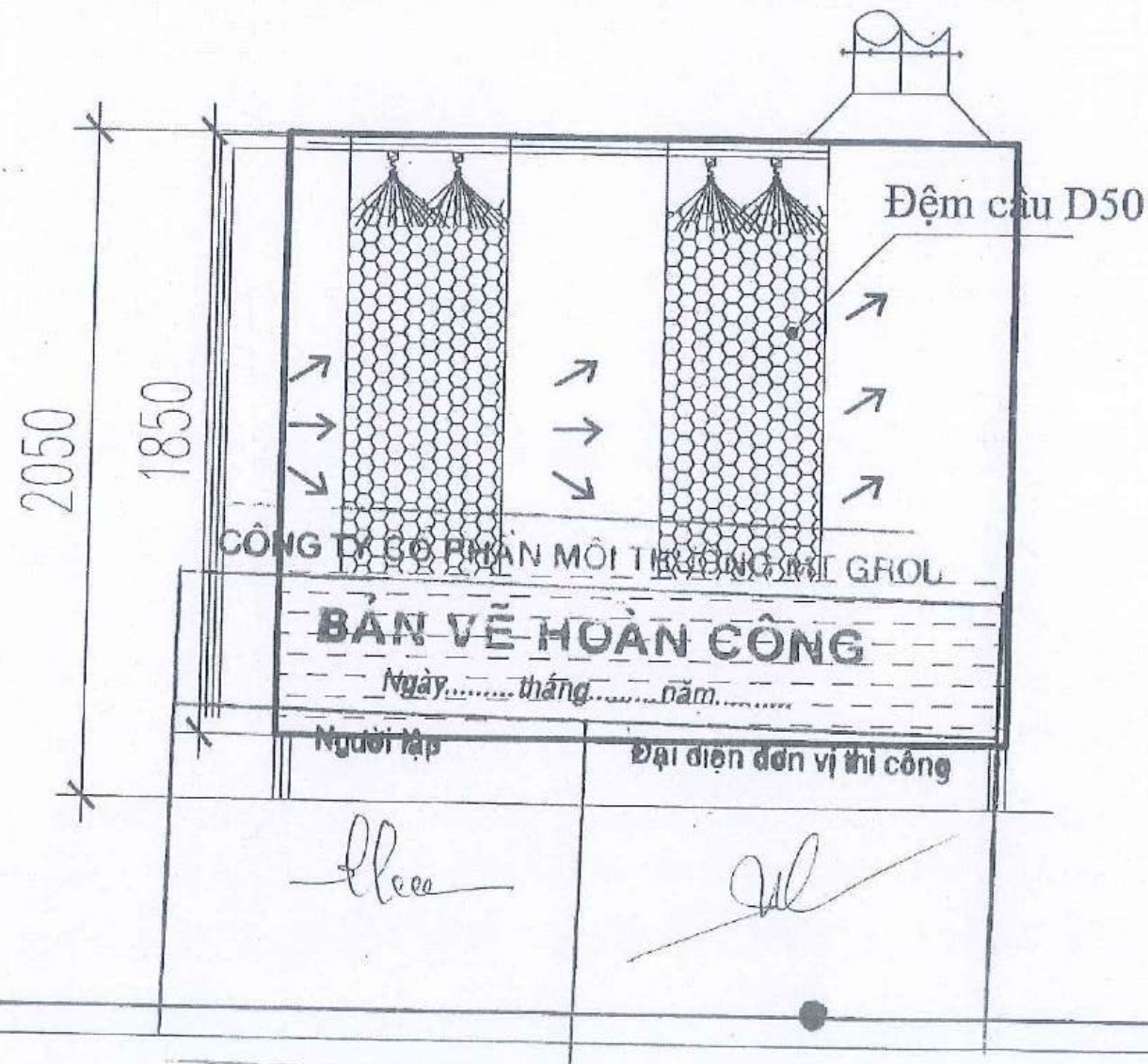
TỶ LỆ - SCALE

BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO

DƯỠNG DẪN - PART FILE

HOÀN BÀN

.../2021



HỒ SƠ ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT		
HỢP ĐỒNG KINH TẾ SỐ.....		
KÝ KẾT NGÀY THÁNG NĂM 2021		
NGÀY:		SỬA ĐỔI:
✓	-/- / 2021	
★		
	-/- / 2021	
CHỦ ĐẦU TƯ - OWNER		
ĐƠN VỊ KHU CHỨC TRẠNG:		
Tên:	- Group	
HÀNH CHỦ - CONTRACTOR		
ĐƠN VỊ KHU CHỨC TRẠNG:		
Tên:	- branch	
TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT		
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NÚT HOI		
CHỦ THIẾT KẾ - PRIMA TV ARCHITECT		
KS. NGUYEN QUỐC CHIẾN		
THIẾT KẾ - VE - DESIGN & CAD BY		
KS. VŨ VIỆT THÀNH		
QUẢN LÝ KỸ THUẬT - CHECKED BY :		
KS. NGUYỄN NGUYỄN QUỐC CHIẾN		
TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME		
TỶ LỆ - SCALE	BẢN VẼ SỐ - DRAWING NO	
DƯỞNG DẤY - PAPER/E		
HOÀN THÀNH	.../2021	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG



HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHỤ KIỆN NGÀNH MAY TRUNG DŨNG

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khắc Trường

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT
VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH



GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thu

HƯNG YÊN, THÁNG 07 NĂM 2022

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY THIẾT SÁN XUẤT
MÁY THƯỚC MẠI TRUNG ĐÔNG

DỊCH VỤ LỘ LỀ, KINH DOANH MÁY PHỎNG LỒI,
NHUỘN DỖ SƠ, TẠO KẼM, THÉP LƯỚI YÊN



LINE A1

ĐỊA CHỈ: THÔN THƯỜNG LỢI, XÃ LA PHỒI,
HUYỆN HOÀI DỨC, TỈNH HÀ NỘI

WAV

3) 

EN 

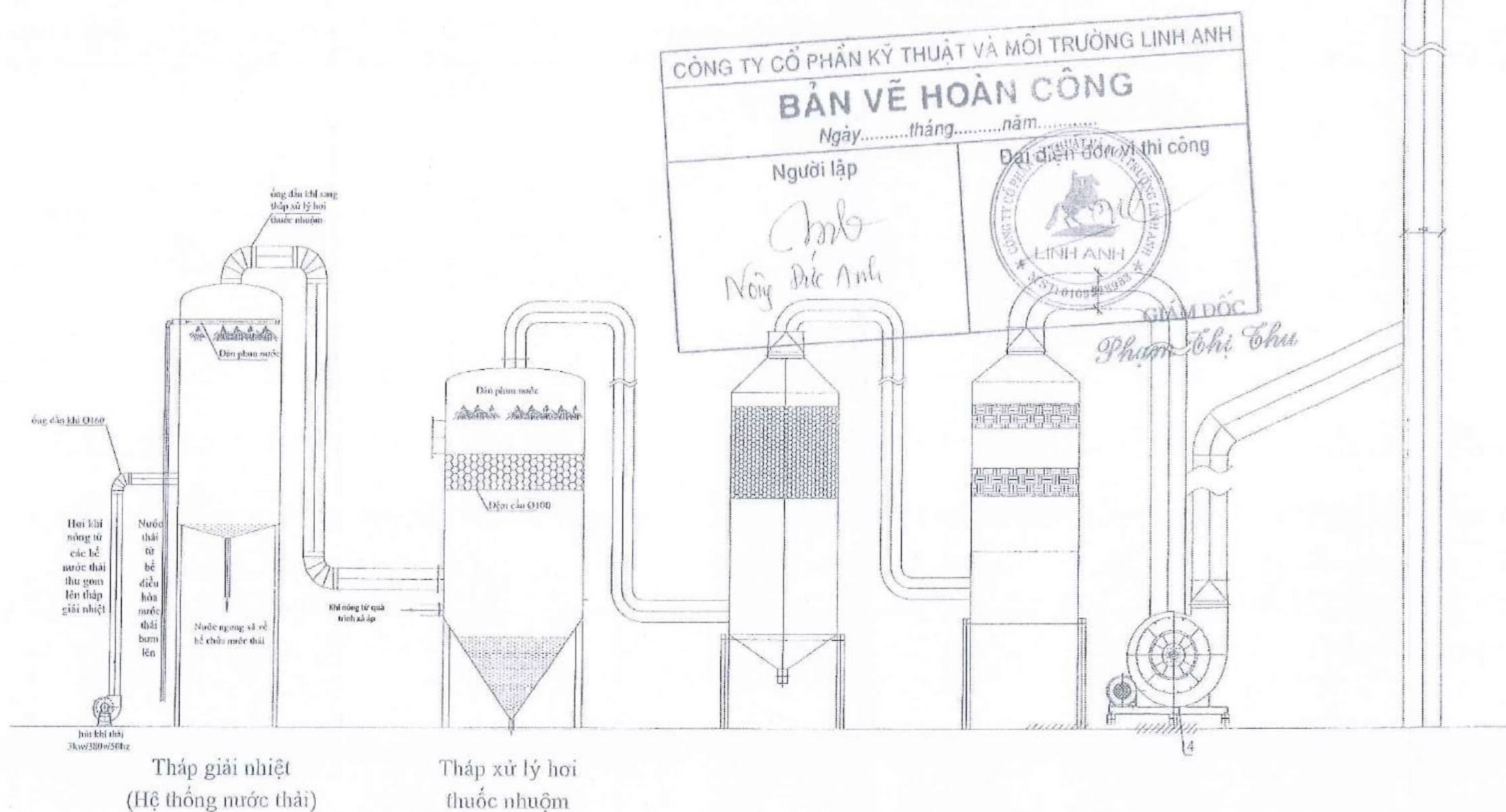
HỆ THỐNG XỬ LÝ H
THUỐC NHUÔM

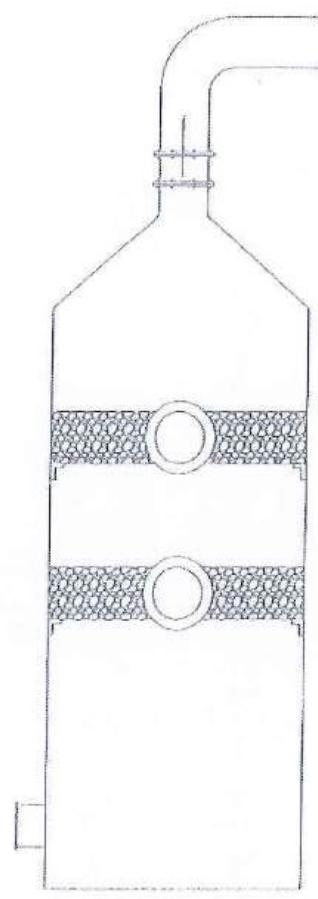
NHÀ MÁY SX PHỤ KIỆN NGÀNH MAY

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI
THUỐC NHUỘM

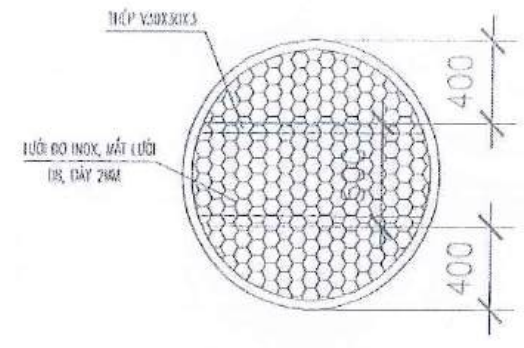
ĐỊA CHỈ: LỘ LỘ, KEN ĐỆT MÂY PHỒ NỘI,
PHƯỜNG DỊ SỰ, TX MỸ HẠNG, TỈNH BUNG YÊ

TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	07/2022
SỔ HỢP ĐỒNG	
SỔ BẢN VẼ	





CHI TIẾT ĐẦU NỒI QUẠT



CHI TIẾT GIÁ ĐỠ THAN HOẠT TÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

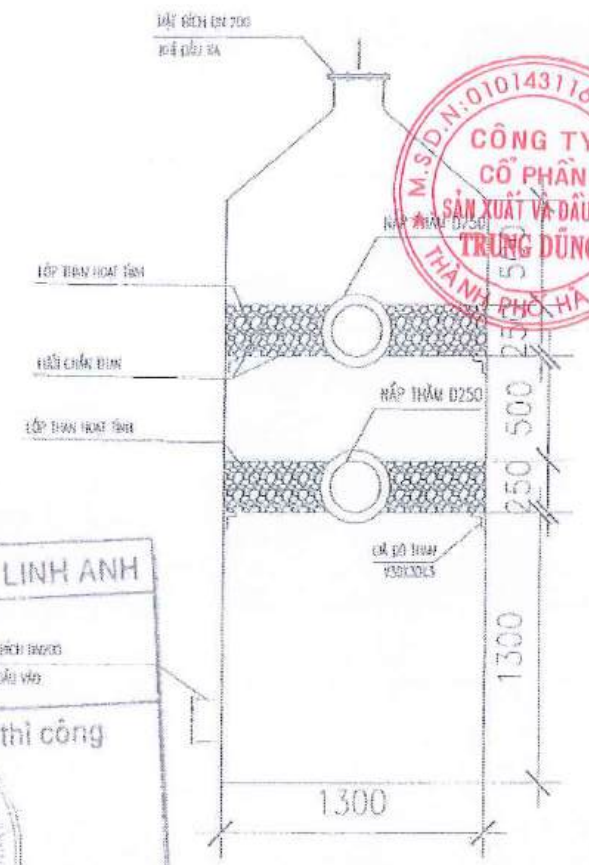
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

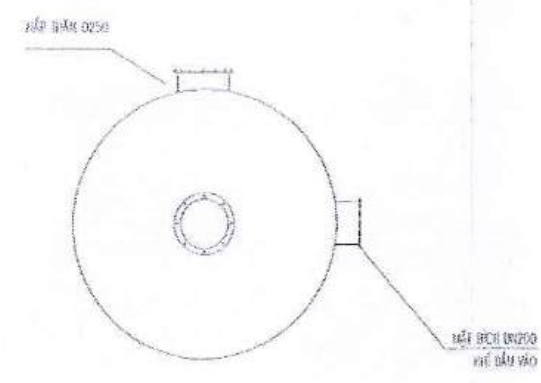
Người lập: *Nông Đức Anh*

Đại diện đơn vị thi công: *Phạm Thị Thu*

GIÁM ĐỐC



MẶT ĐỪNG THÁP HẤP PHỤ THAN



MẶT BẰNG THÁP HẤP PHỤ THAN

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

Địa chỉ: Lô L6, KCN Dệt May Phố Mới, Phường Dị Sử, TX Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

Địa chỉ: Thôn Thắng Lợi, Xã La Phù, Huyện Mỹ Đức, Thành Phố Hà Nội

GIÁM ĐỐC

CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC: KTS: NGUYỄN CÔNG VIỆT

CHỦ TRÌ CÔNG NGHỆ: KS: NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN: KS: NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI THUỐC NHUỘM

NHÀ MÁY SX PHỤ KIỆN NGÀNH MAY

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI THUỐC NHUỘM

ĐỊA ĐIỂM

Địa chỉ: Lô L6, KCN Dệt May Phố Mới, Phường Dị Sử, TX Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên

TÊN BẢN VẼ

TỶ LỆ: 1/100

HOÀN THÀNH: 07/2022

SỐ HỢP ĐỒNG

SỐ BẢN VẼ

CHI TIẾT THÁP TÁCH NƯỚC

CHI TIẾT GIÁ CHẤM ĐỆM CẦU TÁCH NƯỚC

MẬT ĐỪNG THÁP XỬ LÝ MÙI

MẶT BẰNG THÁP TÁCH NƯỚC



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG ƯƠNG

CH. Đ. L. L. K. H. D. T. M. P. H. N. I.
P. H. U. O. N. G. Q. I. S. U. T. X. M. Y. H. A. O. T. H. I. N. H. U. A. Y. E. N.

ĐƠN VỊ THI CÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐỊA CHỈ: THÔN THẮNG LỢI, XÃ LẠ PHỒ, HUYỆN HOÀI ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC



CHỦ TRÌ
KIỂM TRÚC

KTS: NGUYỄN CÔNG VIỆT

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ

KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN

KS: NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI
THUỐC NHUỘM

NHÀ MÁY SX PHỤ KIỆN NGÀNH MAY

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ HƠI
THUỐC NHUỘM

ĐỊA ĐIỂM

ĐỊA CHẾ LỘ LƯU, KINH ĐET MẠY PHỐ THỊ,
PHƯỜNG DI SỬ, TX MỸ HẠCH, TỈNH HUNG YÊN

TÊN BẢN VẼ

TỶ LỆ	1/100
-------	-------

HOÀN THÀNH	07/2022
------------	---------

SỔ HỢP ĐỒNG

SỐ BẢN VẼ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG



HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY SẢN XUẤT PHỤ KIỆN NGÀNH MÁY TRUNG DŨNG

CÔNG SUẤT 450 M3/NGÀY ĐÊM

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Trung

ĐƠN VỊ THI CÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT
VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thu

HUNG YÊN, THÁNG 07 NĂM 2022

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT CÔNG SUẤT 450 M3/NG.ĐÊM

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

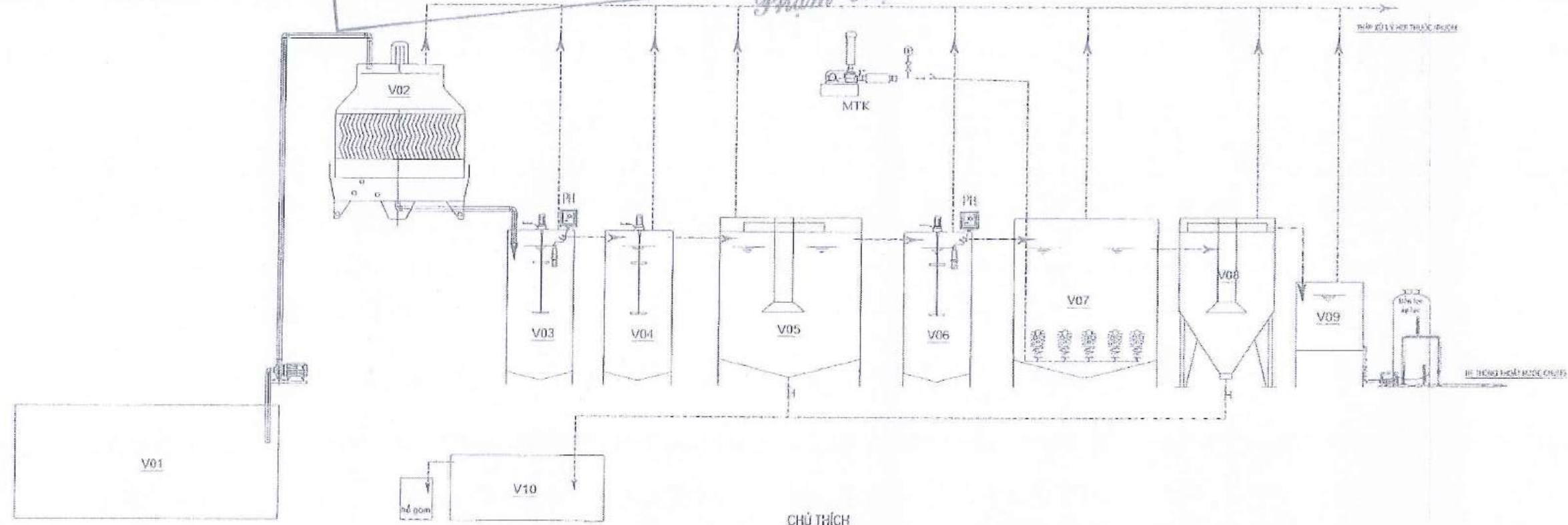
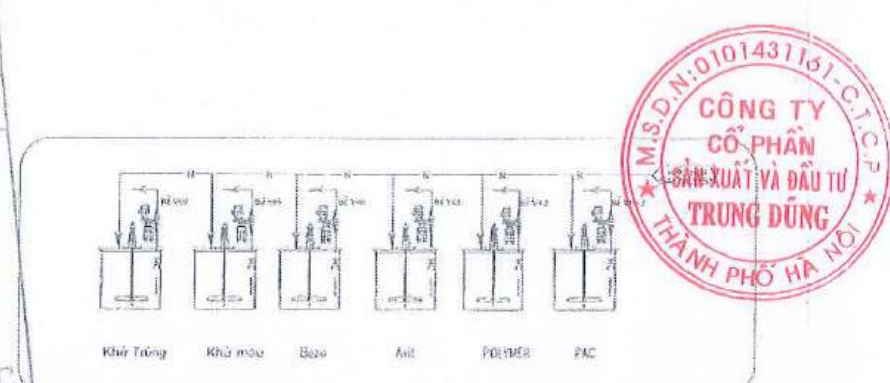
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập: *KS. N.Đ. Anh*

Đại diện đơn vị thi công: *Phạm Thị Thu*

GIÁM ĐỐC: *Phạm Thị Thu*



CHÚ THÍCH

KÝ HIỆU	TÊN HÀNG MỤC	KÝ HIỆU	TÊN HÀNG MỤC
V01	BỂ ĐIỀU HÒA	V06	BỂ TRUNG HÒA
V02	THÁP GIẢI NHIỆT	V07	BỂ HIỆU KHÍ
V03	BỂ ĐIỀU CHỈNH pH	V08	BỂ LẮNG 2
V04	BỂ KEO TỤ, TẠO BÔNG	V09	BỂ TRUNG GIAN
V05	BỂ LẮNG 1 HÓA LÝ	V10	BỂ KHỬ TRÙNG

TT	KÝ HIỆU	MÔ TẢ
1	-----	DƯỜNG KHÍ
2	-----	DƯỜNG ĐIỆN
3	-----	DƯỜNG BƠM
4	-----	DƯỜNG HỒN CHẾT

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG

ĐỊA CHỈ: LÔ LÊ, KHU DỆT MAY PHỐ NỘI, PHƯỜNG DỊ SÙ, TX MỸ HẠO, TP. HỒ CHÍ MINH

ĐƠN VỊ THI CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐỊA CHỈ: THÔN THẮNG LỢI, XÃ LA PHO, HUYỆN TÂN ĐỨC, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thu

CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC: KTS. NGUYỄN CÔNG VIỆT

CHỦ TRÌ CÔNG NGHỆ: KS. N.Đ. ANH

THỂ HIỆN: KS. N.Đ. ANH

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY SX PHỤ KIỆN NGÀNH MAY

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM

ĐỊA CHỈ: LÔ LÊ, KHU DỆT MAY PHỐ NỘI, PHƯỜNG DỊ SÙ, TX MỸ HẠO, TP. HỒ CHÍ MINH

TÊN BẢN VẼ

TỶ LỆ: 1/100

HOÀN THÀNH: 07/2022

SỐ HỢP ĐỒNG:

SỐ BẢN VẼ:

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN CÔNG SUẤT 450M3/NGÀY ĐÊM



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG
ĐỊA CHỈ: LÔ LÊ, KINH ĐỆM MÂY PHỐ NỘI,
PHƯỜNG DI SỬ, T. X. MỸ HẠO, TỈNH HƯNG YÊN

ĐƠN VỊ THI CÔNG

LINH ANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH**

ĐỊA CHỈ: THÔN THẮNG LỢI, X. LA PHỒ,
HUYỆN HOÀI ĐỨC, TỈNH PHỐ HÀ NỘI



**CHỦ TRÌ
KIẾN TRÚC**
KTS. NGUYỄN CÔNG VIỆT

**CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ**
KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN
KS. NÔNG ĐỨC ANH

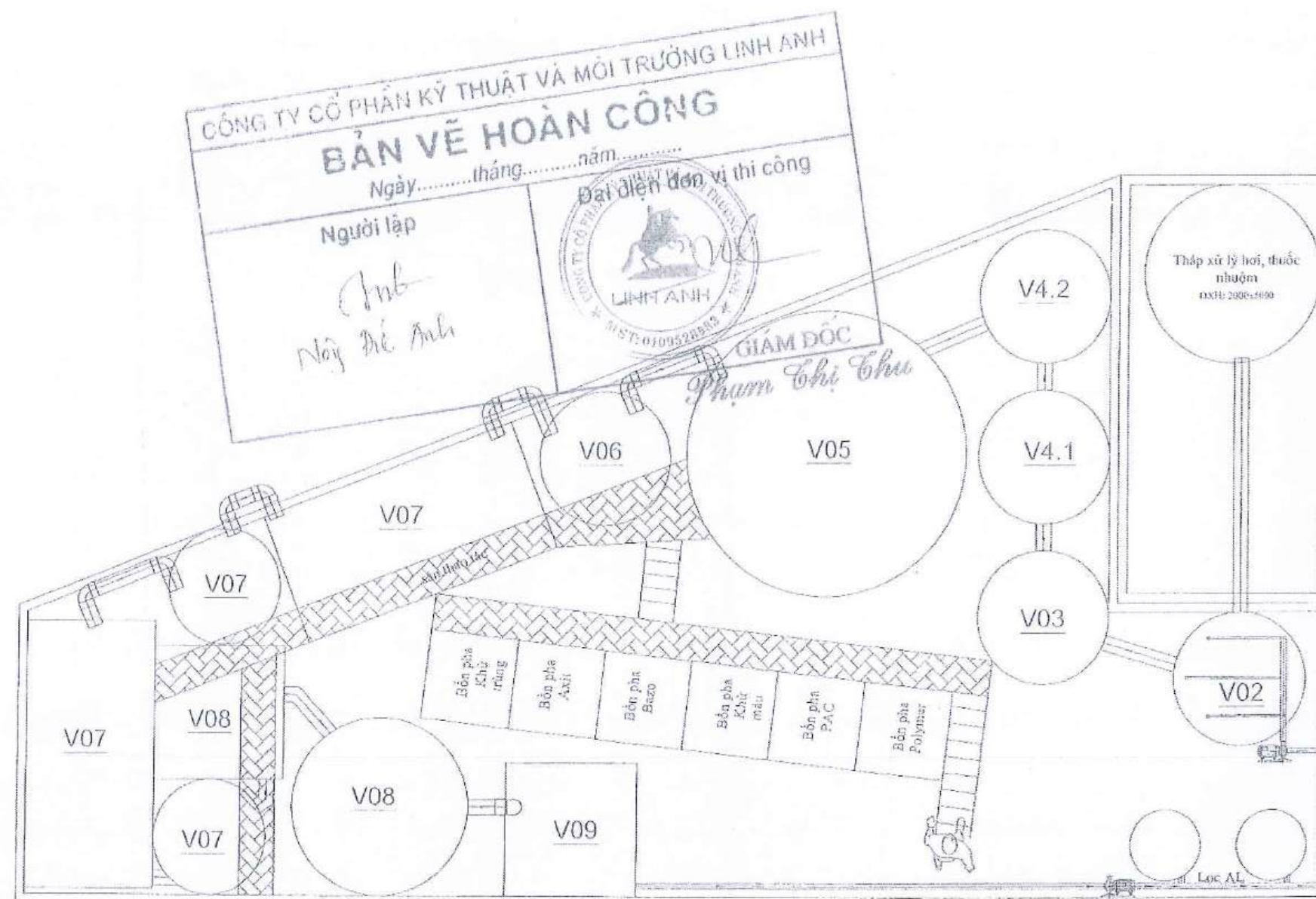
CÔNG TRÌNH
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
NHÀ MÁY SX PHỤ KIỆN NGÀNH MÁY

HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM
ĐỊA CHỈ: LÔ LÊ, KINH ĐỆM MÂY PHỐ NỘI,
PHƯỜNG DI SỬ, T. X. MỸ HẠO, TỈNH HƯNG YÊN

TÊN BẢN VẼ

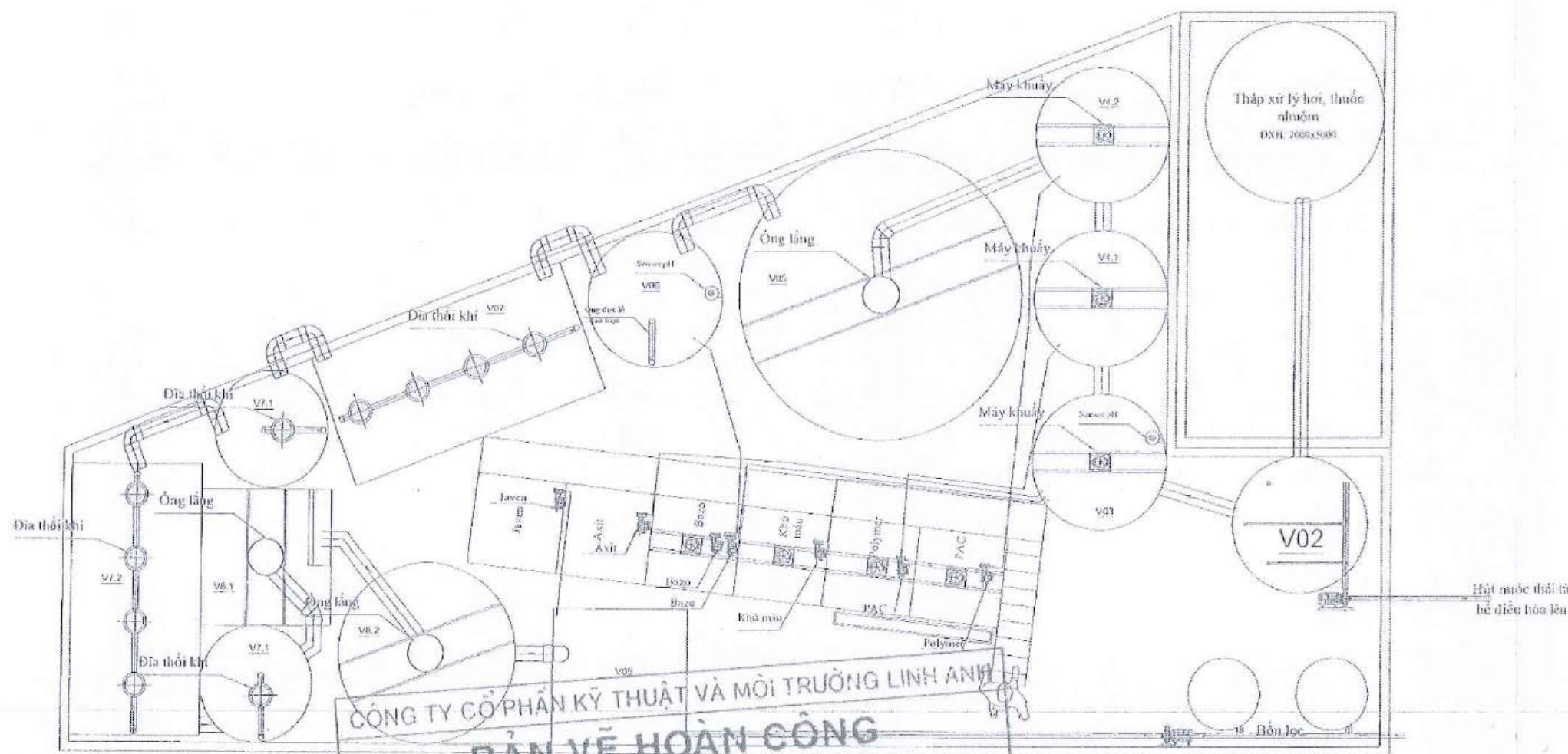
TỶ LỆ 1/100
HOÀN THÀNH 07/2022
SỐ HỢP ĐỒNG
SỐ BẢN VẼ



CHÚ THÍCH

KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC	KÝ HIỆU	TÊN HẠNG MỤC
V01	BỂ ĐIỀU HÒA	V06	BỂ TRUNG HÒA
V02	THÁP GIẢI NHIỆT	V07	BỂ HIỆU KHÍ
V03	BỂ ĐIỀU CHỈNH PH	V08	BỂ LẮNG 2
V04	BỂ KEO TỤ, TẠO BÔNG	V09	BỂ TRUNG GIẢN
V05	BỂ LẮNG 1 HÓA LÝ	V10	BỂ KHỬ TRÙNG

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN CÔNG SUẤT 450M3/NGÀY ĐÊM



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập

Nông Đức Anh



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thu

CHÚ THÍCH

KÝ HIỆU	TÊN HÀNG MỤC	KÝ HIỆU	TÊN HÀNG MỤC
V01	BỂ ĐIỀU HÒA	V06	BỂ TRUNG HÒA
V02	THÁP GIẢI NHIỆT	V07	BỂ HIẾU KHÍ
V03	BỂ ĐIỀU CHỈNH PH	V08	BỂ LẮNG 2
V04	BỂ KEO TỤ, TẠO BÔNG	V09	BỂ TRUNG GIẢN
V05	BỂ LẮNG 1 HÓA LÝ	V10	BỂ KHỬ TRÙNG



CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG

ĐIỂM LỘ LƯU, KCN ĐET MÂY PHỐ HỒ,
PHƯỜNG DỊ SỬ, TX MỸ HẠO, TP.HCM

ĐƠN VỊ THI CÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN
KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐIỂM LỘ LƯU, KCN ĐET MÂY PHỐ HỒ,
PHƯỜNG DỊ SỬ, TX MỸ HẠO, TP.HCM



CHỦ TRÌ
KIẾN TRÚC
KTS: NGUYỄN CÔNG VIỆT

CHỦ TRÌ
CÔNG NGHỆ
KS. NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN
KS. NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
NHÀ MÁY SX PHỤ KIỆN NGÀNH MÁY

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM

ĐIỂM LỘ LƯU, KCN ĐET MÂY PHỐ HỒ,
PHƯỜNG DỊ SỬ, TX MỸ HẠO, TP.HCM

TÊN BẢN VẼ

TỶ LỆ 1/100

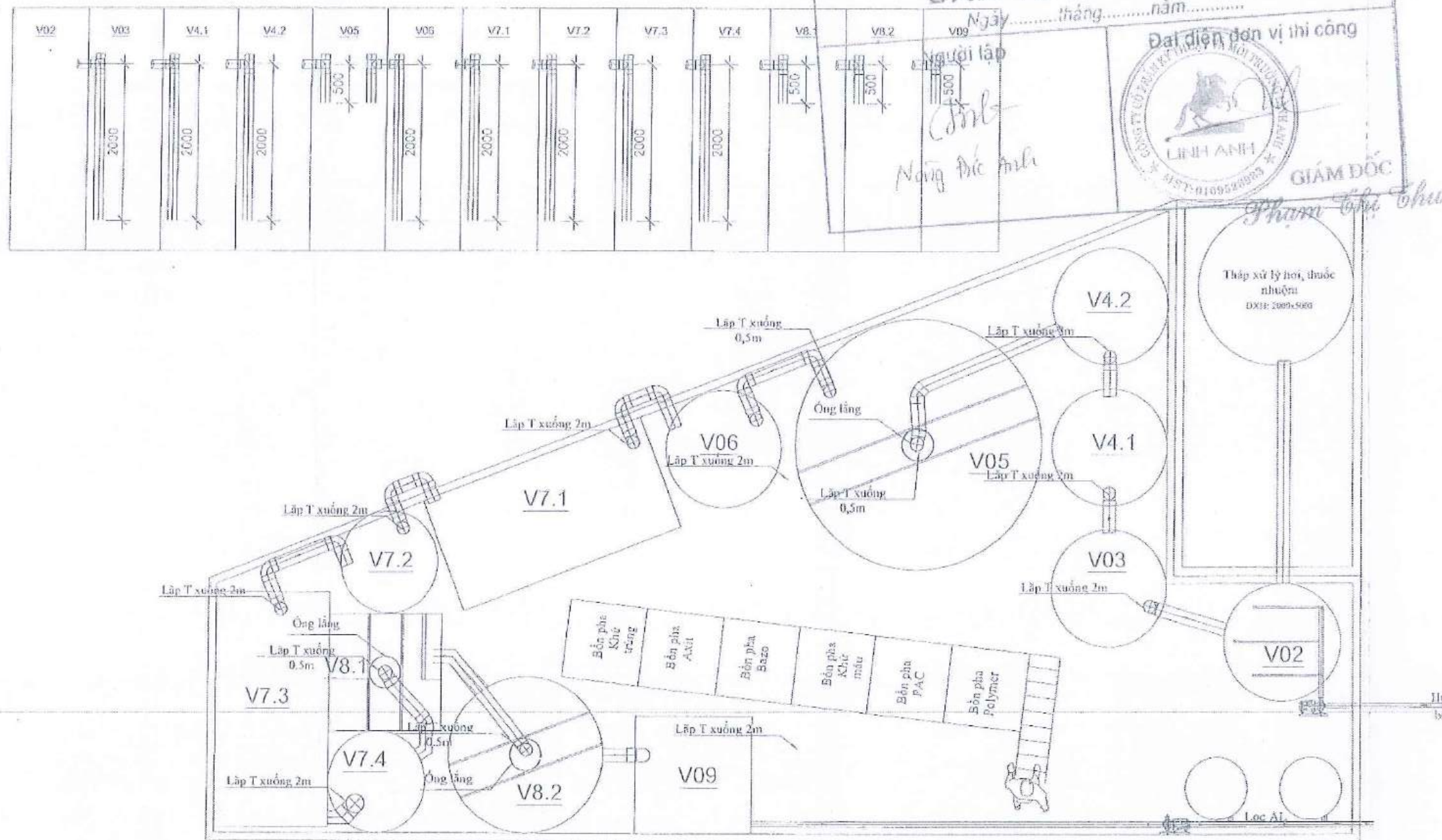
HOÀN THÀNH 07/2022

SỐ HỢP ĐỒNG

SỐ BẢN VẼ

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG THÔNG BỂ HTXL

BẢN VẼ HOÀN CÔNG



CHÚ THÍCH

KÝ HIỆU	TÊN HÀNG MỤC	KÝ HIỆU	TÊN HÀNG MỤC
V01	BỂ ĐIỀU HÒA	V06	BỂ TRUNG HÒA
V02	THÁP GIẢI NHIỆT	V07	BỂ HIẾU KHÍ
V03	BỂ ĐIỀU CHỈNH pH	V08	BỂ LẮNG 2
V04	BỂ KEC TỰ, TẠO BÔNG	V09	BỂ TRUNG GIAN
V05	BỂ LẮNG 1 HÓA LÝ	V10	BỂ KHỬ TRÙNG



ĐƠN VỊ THI CÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ THUẬT VÀ MÔI TRƯỜNG LINH ANH

ĐỊA CHỈ: THÔN TẮM BÈ, XÃ CÀ PHÙ, HUYỆN HOÀI ĐỨC, TỈNH (PHỐ) HÀ NỘI



CHỦ TRÌ KIẾN TRÚC: *Nguyễn Công Việt*
KTS: NGUYỄN CÔNG VIỆT

CHỦ TRÌ CÔNG NGHỆ: *Nông Đức Anh*
KS: NÔNG ĐỨC ANH

THỂ HIỆN: *Nông Đức Anh*
KS: NÔNG ĐỨC ANH

CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHÀ MÁY SX PHỤ KIỆN NGÀNH MÁY

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

ĐỊA ĐIỂM: ĐỊA CHỈ: LÔ L6, KCN ĐET MÂY PHỐ NỘI, PHƯỜNG ĐI SỬ, TX MỸ HẠO, TỈNH HƯNG YÊN

TÊN BẢN VẼ

TỶ LỆ: 1/100
HOÀN THÀNH: 07/2022
SỐ HỢP ĐỒNG:
SỐ BẢN VẼ:

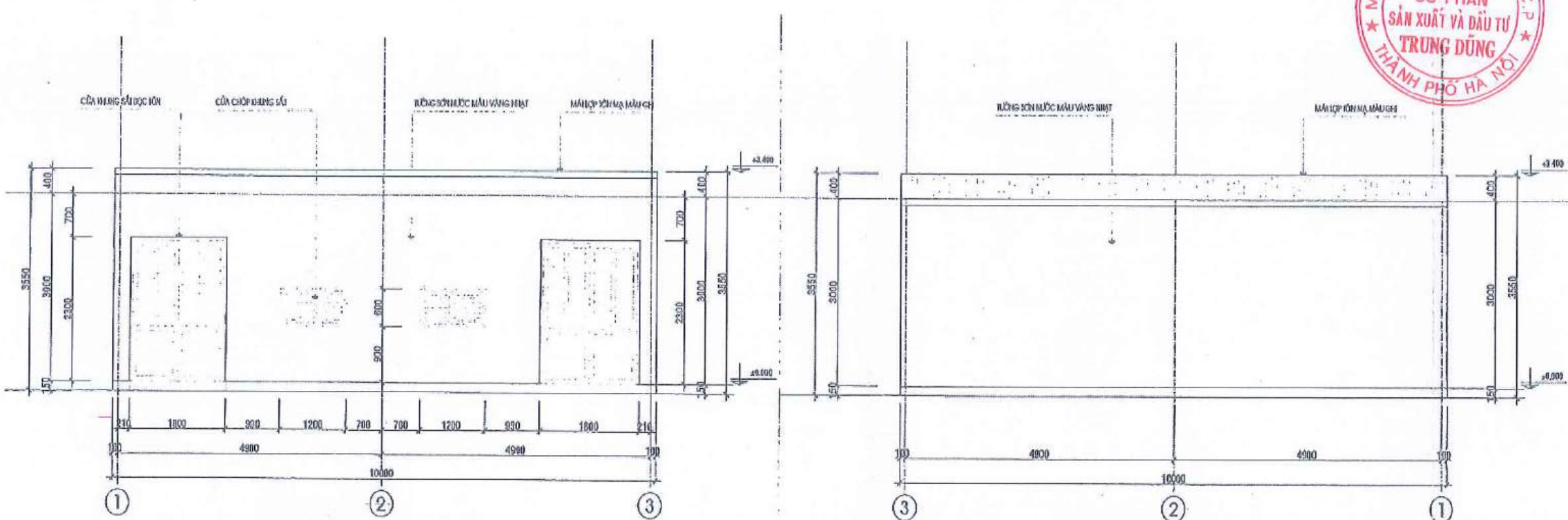
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ VIỆT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 22 tháng 01 năm 2020

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Nguyễn Mạnh Tuấn	TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ VIỆT	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG	
	GIÁM ĐỐC	CHẠM ĐÓNG	

Bùi Văn Thi



MẶT ĐỨNG TRỰC: 1-3

MẶT ĐỨNG TRỰC: 3-1

HỒ SƠ THIẾT KẾ	
CHỦ ĐẦU TƯ:	
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG	
TÊN DỰ ÁN:	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MÀU VÀ PHỤ KIỆN NGÀNH MAY	
ĐỊA ĐIỂM: PHỐ NỘI - HƯNG YÊN	
TÊN CÔNG TRÌNH:	
NHÀ MÁY SẢN XUẤT CHỈ MÀU VÀ PHỤ KIỆN NGÀNH MAY	
HẠNG MỤC:	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
NHÀ VIỆT Công phát triển bền vững CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ VIỆT Đ/C: VĂN PHÒNG: QUYẾT THIỆT - VŨ SƠN - KIẾN XƯƠNG - TÈ ĐT: 0912942262 - WEB: NHAVIETCONS.VN EMAIL: NHAVIET1806MAIL.COM	
GIÁM ĐỐC:	
TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ VIỆT	
KS. BUI VĂN THỊ	
CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:	
KTS. NGUYỄN HOÀNG NAM	
CHỦ TRÌ:	
KS. PHẠM ĐÌNH BAN	
THIẾT KẾ:	
KS. PHẠM ĐÌNH BAN	
KIỂM BÀN VẼ:	
KS. HÀ VĂN HUY	
TÊN BẢN VẼ:	
MẶT ĐỨNG NHÀ CHỨA RÁC	
KÝ HIỆU BẢN VẼ:	
BVHC	
TỶ LỆ:	NGÀY HẸ
	.../.../20...

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÀ VIỆT

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

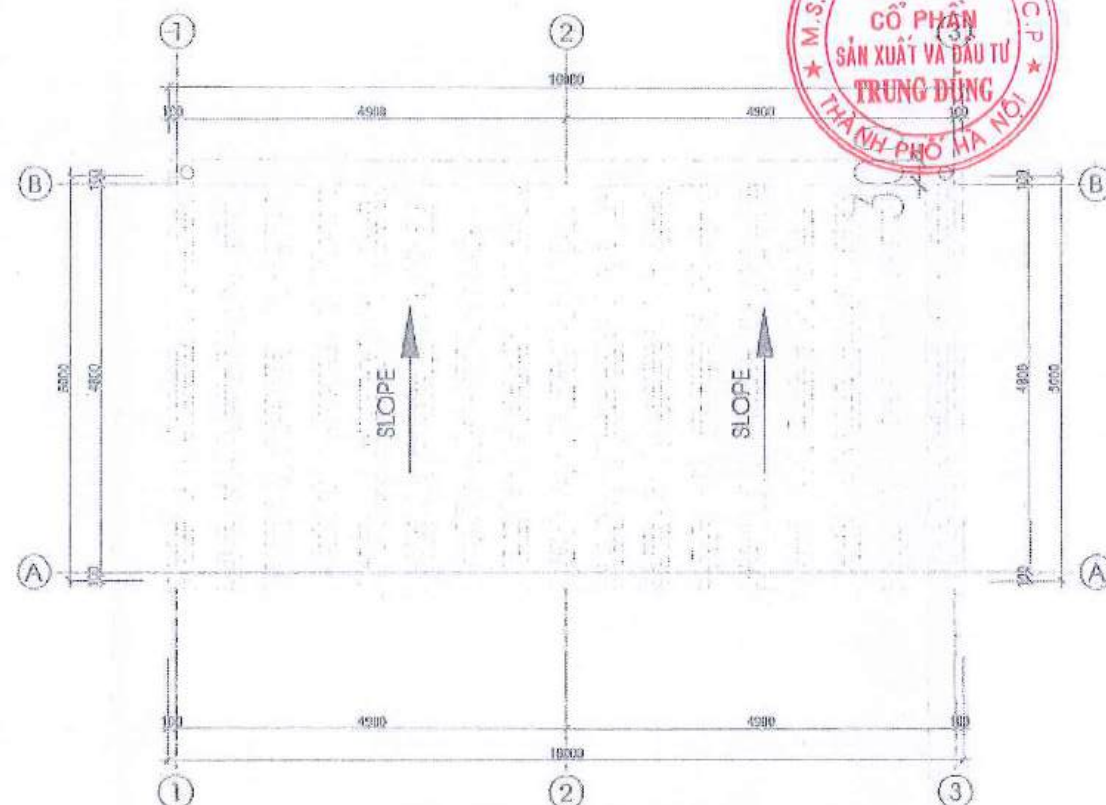
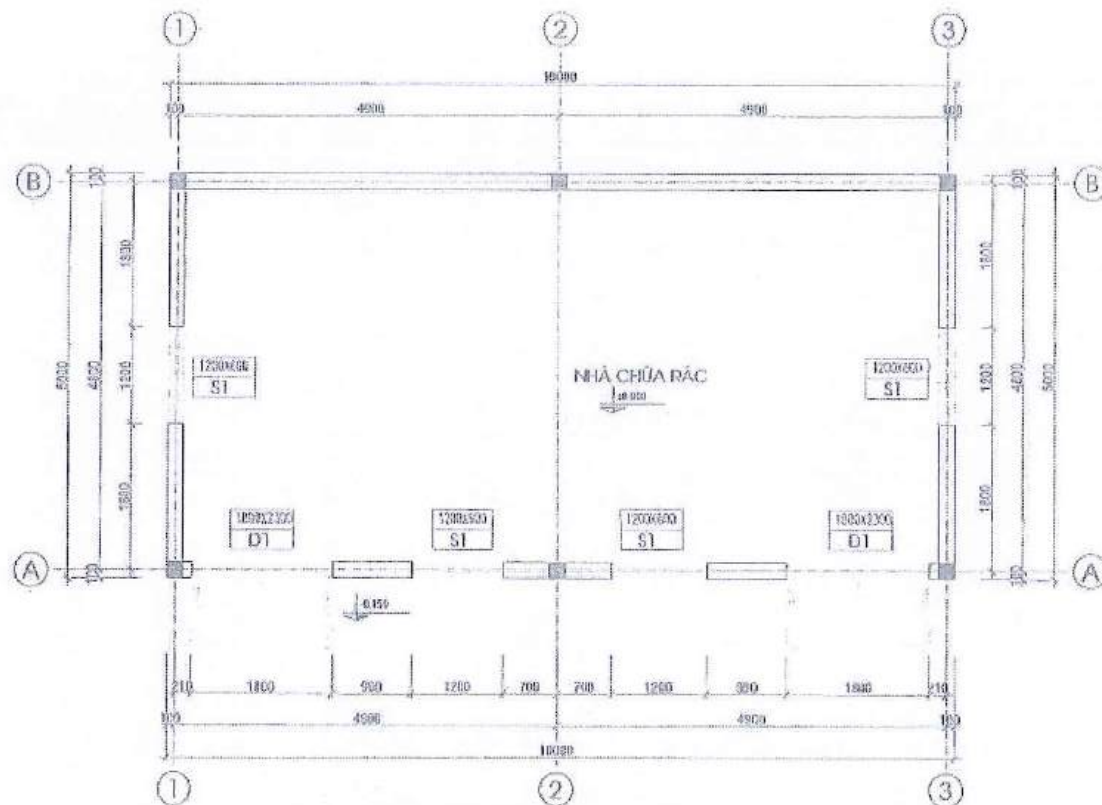
Ngày... tháng... năm 2020

NGƯỜI LẬP: *Nguyễn Mạnh Tuấn* ĐƠN VỊ THI CÔNG: TƯ VẤN GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ

GIÁM ĐỐC: *Bùi Văn Thi*

CHỦ ĐẦU TƯ: *Nguyễn Hoàng Nam*

CHỖ ĐÓNG CHỮ: *Nguyễn Hoàng Nam*



HỒ SƠ THIẾT KẾ

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG

TÊN DỰ ÁN:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT
CHỈ MÀU VÀ PHỤ KIỆN NGÀNH MAY

ĐỊA ĐIỂM: PHỐ NỘI - HƯNG YÊN

TÊN CÔNG TRÌNH:

NHÀ MÁY SẢN XUẤT
CHỈ MÀU VÀ PHỤ KIỆN NGÀNH MAY

HẠNG MỤC:

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG
VÀ PHÁT TRIỂN
NHÀ VIỆT

Đ/C VĂN PHÒNG: QUẬN TÂN - VŨNG SƠN - KIẾN XƯƠNG - TB
ĐT: 0912942202 - WEB: NHAVIETCONS.VN
EMAIL: NHAVIET1906@GMAIL.COM

GIÁM ĐỐC:

NGƯỜI LẬP
VÀ PHÁT TRIỂN
NHÀ VIỆT

CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ:

KTS. NGUYỄN HOÀNG NAM

CHỦ ĐẦU TƯ:

KS. PHẠM ĐÌNH BAN

THIẾT KẾ:

KS. PHẠM ĐÌNH BAN

Kiểm bản vẽ:

KS. HÀ VĂN HUY

TÊN BẢN VẼ:

MẶT BẰNG NHÀ CHỨA RÁC

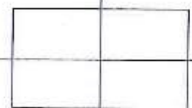
KÝ HIỆU BẢN VẼ:

BVHC

TỶ LỆ:

NGÀY IN:

.../.../20...



BẢN VẼ THIẾT KẾ

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ NỒI HƠI ĐỐT BIOMASS CÔNG SUẤT 10 TẤN/H



CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG

ĐỊA ĐIỂM: KCN DỆT MAY PHỐ NỐI, TX MỸ HÀO, TỈNH HƯNG YÊN

HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI NỒI HƠI

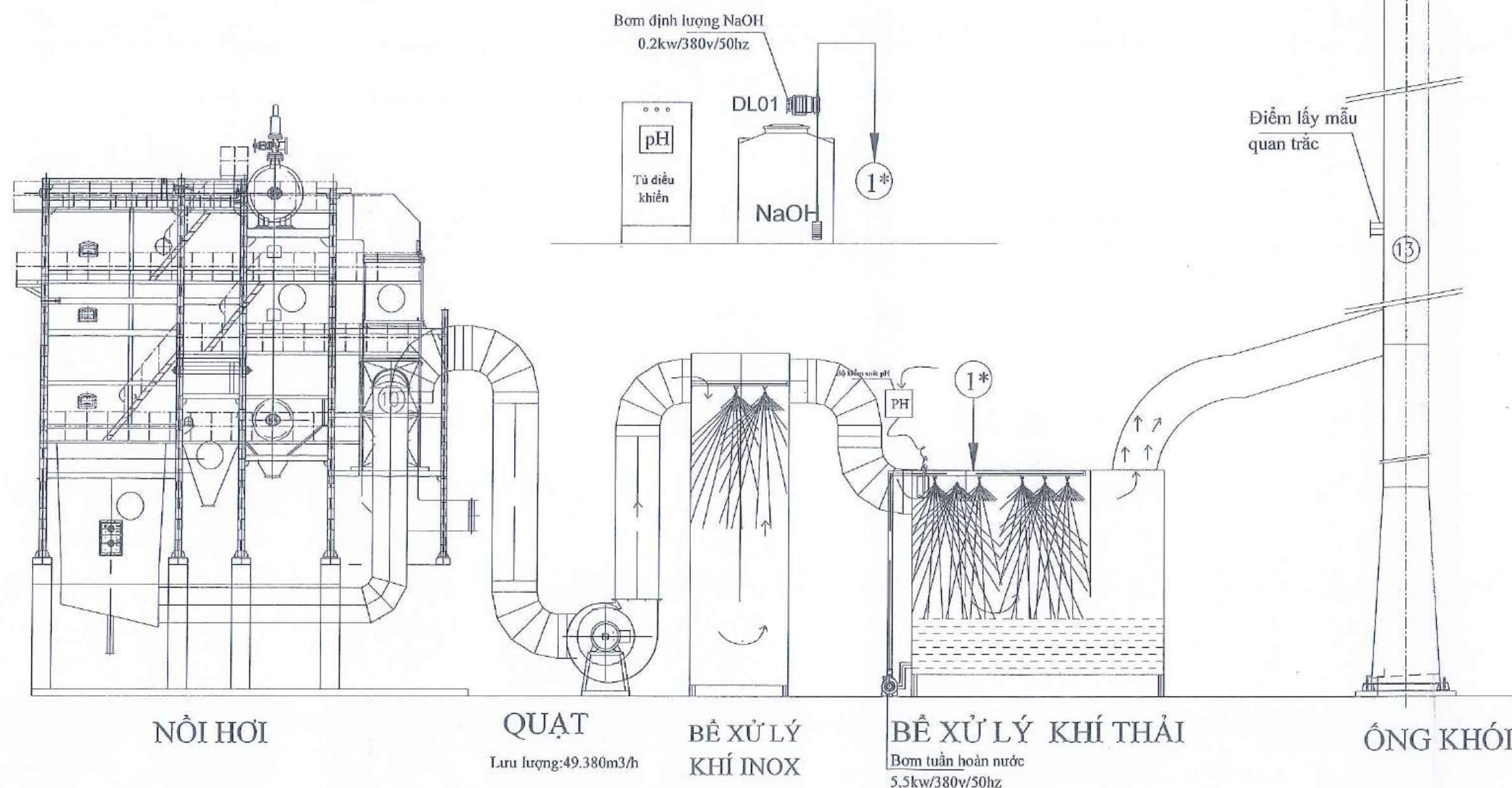
HƯNG YÊN, THÁNG 05 NĂM 2025

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐỐT BIOMASS

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG

ĐỊA CHỈ: LÔ L6, KCN ĐỆM MÂY PHỐ NỘI,
PHƯỜNG DỊ SỬ, TX MỸ HẢO, TỈNH HUNG YÊN

ống dẫn khí sau xử
lý ra ngoài
DxH: +22.000
1.000x2.000mm



CÔNG TRÌNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
NỒI HƠI ĐỐT BIOMASS

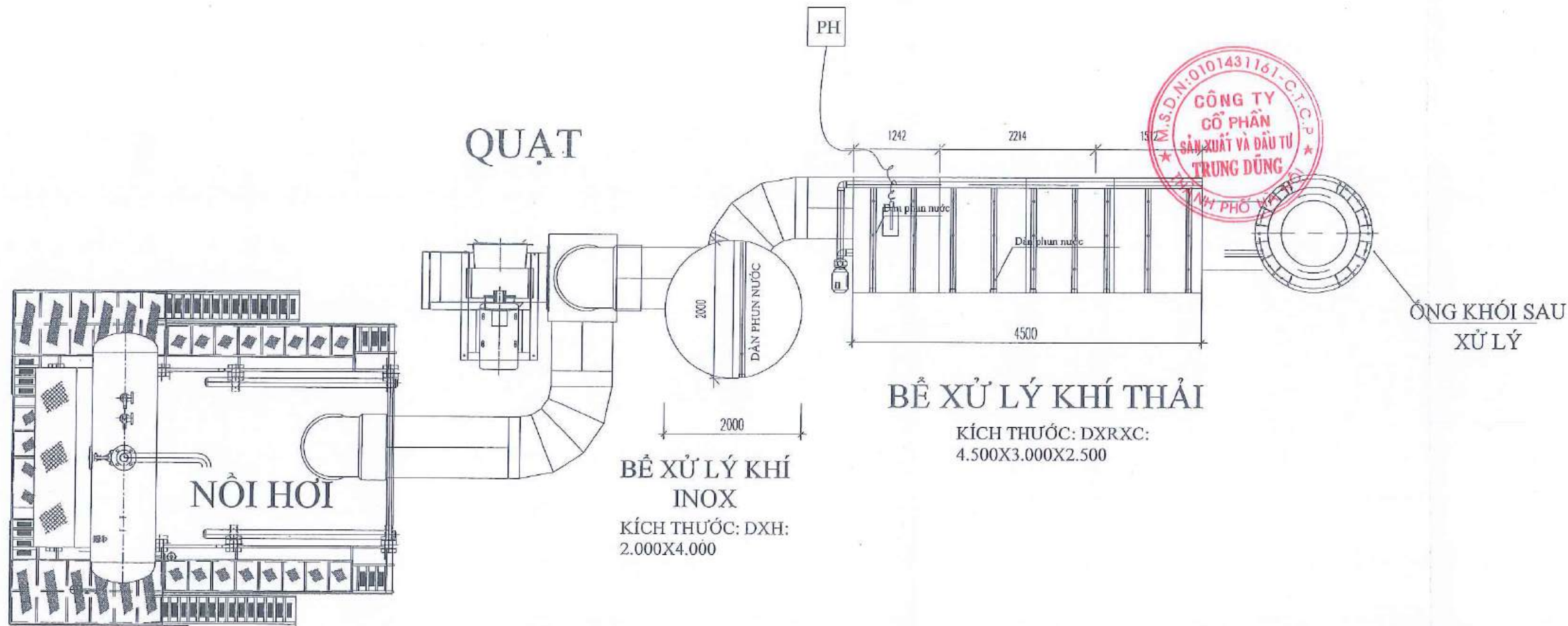
ĐỊA ĐIỂM

ĐỊA CHỈ: LÔ L6, KCN ĐỆM MÂY PHỐ NỘI,
PHƯỜNG DỊ SỬ, TX MỸ HẢO, TỈNH HUNG YÊN

TÊN BẢN VẼ

TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	05/2025
SỐ HỢP ĐỒNG	
SỐ BẢN VẼ	

MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI LÒ HƠI ĐỐT BIOMASS



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG

ĐỊA CHỈ: LÔ L6, KCN DỆT MAY PHỐ NỘI,
PHƯỜNG DỊ SỬ, TX MỸ HẢO, TỈNH HUNG YÊN

CÔNG TRÌNH
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
NỒI HƠI ĐỐT BIOMASS

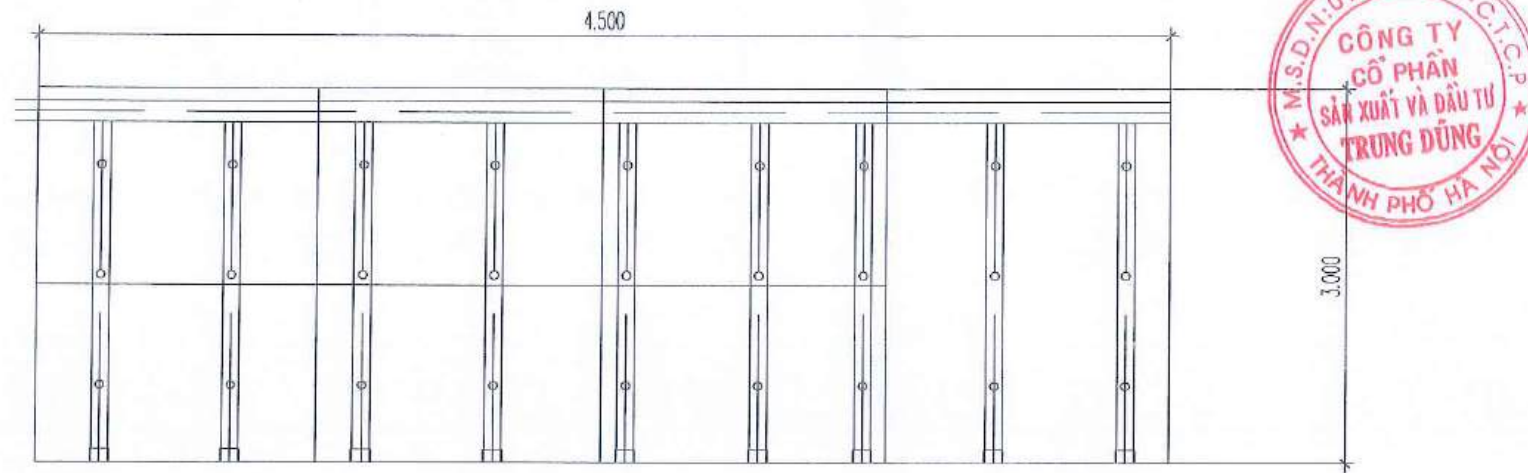
ĐỊA ĐIỂM

ĐỊA CHỈ: LÔ L6, KCN DỆT MAY PHỐ NỘI,
PHƯỜNG DỊ SỬ, TX MỸ HẢO, TỈNH HUNG YÊN

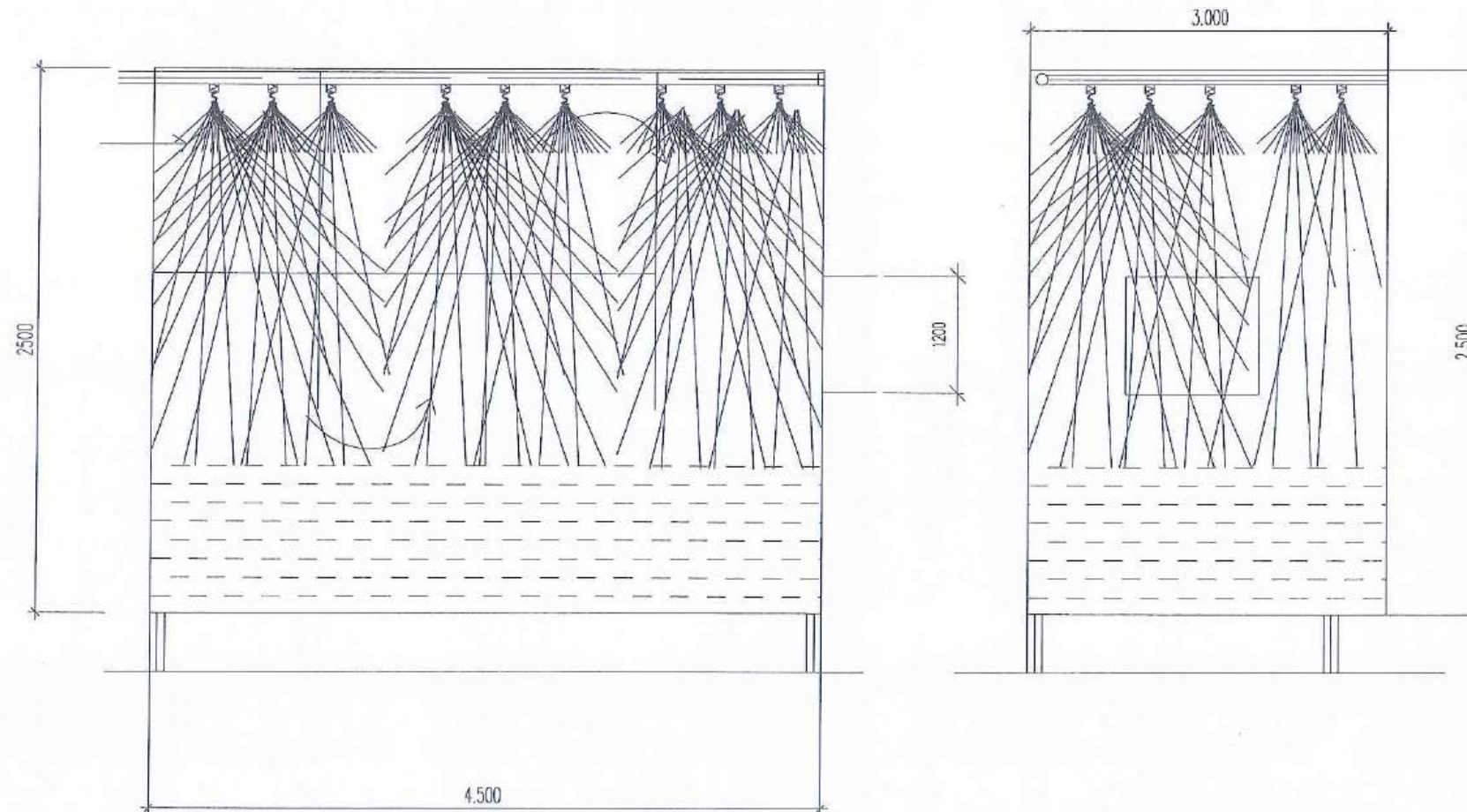
TÊN BẢN VẼ

TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	05/2025
SỐ HỢP ĐỒNG	
SỐ BẢN VẼ	

CHI TIẾT BỂ XỬ LÝ KHÍ



MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ KHÍ



MẶT CẮT A-A

MẶT CẮT B-B

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG

ĐỊA CHỈ: LÔ L6, KCN ĐỆM MÂY PHỐ NỘI,
PHƯỜNG DỊ SỬ, TX MỸ HẢO, TỈNH HƯNG YÊN

CÔNG TRÌNH
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
NỒI HƠI ĐỐT BIOMASS

ĐỊA ĐIỂM
ĐỊA CHỈ: LÔ L6, KCN ĐỆM MÂY PHỐ NỘI,
PHƯỜNG DỊ SỬ, TX MỸ HẢO, TỈNH HƯNG YÊN

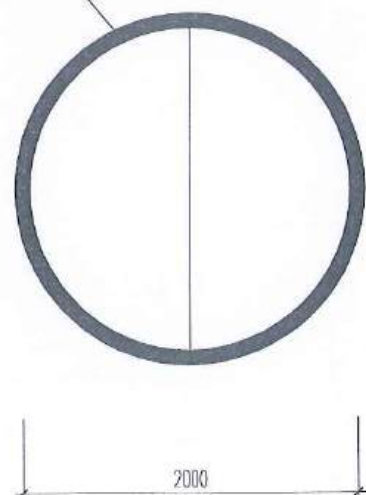
TÊN BẢN VẼ

TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	05/2025
SỐ HỢP ĐỒNG	
SỐ BẢN VẼ	

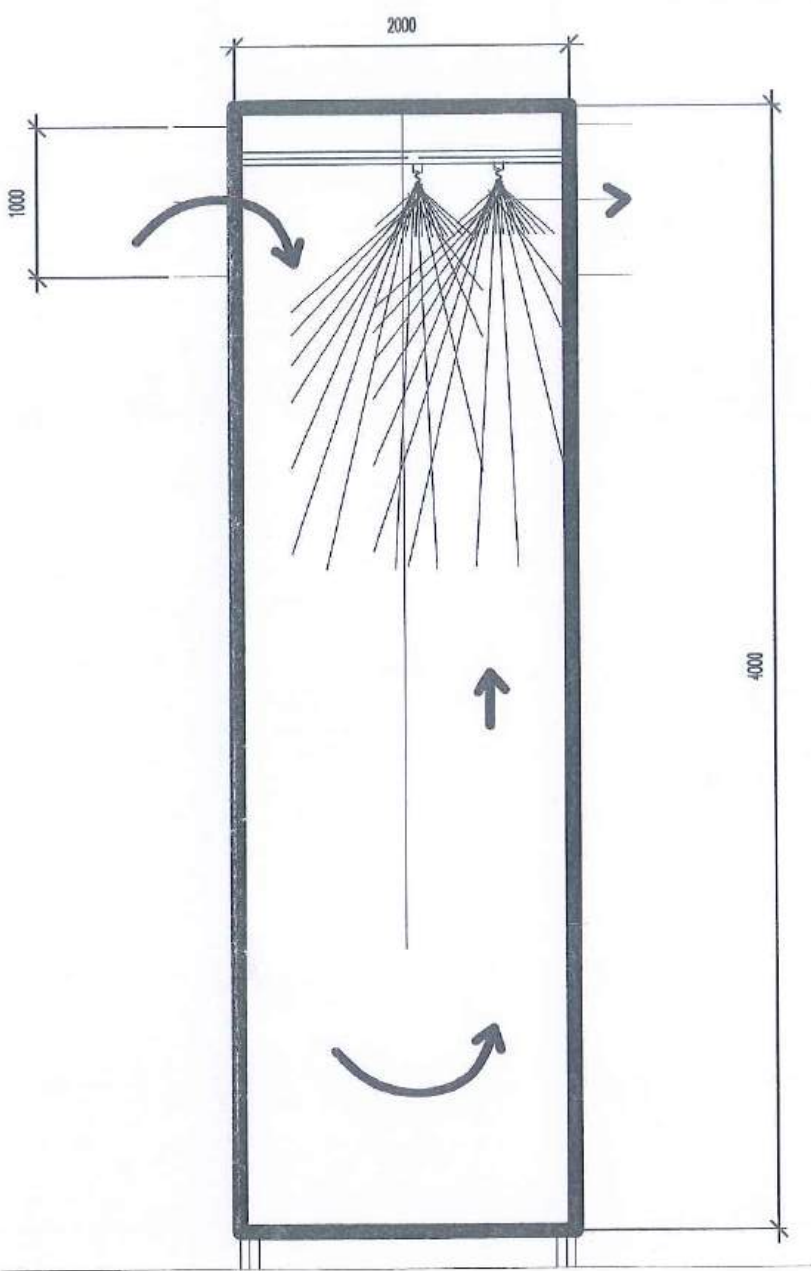
CHI TIẾT BỂ XỬ LÝ KHÍ INOX



Thân bể xử lý khí
bằng inox 304



MẶT BẰNG BỂ XỬ LÝ KHÍ



MẶT CẮT BỂ XỬ LÝ KHÍ

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT
VÀ THƯƠNG MẠI TRUNG DŨNG

ĐỊA CHỈ: LÔ 16, KCN DỆT MAY PHỐ NỘI,
PHƯỜNG DỊ SỬ, TX MỸ HẠO, TỈNH HUNG YÊN

CÔNG TRÌNH
HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI
NỘI HƠI ĐỐT BIOMASS

ĐỊA ĐIỂM
ĐỊA CHỈ: LÔ 16, KCN DỆT MAY PHỐ NỘI,
PHƯỜNG DỊ SỬ, TX MỸ HẠO, TỈNH HUNG YÊN

TÊN BẢN VẼ

TỶ LỆ	1/100
HOÀN THÀNH	05/2025
SỐ HỢP ĐỒNG	
SỐ BẢN VẼ	